

Số 192

VĂN HÓA

P H Â T G I Á O



Chào Mừng
Năm 2014



Giáp Ngọ
2014

Vua Mẹ
Xuân Đào
Mặt Thành
Ấm công
Gia Lộc
Đình phát
Việt cường

 **TÔN HOA SEN**
Mãi ấm gia đình Việt

 **ÔNG NHỰA HOA SEN**
Đản nguồn hàng chính

 **ÔNG KÈM HOA SEN**
Bền vững đến tương lai

www.hoasengroup.vn * www.toasangnghiulucviet.vn



Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIỀN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MÂN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trị sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Cô Trần Thị Hải Đông, DD: 0907 164 066

Quảng cáo
Cô Thu Sương, DD: 0918 032 040

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn
toasoanvhp@gmail.com

Tên tài khoản:
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo - Ban Văn hóa
Số tài khoản: 1487000000B
Ngân hàng VPBank, Chi nhánh TP. HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1 TP. Hồ Chí Minh

Sương mai	3
Trích Dẫn văn khai mạc Hội nghị thường niên GHPGVN kỳ 2 khóa VII	4
Những gì PISA không đo được (Nguyễn Cẩn)	5
Nhân lễ ra mắt Ban Văn hóa Trung ương GHPGVN nhiệm kỳ mới (Bùi Hữu Dược)	9
Bia tháp Phương Viên chùa Phổ Giác (Thích Đồng Dưỡng)	12
Sự thật về truyền thuyết Bồ-đề Đạt-ma là Tổ sư võ Thiếu Lâm (Nguyễn Anh Vũ)	14
Lựa lời mà nói (Nguyễn Phương)	16
Như một dòng nước lặng lẽ trôi (Ajhan Chah - Hoang Phong dịch)	20
Thực hành nhẫn nại (Geshe Kelsang Gyatso - Phạm Chánh Cẩn dịch)	23
Cúng dường (Cao Huy Hóa)	26
Chấp ngã (Hoàng Tá Thích)	28
Bác Thanh Chúc (Trà Kim Long)	30
Rắn không uống rượu (Tường Hữu)	33
Kỳ Viên Trung Nghĩa, ngôi chùa do Đoàn Huy Hoàng Thái hậu vận động sáng lập (Trí Bửu)	36
Quan Lạn: Ngôi đình cổ giữa biển đảo tỉnh Quảng Ninh (Nguyễn Trọng Nghĩa)	38
Hạt lúa – Hạt ngọc (Lý Thị Minh Châu)	41
Cội mai già (Đặng Trung Thành)	42
Trèo lên quăng dốc (Trương Văn Dân)	44
Vui trong nỗi lo (Phạm Lăng Yên)	46
Thương mùi hoa sữa thơm đêm (Phạm Tuấn Vũ)	48
Lớp học “đặc biệt” (Song Anh)	49
Văn hóa Phật giáo về các tỉnh phía Bắc (Văn Quảng Tâm)	50
Thơ (Phan Như, Nguyễn Nhã Tiên, Lê Hòa, Trà Kim Long, La Trung, Vĩnh Hiền, Lê Nghi)	52
Người cùng phố (Nguyễn Trọng Hoạt)	54
Thăm di sản – di tích ở Thanh Hóa và Quảng Bình (Hoàng Hạ)	56
“Miền đất lạ” qua nghệ thuật nhiếp ảnh (Trịnh Chu)	58
Xuân thì, bài tình ca của mùa xuân vô sinh bất diệt (Nguyễn Giang)	59
Những nén nhang không tắt (Nguyễn Đông Nhật)	60
Lời cảm ơn cuộc sống	61

Bìa 1: Vào xuân. Nguồn: shutterstock.com

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Năm mới 2014 đã đến. Giữa những bề bộn của xã hội, lòng người vẫn dấy lên hy vọng năm mới sẽ mang lại những vận hội mới. Trước khi chấm dứt năm cũ 2013, Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo đã kịp thời gửi đến quý vị những tờ lịch cho năm Giáp Ngọ 2014. Và Tạp chí cũng đã nhận được nhiều thư cảm ơn rất cảm động từ quý độc giả, cộng tác viên, ân nhân và thân hữu về việc tặng lịch, đồng thời khen ngợi ý nghĩa của tờ lịch. Thực tình, VHPG vô cùng biết ơn thịnh tình của tất cả quý vị, đã ủng hộ Tạp chí suốt chín năm qua để Tạp chí có thể thực hiện đúng hạnh nguyện của mình là góp phần xây dựng một xã hội hiền thiện dựa trên giáo pháp của Đức Phật. Công việc mà Tạp chí VHPG vẫn làm chỉ là góp nhặt tinh hoa từ muôn phương để rồi chia sẻ cùng mọi người, sao cho tinh thần Từ bi và Trí tuệ nơi Giáo pháp của Đức Phật luôn tỏa sáng trong lòng người, góp phần chuyển hóa mọi điều xấu ác có thể gây những tác động tiêu cực đến cuộc sống an lạc của xã hội. Sự đồng cảm của quý độc giả trước những cố gắng của Tạp chí lại tiếp tục là động lực giúp chúng tôi mạnh dạn và yên tâm thực hành hạnh nguyện của mình.

Vào lúc thực hiện số báo này, chúng tôi cũng nhận được lời phản ánh từ một cộng tác viên về một nhận xét từ nhóm bạn của vị cộng tác viên ấy, vẫn đều là độc giả nhiều năm liền của VHPG, rằng khi đọc VHPG, người đọc không bao giờ phải mất công tìm kiếm một đoạn văn tiếp nối của một bài viết ở một trang báo không liên tục; nhờ vậy, cái hứng của người đọc không bao giờ bị đứt đoạn do lỗi chủ quan của người làm báo. Chúng tôi hết sức cảm ơn trước nhận xét này. Chúng tôi cũng xin thưa, đây chính là một chủ trương nhất quán của Tạp chí VHPG trong việc trình bày bài vở. Chúng tôi vẫn mong muốn sao cho mọi bài viết đăng tải trên mặt báo VHPG đều là một tác phẩm báo chí trọn vẹn, luôn luôn được kết

thúc ở cuối một trang và không bao giờ phải đăng tiếp vào một số sau. Cũng chính vì thế, một bài viết trên VHPG chỉ có độ dài tối đa trong phạm vi 4.000 từ. Chúng tôi cũng

rất mong mỗi quý vị cộng tác viên lưu tâm đến chi tiết này mỗi khi gửi bài cho VHPG. Mặt khác, cũng do nhân sự của VHPG rất hạn chế, cũng xin quý vị gửi bài về Tạp chí qua địa chỉ thư điện tử toasoanvhp@gmail.com; bài viết thống nhất sử dụng font chữ Times New Roman khổ 14 gõ trên nền ngôn ngữ English (US) hoặc Vietnamese.

Trong khi chuẩn bị chào đón Tết Nguyên đán Xuân Giáp Ngọ 2014, nguyện cầu Tam bảo gia hộ tất cả quý vị thân tâm thường lạc.

Văn Hóa Phật Giáo



**Người thuyết pháp và người
nghe pháp cần phải liễu giải
nghĩa và liễu giải pháp.**

***Kinh Tăng Chi Bộ –
Chương Ba pháp***

Trích Diễn văn khai mạc

**Hội nghị thường niên GHPGVN kỳ 2 khóa VII (2012-2017)
của Hòa thượng Chủ tịch Hội đồng Trị sự**

... Trong mười năm trở lại đây, dấu ấn Phật giáo lại thêm rõ nét trên đất nước ta. Đó là các hoạt động của Giáo hội, nổi bật nhất là công trình xây dựng chùa chiền, tu viện, đức chuông, dựng tượng và các tổ chức lễ lạc. Đẹp đẽ, hoành tráng, và mang nhiều ý nghĩa tốt đẹp. Nhưng chúng ta cần nhớ, đây chỉ là mặt hình thức, là phương tiện truyền bá giáo lý. Phần chủ yếu, quan trọng nhất chính là tự thân mỗi Tăng Ni, Phật tử của Giáo hội; đây là sự tu tập, trau dồi trí tuệ và đạo đức cá nhân; là tam học, tam hành Giới, Định, Tuệ; là quá trình Văn Tư Tu. Giữ giới là để kiên trì đạo đức, phẩm hạnh, là sự ngăn ngừa ác hạnh; Thiền định là để tìm hiểu tâm rồi tu sửa tâm cho kiên cố vững vàng; Tuệ là để liễu hội, thể nhập giáo lý của Đức Phật, nhận thức đúng, hành động đúng. Văn, Tư, Tu là quá trình tu học để thể nhập chân lý; nghe giảng giáo lý, suy nghĩ về giáo lý; luyện tập, thực hành theo giáo lý. Giới Định Tuệ không tu, Văn Tư Tu không tập thì dù cho chúng ta có đóng góp được một số thành tích khả quan cho đời thì cũng chẳng đáng kể gì đối với lý tưởng của người con Phật là giải thoát tối hậu cho chính mình và giúp người khác giải thoát cho chính họ.

Kính thưa chư liệt vị,

Nhân dịp đầu năm Dương lịch 2014 và trước thềm năm Giáp Ngọ, tôi chân thành kính chúc chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni, quý vị cư sĩ, chư vị khách quý được phước lạc, an khang. Ngưỡng cầu Tam bảo phù hộ cho chúng ta và tất cả chúng sanh được an lạc, thế giới hòa bình, đất nước thịnh vượng.

Xin cảm ơn chư liệt vị.

Nam-mô Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật.





Những gì PISA không đo được

NGUYỄN CÂN

CÓ NÊN TỰ HÀO VÌ PISA KHÔNG?

Từ năm 2000, Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) đã thực hiện chương trình Đánh giá Học sinh Quốc tế (Programme for International Student Assessment viết tắt là PISA) trong phạm vi các quốc gia thành viên và không thành viên nhằm đánh giá khả năng học tập của các học sinh ở lứa tuổi 15 về các lĩnh vực toán, khoa học và đọc hiểu. Việc đánh giá này được lặp lại mỗi ba năm một lần với mục đích cung cấp cơ sở dữ liệu cho việc cải thiện chính sách và kết quả giáo dục của các nước tham gia.

Ngày 3/12/2013, kết quả lần thứ năm của chương trình đánh giá này, thực hiện trong năm 2012 (gọi là PISA 2012), đã được công bố, cho thấy Việt Nam đứng thứ 17/65 nước và vùng lãnh thổ có điểm chuẩn các lĩnh vực cao hơn 500, nhờ được đánh giá tốt ở cả ba khả năng: toán, khoa học và đọc hiểu. Đặc biệt, học sinh VN được xếp hạng cao hơn hẳn các nước phát triển mà OECD khảo sát như Mỹ, Anh, Úc.

Tại buổi gặp mặt báo chí thông tin về kết quả thi này, lãnh đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo khẳng định: “*Kết quả này là hoàn toàn chính xác và khách quan vì VN đã thực hiện nghiêm túc và bài bản các quy trình kỹ thuật theo yêu cầu của OECD dưới sự giám sát chặt chẽ của OECD*”. Thứ trưởng Nguyễn Vinh Hiển chia sẻ: “*Bản thân tôi cũng rất bất ngờ về kết quả này. Lâu nay cứ bị nói là chất lượng giáo dục thấp nên cũng lo lắng lắm. Kết quả này cũng tạo thêm niềm tin cho chúng tôi*”.

Vấn đề cần nêu ra là chúng ta nhận định thế nào về kết quả này và có nên tự hào về thứ hạng đạt được nêu trên không?

NHỮNG ĐIỀU PISA CHƯA ĐO ĐƯỢC

Ngay khi kết quả vừa được công bố, dư luận đã phản ứng rất nhanh. Một điều lạ là những phản ứng ngược với quan điểm của Bộ có vẻ nhiều hơn thái độ đồng tình. Một nhân vật có uy tín như bà Nguyễn Thị Bình nhấn mạnh “*Đừng nghĩ rằng học sinh VN đã vượt qua học sinh*

Mỹ mà vội mừng”. Người ta còn tranh luận cả về phương pháp thực hiện đánh giá này cũng như tính chính xác của nó. Điều quan trọng nhất, theo các chuyên gia, là VN cần tỉnh táo để đánh giá song phẳng ý nghĩa thực sự của kết quả này; nhất là khi PISA 2012 được công bố đúng vào lúc ban hành Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 8, Ban Chấp hành khóa XI (Nghị quyết số 29-NQ/TW với nội dung “đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa-hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”, hứa hẹn sẽ có đột phá trong tư duy giáo dục hướng đến tri thức có tính ứng dụng và đáp ứng nhu cầu thực tiễn.

Nghĩa là giáo dục VN đã và đang có vấn đề, đang mang những căn bệnh trầm kha, nan y mà bấy lâu nay chúng ta vẫn loay hoay tìm cách chạy chữa. Căn bệnh ấy nằm ở đâu thì cần nhìn lại một cách nghiêm túc với tinh thần cầu thị chứ đừng vội ngủ quên trên vòng nguyệt quế đầy huyền hoặc mà vô tình hay cố ý vừa nhận được.

Giáo sư Jim Cobbe, một học giả của chương trình Fulbright đã có nhiều nghiên cứu về giáo dục VN, nói với phóng viên Báo Thanh Niên: “Tôi không thấy lý do gì nếu như vì kết quả này mà các quan chức giáo dục trở nên tự mãn và chủ quan. Cùng lắm nó cũng chỉ cho thấy hệ thống giáo dục tiểu học, THCS (đến lứa tuổi 15) làm tương đối tốt. Nhưng nó chẳng nói lên điều gì về chất lượng giáo dục phổ thông, kỳ thi tuyển sinh đại học, và đặc biệt là thử thách lớn nhất của giáo dục VN: giáo dục đại học. Vì vậy, kết quả của PISA không nói lên được gì về chất lượng của một nền giáo dục”. Đồng quan điểm trên, Tiến sĩ Dennis Berg, người đã có hơn 20 năm làm cố vấn giáo dục tại VN, nói: “Đây là lần đầu VN tham gia cuộc khảo sát này và kết quả như vậy là đáng mừng. Tuy vậy, thành công trong một kỳ kiểm tra không nhất thiết là cá nhân đó đủ điều kiện để tồn tại trên thị trường lao động; và chắc chắn là không một công ty nào tuyển dụng một người chỉ đơn thuần có thành tích học tập tốt. Cho tới bây giờ tôi vẫn e là nền giáo dục VN vẫn chưa chú trọng đúng mức đến việc trang bị toàn diện các kỹ năng sống và năng lực tư duy cần thiết cho người học”. Khi lãnh đạo Bộ GD-ĐT chưa kịp vui mừng báo công trước xã hội kết quả mà chính lãnh đạo Bộ này thừa nhận là “cũng bắt ngờ” thì đã đón hàng loạt sự phê phán, thái độ thiếu tin tưởng.

Tiến sĩ James Thompson, ĐH London (Anh), nói rõ: “Kết quả cao của một nước chỉ được thừa nhận nếu như nước đó đáp ứng tiêu chí chọn học sinh ngẫu nhiên từ nhiều trường khác nhau. Đồng thời, không được có bất kỳ một chương trình “luyện gà chọi” dành cho các học sinh tham gia khảo sát mà ảnh hưởng đến chương trình học chính khóa. Nếu Bộ Giáo dục của một nước tự mình loại những trường được coi là yếu ra khỏi cuộc khảo sát, chắc chắn có thể kết luận kết quả cuối cùng của nước đó là bị thổi phồng”.

Bỏ sang một bên phương pháp và những hoài nghi về cách thức tiến hành, chúng ta hãy cứ chấp nhận kết quả trên một cách khách quan và không thiên kiến. Nhưng hãy nhìn lại toàn cảnh nền giáo dục VN một cách công tâm và khách quan như thế, chúng ta thấy gì?

1. Về mặt trí dục

Theo ông Trần Thắng, Chủ tịch Hội Văn hóa và Giáo dục VN tại Mỹ IVCE: “Nếu lấy chương trình học của một trường tư thục nội trú tại Connecticut (Mỹ) từ lớp 9 đến 12 so với VN, sẽ thấy các môn toán, vật lý, hóa tại VN tương đương với các môn năm thứ nhất của ngành kỹ sư; môn sinh tương đương với môn năm thứ nhất của ngành sinh, sinh - hóa tại ĐH ở Mỹ. Môn toán của lớp 10 và 11 ở các trường THPT của VN tương đương với toán PreCalculus cho sinh viên năm thứ nhất của các ngành kinh doanh, xã hội ở các trường ĐH Mỹ”.

Điều đó hàm ý mỗi quốc gia thường có cấu trúc hệ thống giáo dục phổ thông khác nhau. Thí dụ ở bậc trung học, tại Mỹ, người ta tập cho các em tự nghiên cứu kiến thức xã hội, kỹ năng làm việc cá nhân, phản biện, kỹ năng đọc sách; trong lúc tại các nước châu Á, học sinh thiên về kiến thức khoa học. Nền tảng giáo dục tại Mỹ không bắt học sinh tăng tốc quá sớm mà chỉ phát huy mạnh ở bậc đại học và sau đại học với sự chú ý đến việc luyện kỹ năng thích ứng môi trường làm việc khác nhau sau này. Ở VN, ngay từ bậc tiểu học, trẻ em đã bị nhồi nhét đủ mọi loại kiến thức, cần thiết và chưa cần thiết, thậm chí không cần thiết, nhưng lại rất yếu về kỹ năng hoạt động độc lập sáng tạo. Tiến sĩ Berg nhận định: “Nền nhớ là trong các cuộc khảo sát như thế này, Mỹ chưa bao giờ đạt thành tích tốt; trước giờ họ ở vị trí làng nhàng ra sao thì bây giờ vẫn vậy”. GS Cobbe giải thích thêm: “Một bộ phận học sinh Mỹ lúc 15 tuổi có rất ít động lực, hay chịu rất ít áp lực, phải đạt thành tích học tập cao”.

Nhiều nhà giáo dục cho rằng một nền giáo dục quá chú trọng vào thi cử là một nền giáo dục giết chết óc sáng tạo, khả năng khám phá cái mới và suy nghĩ khác biệt. Trong hệ thống đó, học sinh nào suy nghĩ khác biệt sẽ bị điểm thấp. Giáo dục VN nặng nề về thi cử và bằng cấp nên người ta chỉ đánh giá cao những ai phục tùng nguyên tắc và đưa ra câu trả lời theo bài mẫu. Tư duy “đồng phục” và ứng xử theo khuôn phép thì VN đạt điểm tuyệt đối, còn nếu cho các em phát huy trí tưởng tượng, năng lực sáng tạo thì không một cuộc thi PISA nào đo lường được.

Thực tế là rất khó so sánh thành tích của học sinh trong một hệ thống học thuộc lòng với thành tích của học sinh trong một hệ thống học tự do ở các nước phương Tây. Chạy theo những bảng xếp hạng như thế này chỉ làm chúng ta dễ mắc ảo tưởng AQ rằng, à thì ra mình vẫn thuộc hàng tầm cỡ bấy lâu mà không biết hoặc dư luận chỉ giới phê phán chủ quan mà thiếu cái nhìn, hay

thiếu niềm tin đúng đắn vào nền giáo dục bình dân “chất lượng” cao! Vàng, chất lượng thật! Đến nỗi có ông bố than phiền con học lớp năm mà cục gắp mấy lần mình học thạc sĩ. Thử nghe ông tâm sự trên mạng:

“Thú thật tôi không muốn con tôi đi học quá nhiều (không phải vì tốn kém) mà quan trọng là tôi nhìn con uể oải mỗi khi ngồi vào bữa ăn. Có những hôm con ăn vội ăn vàng cho xong bát cơm rồi chạy lên phòng để làm bài tập cô giao. Không hiếm hôm tới tận 11g đêm con mới được chui lên giường ngủ. Với sự mệt mỏi, quá sức thể này thì tôi không biết cháu tiếp thu được bao nhiêu kiến thức?... Con bảo rằng ngày nào cô cũng giao bài tập, giao rất nhiều, cả bài trong sách giáo khoa lẫn sách nâng cao bên ngoài...” (VN Express).

Một ông bố khác có con học lớp hai thì bực bạch: *“Con tôi đang học lớp hai mà nhiều hôm cũng phải đến 22g30 mới xong bài vở. Vệ sinh cá nhân xong là 22g45. Sau này rút kinh nghiệm, đến giữa giờ, tận dụng lúc nghỉ giải lao, tôi bảo con đi đánh răng trước chút học xong thì ngủ luôn. Làm như thế đỡ mất thời gian của bé”.*

Nguyên nhân vì sao ư? Do chương trình giáo khoa nặng nề khiến các em quá tải, hay vì Bộ GD-ĐT đặt ra chỉ tiêu cho giáo viên buộc họ phải nỗ lực ép học sinh để đạt kết quả học tập? Hay vì chính các bậc phụ huynh luôn mang tâm lý nếu không cho con học thêm sẽ không theo kịp bạn và thực tế như vậy thật? Cả ba yếu tố trên đều góp phần làm các em luôn căng thẳng, mệt mỏi.

Nhiều nhà giáo dục cảnh báo rằng động cơ học tập của các em đã được hoạch định và xây dựng một cách lệch lạc. Đã có ai hình dung câu trả lời của học sinh khi các em được hỏi học để làm gì hay học như thế nào? Một bài viết của nhà giáo dục Giáp Văn Dương đăng trên báo *Tuổi Trẻ* ngày 13-11-2013 cho biết; khi đặt câu hỏi “Học để làm gì” với khoảng 80 em học sinh từ trung học cơ sở trở lên và khoảng 100 sinh viên đại học, thì có tới 80% học sinh và 50% sinh viên trả lời theo kiểu: *Không biết học để làm gì. Học vì bố mẹ bảo học. Học vì tất cả mọi người đều như vậy. Học vì không biết làm gì khác; một nhóm khác chưa tới 25% học sinh và 50% sinh viên nhìn nhận: Học để có công ăn việc làm. Học để kiếm tiền; chỉ có từ 2-4% tùy theo nhóm nhận thức: Học để tự hoàn thiện mình.*

Nhiều nước trên thế giới, cả những nước có kết quả PISA thấp, vẫn chú ý rèn luyện cho học sinh của họ ý thức tự lập, tự học, chủ động và hợp tác trong việc tìm tòi kiến thức, sáng tạo trong việc vận dụng vào thực tế, đặc biệt là những kỹ năng mềm (soft skills). Họ không biến học sinh của họ thành những “con gà nhồi chữ”.

Trong bối cảnh hội nhập hiện nay, giới trẻ phải thích nghi được với thế giới bên ngoài. Chương trình giáo dục phải trang bị cho các em những kỹ năng ấy, nói theo một số nhà giáo dục, là trao những “chìa khóa” để mở cửa vào thế giới gồm nhiều thứ, từ kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đến là ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh. Ngoại

ngữ chính là cầu nối để sinh viên học sinh chúng ta tiếp thu kiến thức chuyên ngành và nâng cao khả năng thích nghi với bất cứ nền văn hóa bên ngoài nào. Cuối cùng là một số kỹ năng mềm như khả năng tư duy độc lập, trình bày, phân tích, tổng hợp, phản biện, làm việc nhóm... Tóm lại, giáo dục phổ thông nên đưa vào chương trình những kỹ năng trên để đào tạo ra những con người có thể hội nhập tốt với thế giới. Xã hội ngày càng hiện đại, kiến thức khoa học thì hầu như vô hạn. Dạy sử, dạy văn mà cứ bắt học sinh nhớ số liệu hay tẩm chương trích cú thì còn thua thời phong kiến vì làm sao có thể nhớ hết được; mà nhớ nhiều để làm gì khi chỉ với một cái click chuột trên Google, người ta có bao nhiêu số liệu. Vấn đề là xử lý thông tin, phân tích số liệu ra sao, đưa đến nhận định hay kết luận nào. Tại nhiều nước tiên tiến trên thế giới, nhà trường định hướng nghề nghiệp cho học sinh ngay từ thời phổ thông, như ở Anh là hệ thống trường nghề (Vocational Schools) và trường cho thành phần tinh hoa (Grammar School) được định hình ngay bậc trung học và người ta đào tạo những con người mà xã hội cần chứ không phải đào tạo theo những phương tiện mà người ta có. Trong khi ở ta, việc định hướng nghề nghiệp không rõ ràng, suốt 40 năm qua không thực hiện được việc phân ban ở bậc giáo dục phổ thông để cứ phải chứng kiến những công nhân không lành nghề, những giáo viên bất đắc dĩ, những thầy thuốc gây tội lỗi vì thiếu năng lực, những kỹ sư phải đào tạo lại... Tóm lại là những “sản phẩm lỗi” của một hệ thống giáo dục nhiều khiếm khuyết...

2. Về mặt đức dục

Kỹ năng thiếu thì còn bổ sung được nhưng nhân cách thiếu là một sự thất bại lớn không chỉ riêng cho học sinh, sinh viên mà cho cả xã hội. Nhân cách ấy tạo nên người có tâm, có trách nhiệm với nghề nghiệp, với cuộc đời, với đất nước. John Dewey, nhà triết học, tâm lý học và nhà cải cách giáo dục người Mỹ từng nói: *“Giáo dục là phương pháp cải tạo xã hội chắc chắn nhất”.* Trong khi đó, tình trạng băng hoại về đạo đức ở xã hội ta là điều quá hiển nhiên và điều này đã được nhiều người nặng lòng với xã hội quy vào trách nhiệm của nền giáo dục. Bà Võ Thị Hoàng Yến, Thạc sĩ chuyên ngành Hành vi ứng dụng và Phát triển con người, Giám đốc Trung tâm Khuyết tật & Phát triển (DRD) đã phát biểu về nguyên nhân dẫn đến sự băng hoại đạo đức: *“Nguyên nhân đầu tiên phải nói đến là từ giáo dục, một thời gian dài chúng ta bỏ quên việc giáo dục hình thành nhân cách cho học sinh. Trong nhà trường không có nhiều chương trình dạy cho học sinh biết cái gì là đúng, cái gì là sai. Khi các em ra xã hội, thấy những điều mà người khác làm nhưng không ai phản đối, không ai ngăn cấm, không ai lên án và pháp luật cũng không trừng trị thì làm thôi. Lâu dần người ta sẽ thấy điều đó là bình thường, không có gì đáng xấu hổ. Một nguyên nhân khác là xã hội chưa lên án đúng mức, pháp luật chưa trừng trị thích đáng*

nên người ta không sợ, vẫn cố tình làm dù có người vẫn biết hành vi đó là không đúng... Khi mà người làm điều ác để giành lợi ích cho bản thân mà không bị trừng phạt thì sẽ có nhiều người làm việc đó. Mà khi cái ác chiếm ưu thế, người ngay sẽ không dám lên tiếng vì sẽ không có ai bênh vực họ. Lúc đó cái ác càng có cơ hội chiếm ưu thế và làm băng hoại đạo đức xã hội”.

GS. Nguyễn Lân Dũng thì lại cho rằng: “Giáo dục phải bằng tấm gương chứ không phải lời nói. Lý thuyết giáo dục phải đứng vững được trong môi trường, trong hoàn cảnh xã hội thì mới có sức sống. Người lớn, nhất là những người có chức có quyền mà không gương mẫu thì lớp trẻ sao mà không hư? Con của gia đình những người tử tế thì làm sao mà đi ăn cướp được? Tôi vẫn thường suy nghĩ như thế” (Thế Thao Văn Hóa Cuối tuần, 14/12/2013). Điều này không mới vì từ ngàn xưa, Đức Phật đã nhấn mạnh vai trò quan trọng và hữu hiệu của *thân giáo*. Những người làm cha làm mẹ, thầy cô, bậc trưởng thượng, quan chức phải là tấm gương cho giới trẻ.

Những bậc thức giả trong xã hội đều quy cho sự thiếu giáo dục hay giáo dục không hoàn thiện là tác nhân gây nên những tệ nạn, không chỉ là hôi của, mà còn là tình trạng cướp bóc, tham nhũng, là thói bức hiếp người cô thế, cậy quyền, tự tung tự tác từ anh dân phòng cho đến những người có chức quyền... Tệ hơn là tình trạng vô cảm, không biết hổ thẹn, vô liêm sỉ, tha hóa nhân cách...

NIỀM TIN ĐỐI VỚI NỀN GIÁO DỤC

Điều này thì PISA không đo được. Phản ứng của xã hội là tin vào những chỉ số đánh giá xấu vì nó khiến người ta có cảm giác được chia sẻ hơn là những thành tích cao. Nói như một nhà báo: “*Vậy thì một PISA đầy lạc quan, xét về hiệu ứng truyền thông, là không thành công, bởi vì nó đem đến liều thuốc an thần, trong khi người dân VN đang từng ngày từng giờ chạy đôn chạy đáo chong mắt giám sát nền giáo dục đang làm gì với con em họ. Nhưng PISA thành công nếu là một phản đề tung ra để đo độ bất tín nhiệm của xã hội VN vào chính nền giáo dục của mình*” (Nguyễn Vĩnh Nguyên – Thời báo Kinh tế Sài Gòn).

Vì sao như vậy? Người dân không cần thuốc an thần. Dân chúng cần liệu pháp kháng sinh liều cao hay liệu pháp sốc cũng được để vực dậy một nền giáo dục đang lung lay tận gốc rễ. Người ta phân tích, phê bình những yếu kém chính là mong muốn lãnh đạo ngành giáo dục đừng tự mãn, chủ quan xem kết quả như thế là biểu hiện của chất lượng. Thế nhưng, trong tận đáy tâm hồn có thể nói không ít người dân vẫn thiếu tin tưởng vào chất lượng thực sự của giáo dục nước nhà cho dù kết quả là khách quan, chính xác của một khảo sát ít nhiều uy tín trên thế giới. Giới lãnh đạo các trường đại học trong hay ngoài công lập đều cho rằng khó khăn nghiêm trọng và chung của toàn hệ thống là phụ huynh không còn hay thiếu tin tưởng với nền



giáo dục hiện tại. Thử nhìn vào thực tế sẽ thấy nhận định này có cơ sở vì ngày càng nhiều người VN chưa giàu nhưng vẫn cố cho con đi du học, nước nào cũng được, kể cả từ tuổi rất nhỏ, nói như một nữ văn sĩ là đi “tị nạn giáo dục”(!). Thử hỏi xem những phụ huynh có điều kiện mong ước gì cho tương lai của con cái, ngoài việc con mình có cơ hội ra nước ngoài học tập? Ngay cả những người làm công tác giảng dạy và nhất là làm quản lý giáo dục ở VN vẫn thích đưa con ra nước ngoài. “Bộ phận” này chắc chắn không nhỏ!

Xây dựng niềm tin là khó, rất khó nhưng không thể không làm. Với kết quả khảo sát PISA, ở khía cạnh nào đó, chúng ta có quyền tự hào là mình không quá tệ như những nhận định trước đây, tuy nhiên không nên “say thuốc” mà phải tỉnh táo xem đó là một áp lực để xây dựng lại nền tảng ngành giáo dục để chỉnh đốn những lệch lạc trong tư duy những người làm chính sách, khắc phục những yếu kém, khôi phục lại niềm tin bắt đầu từ hệ mầm non... mà gần đây bộc lộ nhiều bất ổn, trước khi đưa ra sách lược dài hơi về giáo dục đại học. Nếu không, giá trị từ kết quả cuộc khảo sát PISA đối với VN sẽ trở thành vô nghĩa với công chúng, không chứng minh được gì vì rốt cuộc, chúng ta vẫn chỉ là nòng công chúa “lọ lem” rục rở trong lễ hội, ham vui quên mất lời dặn của bà tiên, để rồi PISA hóa thành chiếc hài đánh rơi thôi! ■

Ghi chú:

Danh sách 10 quốc gia, vùng lãnh thổ có điểm số về khoa học cao nhất thế giới theo PISA 2012:

Thượng Hải (Trung Quốc): 580 điểm, hạng 1; Hồng Kông (Trung Quốc): 555 điểm, hạng 2; Singapore: 551 điểm, hạng 3; Nhật Bản: 547 điểm, hạng 4; Phần Lan: 545 điểm, hạng 5; Estonia: 541 điểm, hạng 6; Hàn Quốc: 538 điểm, hạng 7; Việt Nam: 528 điểm, hạng 8; Ba Lan: 526 điểm, hạng 9; Canada: 525 điểm, hạng 10.



Nhân lễ ra mắt **Ban Văn hóa Trung ương GHPGVN nhiệm kỳ mới**

BÙI HỮU DƯỢC

Thật vui khi được tham dự lễ ra mắt Ban Văn hóa Phật giáo do Ban Văn hóa Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) phối hợp với Ban Trị sự Phật giáo tỉnh Ninh Bình tổ chức tại Ninh Bình. Thật ý nghĩa khi lễ ra mắt Ban Văn hóa Phật giáo kỳ này được tổ chức tại Tổ đình Đồng Đắc, chính là nơi hành đạo của ngài Đề nhất Pháp chủ GHPGVN, Đại lão Hòa thượng Thích Đức Nhuận.

Nói tới văn hóa Phật giáo là nói tới niềm tự hào của Tăng, Ni, Phật tử Việt Nam, bởi ở một quốc gia đa tôn giáo như nước ta, Phật giáo là tôn giáo có mặt từ rất sớm và là tôn giáo lớn nhất. (Trong 13 tôn giáo ở Việt Nam hiện nay, Phật giáo chiếm gần 70% số cơ sở thờ

tự; 50% số chức sắc và gần 50% số tín đồ của các tôn giáo cả nước). Gắn bó và đồng hành cùng dân tộc, Phật giáo có ảnh hưởng sâu sắc tới nhiều mặt đời sống xã hội, văn hóa Phật giáo đã góp phần thúc đẩy phát triển văn hóa dân tộc, làm phong phú thêm dòng chảy văn hóa Việt Nam suốt mấy ngàn năm lịch sử.

Nếu hiểu văn hóa theo nghĩa chung nhất "*là những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong quá trình lịch sử*" thì Phật giáo đã để lại nhiều giá trị văn hóa tiêu biểu cho nền văn hóa dân tộc. Các chuẩn mực đạo đức, lối sống tốt đẹp từ làng quê tới đô thị ở khắp nơi, xưa cho tới nay đã in đậm nét văn hóa Phật giáo. Nhiều công trình nghệ thuật và những lối sống Phật giáo như kiến trúc, điêu khắc, thơ, ca, nhạc, họa, ẩm thực... đã trở



thành những giá trị điển hình trong đời sống xã hội, góp phần làm phong phú kho tàng di sản văn hóa Việt Nam. Nói tới Phật giáo, chúng ta luôn tự hào về một Phật giáo Việt Nam độc đáo làm rạng danh lịch sử dân tộc, một Phật giáo đã có vị sư tài đức được tôn vinh làm vua, và có một vị vua rời ngôi báu xuất gia tu Phật và trở thành Phật hoàng của Phật giáo Việt Nam

Sử sách còn ghi về những vị sư chùa quê xưa như sư Vạn Hạnh, sư Khánh Văn, đã dạy cho học trò được đủ tài năng “vừa giỏi văn vừa giỏi võ, để trong văn có võ, trong võ có văn, văn võ kiêm toàn”, xuất thân là nhà sư, trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, nhờ tài năng mà làm tới chức tướng soái, trong thế cuộc xoay vần nhờ đức độ mà được tôn vinh làm vua của trăm họ, đặt nền móng khởi đầu cho vương triều Lý rực rỡ. Trên ngai vàng, nhà vua Lý Công Uẩn đã tỏ rõ là bậc minh quân khi thực hiện quyết sách dời kinh đô từ Hoa Lư ra Thăng Long và truyền bá đạo Phật trong nhân dân. Dời kinh đô bởi “xem khắp nước, đó là nơi thắng địa, thực là chỗ tụ hội quan yếu của bốn phương, đúng là nơi thượng đô kinh sư mãi muôn đời”. Nhờ quyết định

sáng suốt ấy mà ngày nay chúng ta có Thăng Long - Hà Nội, thủ đô ngàn năm văn hiến của Việt Nam đất nước anh hùng, một trong số ít thủ đô trên thế giới có tuổi ngàn năm. Truyền bá đạo Phật trong nhân dân, lấy xây dựng đạo Phật để xây nền văn hóa dân tộc, xây hệ tư tưởng độc lập, tự cường, cao nhất của giá trị văn hóa ấy là yêu nước, là độc lập dân tộc, lấy Đạo ấy để dựng Đời là xây dựng đất nước thái bình để mọi người dân được sống trong no ấm hạnh phúc. Nhờ tuệ nhãn ấy mà triết lý nhân sinh của Phật giáo hòa vào cuộc sống của dân tộc tới hôm nay.

Sau Lý Công Uẩn gần 300 năm, Phật giáo Việt Nam xuất hiện một vị vua được tôn vinh như Phật tại tiền. Vào thời điểm rực rỡ nhất trên ngai vàng, tuổi chưa tới 40, Đức vua Trần Nhân Tông quyết định nhường ngôi để xuất gia tu Phật. Ngài thấu hiểu chỉ có xây Đạo để dựng Đời thì đất nước mới phát triển được dài lâu. Từ tuệ nhãn ấy Ngài đã sáng lập nên dòng thiền danh giá, dòng thiền riêng của Phật giáo Việt Nam, còn tồn tại tới bây giờ. Ngài trở thành Phật hoàng của Phật giáo Việt Nam. Và mới đây vào ba ngày 02-04/12/2013 tại Yên Tử, GHPGVN cùng cả nước đã long trọng tổ chức Đại lễ tưởng niệm 705 năm ngày nhập Niết-bàn của Đức vua - Phật hoàng Trần Nhân Tông và khánh thành Bảo tượng Phật hoàng Trần Nhân Tông, được đúc bằng đồng nguyên chất liên khối cao gần 15 mét, nặng 138 tấn. Hoạt động đó vừa thể hiện sự tri ân, báo ân của hậu thế đối với tiền nhân, đồng thời cũng thể hiện nét văn hóa của dân tộc và của Phật giáo Việt Nam. Đó cũng là sự hội tụ kết tinh của anh linh nước Việt nơi thắng địa Phật giáo Yên Tử để góp phần tạo nên sức mạnh của dân tộc Việt Nam, thật là:

*Cây thành thần mộc,
Đá hóa thạch linh.
Người người có đạo,
Giặc nào không kinh.*

*Phật hoàng ngự giá,
Yên Tử vượn mình,
Muôn đời sáng mãi,
Tối cao, tối linh.*

Từ truyền thống uống nước nhớ nguồn, người Việt đã tạo nên nhiều hoạt động văn hóa tốt đẹp để tôn vinh những tấm gương của tiền nhân vì nước vì dân còn sáng mãi với thời gian. Noi gương của các bậc tiền nhân, thời nào Phật giáo Việt Nam cũng có những bậc cao tăng, thạch đức, mẫu mực xây Đạo giúp Đời để Phật giáo Việt Nam xứng danh là tôn giáo đồng hành cùng dân tộc.

Văn hóa Việt Nam còn lưu lại trong nhiều áng thơ văn hào sảng mà đậm nét triết lý Phật giáo qua các triều đại, sống với thời gian còn mãi tới ngày nay. Nhiều công trình Phật giáo trải bao thăng trầm cùng thế cuộc,

nhưng còn đó, như: Chùa Một Cột ở Hà Nội được xây dựng từ thời nhà Lý là minh chứng cho thời kỳ Phật giáo vàng son, đất nước hưng vượng, đã từng là biểu tượng một thời cho Việt Nam và Hà Nội; Tháp Phổ Minh ở Nam Định được xây dựng từ thời nhà Trần là chứng tích để chứng tỏ giai đoạn đất nước huy hoàng, Phật giáo phát triển; Chùa Thiên Mụ ở Huế được xây vào triều nhà Nguyễn, vẫn nguyên vẹn cùng thời gian, soi bóng nước sông Hương để chứng tỏ tình Đạo Đời bền mãi. Và gần đây nhiều công trình Phật giáo to, đẹp đã và đang được xây dựng, là biểu hiện của sự phát triển, trường tồn, gắn bó của Phật giáo cùng đất nước.

Lẽ ra mắt Ban Văn hóa Phật giáo sau Đại hội Phật giáo toàn quốc nhiệm kỳ VII với nhân sự là những người có khả năng tốt trong lãnh vực văn hóa. Lẽ ra mắt cũng là dịp để nhìn nhận, đánh giá và tự hào tôn vinh những thành tựu văn hóa mà Phật giáo hai ngàn năm qua đã đóng góp cho sự phát triển xã hội ở Việt Nam và thế giới; đây cũng là dịp để GHPGVN nhìn lại những gì về văn hóa Phật giáo hơn 30 năm gần đây đóng góp cho sự phát triển đất nước. Hơn một phần tư thế kỷ là khoảng thời gian rất ngắn so với hai ngàn năm Phật giáo có mặt ở Việt Nam, nhưng Phật giáo Việt Nam gần đây đã có những bước tiến lớn mạnh ở nhiều lĩnh vực. Nhìn văn hóa từ góc độ đào tạo: Trước năm 1981, Phật giáo cả nước chỉ có một trường Đại học Vạn Hạnh, Cao đẳng Phật học Huệ Nghiêm ở TP.HCM, Phật học viện Hải Đức ở Nha Trang... với sự hiện diện chưa tới mười vị tiến sĩ Phật học. Trong vòng một phần tư thế kỷ, sau khi thành lập tổ chức GHPGVN, Phật giáo cả nước đã có 4 học viện Phật giáo, 8 lớp cao đẳng Phật học, 32 trường trung cấp Phật học, các lớp sơ cấp Phật học, hàng năm có trên 5 ngàn Tăng, Ni theo học các cấp. Ngoài việc đào tạo trong nước, GHPGVN còn quan tâm gửi Tăng, Ni sinh đi học ở nước ngoài, hiện có gần 100 vị đạt trình độ thạc sĩ, tiến sĩ Phật học được đào tạo từ nước ngoài về đang phục vụ Giáo hội và còn trên năm trăm vị đang theo học chương trình sau đại học ở nước ngoài.

Cùng với hoạt động đào tạo Tăng tài, ngành hoằng pháp của GHPGVN đã tổ chức trên 30 khóa bồi dưỡng và hội thảo hoằng pháp, đào tạo hơn một ngàn Tăng, Ni giảng sư cao, trung cấp, tổ chức hàng vạn thời thuyết pháp, góp phần thúc đẩy phong trào học Phật, phụng đạo giúp đời vô cùng có ý nghĩa. Nhiều những hoạt động Phật giáo mang giá trị văn hóa rất cao cũng được quan tâm phát triển như: xuất bản kinh sách, báo chí, văn hóa phẩm, các hoạt động văn hóa, truyền thông, thi tìm hiểu về Phật giáo, hoạt động tương thân tương ái giúp đỡ người khó khăn, người già cả, neo đơn, động viên những học sinh hiếu học, khuyến khích sáng tạo, mở rộng giao lưu với Phật giáo quốc tế... Trong thời gian qua, Phật giáo cả nước còn tự hào bởi nhiều công trình được xây dựng, tôn tạo to, đẹp, xứng đáng với sự

lớn mạnh của Phật giáo Việt Nam trong thời đại mới, nhiều kỷ lục Phật giáo đã được thiết lập... Những hoạt động đó đã làm sống động thêm văn hóa Phật giáo Việt Nam thời kỳ mở cửa, hội nhập quốc tế.

Những thành tựu mà Phật giáo Việt Nam có được gần đây là nhờ truyền thống tốt đẹp của Phật giáo từ ngàn xưa, nhờ vận hội, cơ duyên của Phật giáo hôm nay, trong bối cảnh đất nước hòa bình, thống nhất. Các tổ chức hệ phái Phật giáo sinh hoạt trong ngôi nhà chung của GHPGVN có điều kiện để đoàn kết, thống nhất, phát huy khả năng cùng sự nỗ lực của Tăng, Ni, Phật tử cả nước. Tự hào về những thành tựu ấy, Phật giáo Việt Nam hôm nay càng thấy trách nhiệm lớn lao, làm sao để phát huy nhiều giá trị tích cực hơn nữa, để mỗi Tăng, Ni, Phật tử là một người con Phật chánh tín, đồng thời là một công dân gương mẫu, làm tấm gương sáng cho mọi người noi theo trong công cuộc xây dựng đất nước phát triển, xây dựng một nền văn hóa mới ở Việt Nam.

Từ sự chọn lọc và tích lũy các giá trị tốt đẹp của văn hóa Phật giáo, từ kinh nghiệm và trí tuệ của Phật giáo trải mấy ngàn năm, GHPGVN ngày nay, làm gì để xứng đáng với truyền thống, làm gì để hậu thế còn nhắc về Phật giáo hôm nay với niềm tự hào như Phật giáo của những thời huy hoàng trước đây. Với đại hùng, đại lực, Phật giáo Việt Nam hôm nay có thể rũ lớp bụi mờ mê tín, lạc hậu, làm tỏa sáng bản chất trí tuệ Phật giáo, để giúp đời thấy rõ, đi đúng con đường Chánh pháp. Hơn 60% Tăng, Ni trẻ của Phật giáo Việt Nam hôm nay nghĩ gì về việc làm của mình khi *"Phật giáo nhập thế"* mà nhân dân vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới hải đảo có nhu cầu về tín ngưỡng Phật giáo nhưng chưa được đáp ứng. Tuổi trẻ Phật giáo giờ đây làm gì để không chỉ bằng vàng, bia đá ghi tạc về công đức mà để tượng đài Phật giáo thực sự được tôn vinh, xây dựng bền vững trong lòng dân tộc.

Dịp ra mắt Ban Văn hóa Phật giáo vừa qua là một minh chứng về mối quan hệ Đạo, Đời bền chặt giữa Phật giáo và dân tộc Việt Nam. Sự quan tâm của quý vị lãnh đạo các cấp, các nhà nghiên cứu Phật giáo, các học giả, các nhà thiện tri thức, cư sĩ... đủ nói lên sự quan tâm sâu sắc tới Phật giáo, đó cũng chính là sự khẳng định ảnh hưởng của giá trị văn hóa Phật giáo đã thấm đượm trong tình cảm mọi người. Để giữ trọn tình Đạo, Đời bền chặt ấy, Phật giáo hôm nay hướng tới những việc làm tỏ rõ là tôn giáo đi đầu trong công cuộc vận động các tôn giáo cùng nhau đoàn kết, thực hiện tốt pháp luật của Nhà nước, làm tròn bổn phận và nghĩa vụ công dân, tích cực tham gia vào các hoạt động có ích cho Đạo, có lợi cho Đời, góp phần xứng đáng vào xây dựng đất nước, quê hương giàu đẹp, xây dựng môi trường sống lành mạnh, vì cuộc sống ấm no hạnh phúc của nhân dân theo phương châm tốt Đời đẹp Đạo. ■

Bia Tháp Phương Viên chùa Phổ Giác

THÍCH ĐỒNG DƯƠNG

Chùa Phổ Giác tọa lạc ở phố Ngô Sĩ Liên, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Chùa được lập vào thời Hậu Lê, cách đây chừng hơn 300 năm. Theo *Sao lục Phổ Giác tự nguyên do quá hiện sự tích ký*, chùa nguyên ở về xứ Tàu Tượng, thôn Hậu Lâu, Hà Thành nên có tên là chùa Tàu. Trước đó, người Trung Hoa sang ta định cư, cải gia làm chùa thờ Phật, lấy tên là Phổ Giác. Đến đời thứ tư, trong thời Thiền sư Sinh Tú làm trụ trì, do việc mở đường có ảnh hưởng đến tòa Tam bảo, chính quyền cấp cho một vạn hai nghìn quan tiền để tìm đất lập lại chùa. Sư Sinh Tú mua được đất tại xã Lương Sở, làm chùa mới rồi mang pháp khí, pháp tượng về thờ tự.

Phía trước tiền đường có hai ngôi tháp cổ; ngôi bên trái là tháp Kim Cương, ngôi bên phải là tháp Phổ Đồng, tức tháp chứa linh cốt của các tổ sư. Do phải di dời các mộ tháp về chùa mới mà nhà sư Sinh Tú đã lấy cốt từ ba tháp cũ lập thành một ngôi, để tên Phổ Đồng tháp. Trên thân tháp Phổ Đồng có một tấm bia đá nhỏ, ghi chép cuộc đời Thiền sư Khoan Giáo, sơ tổ bản tự. Bia có mười hai dòng, mỗi dòng 34 chữ, chữ khắc nhỏ và chân phương. Văn bia do Tăng thống Đạo Nguyên Thanh Lăng soạn vào năm Nhâm Thân (1812). Có thể xưa kia, khi Thiền sư Khoan Giáo tịch, đệ tử lập tháp Phương Viên¹. Đến khi di dời chùa thì bỏ tháp Phương Viên, gộp chung vào linh cốt của hai tháp Tổ khác, thành tháp Phổ Đồng như bây giờ.

Bia tháp Tổ cung cấp bằng hành trạng khá đầy đủ, chỉ có một số cứ liệu chưa thật rõ ràng. Trước hết là việc sư Khoan Giáo xuất gia tu học ở chùa nào. Bia tháp ghi đơn giản: “Năm mười tám tuổi, sư xuất gia tại Trùng Quang tùng lâm, dựa nương được bốn năm”. Tùng lâm Trùng Quang, một cái tên nghe khó hiểu.

Theo *Cúng tổ sư khoa*, phần đường thỉnh về Tổ Khoan Giáo, ta thấy có ghi rõ: “Đồng chân nhập đạo, đầu Bắc Giang đắc độ vu Kim Yên tôn sư Hải Hựu. Thanh văn thành tuệ, hiển giới thể oánh chu vu Hồng Phúc hòa thượng Đạo Chu...” nghĩa là: Đồng chân vào đạo, nương nhờ Bắc Giang, đắc độ ở chùa Kim Yên với Tôn sư Hải Hựu. Tròn tuổi Thanh văn, hiển giới thể sáng ngời ở Hòa thượng Đạo Chu chùa Hồng Phúc.

Thế thì sư Khoan Giáo xuất gia với Thiền sư Hải Hựu tại chùa Kim Yên ở Bắc Giang. Theo *Sao lục Phổ Giác tự nguyên do quá hiện sự tích ký* thì chùa Kim Yên nằm về xã Quật Tụ. Bài *Trùng san hậu dẫn* do Thanh Lịch soạn nói về truyền bản *Khóa hư* có đoạn: “Năm Tự Đức Đinh Mão

(1867), được bản này ở chùa Quật Tụ huyện Yên Thế”. Do đó, chùa Kim Yên ở xã Quật Tụ cũng gọi là chùa Quật Tụ mà Thanh Lịch đã tìm được bản in *Khóa hư* do chùa Hoa Yên trùng san. Nối kết lại, chùa Kim Yên thuộc xã Quật Tụ, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Đến năm Giáp Tuất (1754), Thiền sư Khoan Giáo mới ra Trung đô tìm học với Tổ Tính Chúc Đạo Chu chùa Hồng Phúc (chùa Hòe Nhai). Ở đây, sư thụ giới Thanh văn như bia ghi. Theo đường thỉnh môn đồ có liệt kê các đệ tử Thiền sư Hải Điện trong *Tào Động chính tông lịch đại tổ sư khoa* thì thấy ngài Khoan Giáo nằm vị trí thứ ba sau Khoan Thai và Khoan Dực. Phía dưới tên Khoan Giáo lại có hai chữ nhỏ “Phổ Giác” tức chỉ chùa ngài trụ trì. Điều này xác định, khi Tổ Tính Chúc viên tịch, ngài Hải Điện kế thừa trụ trì Hồng Phúc thì Khoan Giáo y vào ngài nên có pháp danh ở chữ “Khoan” trong câu kệ “*Từ Tính Hải Khoan*”.

Cùng khoa cúng, sau lời cung duy cho Khoan Dực có câu: “*Lục đại trụ trì Phương Viên tháp Nhu Hòa sa môn pháp hựu Khoan Giáo Thiện Căn bổ tát thiên tọa hạ*”. Sư kế thừa trụ trì chùa Hòe Nhai thuộc đời thứ sáu, sau Thiền sư Hải Tại Trí Tiếp. Bia tháp Thiệu Long tại chùa Bằng thôn Bình Vọng, Thường Tín xác định thêm: “*Tào Động Hồng Phúc thiệu đăng đệ tử tự Khoan Giáo, tự Khoan Phổ, cập đạo tràng tứ chúng đẳng báo đức bản sư kiến Thiệu Đăng tháp a xà lê ti kheo đại giới tự Hải Tại hòa thượng Trí Tiếp thiền sư Bồ-tát*”. Nghĩa là: Các đệ tử nối ngọn đèn (chánh pháp) có tự là Khoan Giáo và Khoan Phổ dòng Tào Động chùa Hồng Phúc cùng đạo tràng bốn chúng báo ơn thầy, xây tháp Thiệu Đăng cho A-xà-lê Tỳ-kheo đại giới tự là Hải Tại hòa thượng Trí Tiếp thiền sư Bồ-tát. Bia lập năm Cảnh Thịnh thứ ba (1795). Có thể Hải Tại viên tịch cách đó không lâu. Ta biết Khoan Giáo cũng tham học với Hải Tại nên sư mới đứng vai pháp tử kế thừa dòng pháp, xứng đáng ghi tên vào bia, đại diện môn đồ lập tháp cho thầy. Lúc ấy, sư đã trụ trì Phổ Giác, nhưng do thời loạn, tông môn tứ tán, sư đứng ra kế thừa trụ trì chùa Hòe Nhai để duy trì sinh hoạt trong chốn tổ. Năm vai trò trụ trì hai chùa nhưng Khoan Giáo có thể thường trực Phổ Giác, đặc cách đệ tử hoặc pháp đệ trông nom tổ đình. Người mà sau này kế thừa Khoan Giáo tại Hòe Nhai là Giác Lâm Minh Liễu thiền sư. Theo khoa cúng, Giác Lâm lúc đầu xuất gia với Tịch Trạng, sau “*Giai cảnh phúc đường y Phổ Giác*” (nhà phúc cảnh đẹp tựa nơi Phổ Giác) tức chỉ nơi hành đạo của Khoan Giáo. Nhìn lại quê quán Khoan Giáo và Giác Lâm, ta thấy hai vị có cùng quê An Bồi. Do đó, họ đồng hương nên Giác Lâm mới tựa



Chùa Phổ Giác. Nguồn: saigontoserco.com

nơi Khoan Giáo và Khoan Giáo đã đặc cách cho Giác Lâm về trụ trì chùa Hòe Nhai. Khi Giác Lâm trùng tu Hòe Nhai với sự trợ giúp của Khoan Nhân thì Khoan Giáo đã lớn tuổi nên mọi việc đều do Giác Lâm đảm trách. Sau khi hoàn thành đợt trùng tu, Khoan Giáo quảy dép về Tây.

Theo thể thứ các đời tổ trong *Cúng tổ sư khoa* thì Thiền sư Khoan Giáo được tôn xưng làm tổ đời thứ nhất chùa Phổ Giác, truyền cho Tổ Giác Minh làm đời thứ hai, truyền cho Tổ Đạo Quang làm đời thứ ba, truyền đến Tỳ-kheo Sinh Tú làm đời thứ tư, tiếp nhận vào đời thứ 5 là Thiền sư Quang Long. Các Tổ đều theo kệ phái Tào Động. Thiền sư Phúc Điền trong sách *Thiền uyển truyên đăng lục*, quyển hạ ghi: “*Chi ba truyền xuống Thiền sư pháp danh Khoan Hòa, chùa Phổ Giác, tỉnh Hà Nội. Truyền xuống đời thứ hai là Thiền sư Giác Thận. Truyền xuống đời thứ ba là Thiền sư Đạo Quang. Truyền xuống đời thứ tư là Thiền sư Sinh Tú.*” Chép sai tên hai vị đầu là Khoan Giáo và Giác Minh, có thể Phúc Điền nhầm. Sau đây, xin dịch nghĩa bài bia tháp Phương Viên.

Dịch nghĩa:

Gọi là tháp thì bên trong chứa xá-lợi của bản sư, bên ngoài ghi chép đầu cuối sự ra đời của thầy. Sư quê xã An Bồi, huyện Chân Định, phủ Kiến Xương, Sơn Nam. Thác sinh lệnh tộc họ Nguyễn, bồng bế nhọc nhằn. Năm mười tám tuổi, sư xuất gia tại Trùng Quang tùng lâm, dựa nương được bốn năm. Năm Giáp Tuất (1754), ra chùa Hồng Phúc ở Kinh đô mà đánh lễ Hòa thượng Tổ sư. Gặp Kim Yên mà thân theo thầy xà-lê, dựa vào thanh qui, mới hiểu trong gang tấc. Cõi đời hư ảo, muốn cứu giúp khắp mười phương. Đến năm Tân Tỵ (1761) bèn chống gậy đến chùa Phổ Giác. Sửa cũ làm mới, đúc chuông, làm tượng; thượng điện thì chim chóc bay nhảy, tiền đường thì tùng trúc tốt tươi, nghiêm nhiên trở thành một danh thắng của 36 trời thiền. Kịp đến tuổi 79, tự chứng Niết-bàn, đương giờ Thân ngày mồng 8 tháng 4 năm Nhâm Thân (1812) mà viên tịch. Đại chúng

hàng chân tục cảm ơn sâu của pháp nữ, dựng tháp mà trông đức, khiến cho đủ để thấy đức tướng của bản sư, như vậy mà cung kính cùng càn khôn không đổi vậy.

Đệ tử trợ cúng khai rõ phía dưới²

Phổ cập pháp quyến đệ tử kính nghĩ:

Nam mô Phương Viên tháp Nhu Hòa Tỳ-kheo Thiện Căn Bồ-tát Khoan Giáo thiền sư tọa hạ.

Giờ Ngọ ngày 28 tháng 4 năm Nhâm Thân (1812) thỉnh vào tháp.

Sắc tử Đạo Nguyên Tăng thống Thanh Lăng Tỳ-kheo soạn.

Phụ lục

Nguyên văn chữ hán:

夫塔者內藏本師之舍利，外記本師出世之顛末也。原本師貫山南建昌真定之安培社托襁褓於阮家令族劬勞當十八年出家業就重光叢林依止時方四歲至年甲午出京都投洪福而頂礼和尚祖師會金鞍而身隨閤梨教照禪規教宛已頓了於方寸之中；浮世虛欲濟度普十方之外。至辛巳歲遂掛錫於普覺寺焉。革固頂新鑄鐘造像上殿則翬飛鳥革前堂則松茂竹苞宛然乎三十六禪天之一名勝也。暨至年零七十九自證涅槃當壬申年孟四月初八日申時而圓寂焉。二諦眾等感法乳之深恩。窅坡而望德使之道者足于斯觀本師之德相如斯而敬在事存并乾坤而不替也。一助弟子法名開列于左。普及弟子諸人眷等恭惟

南無方圓塔柔和比丘善根菩薩寬教禪師座下

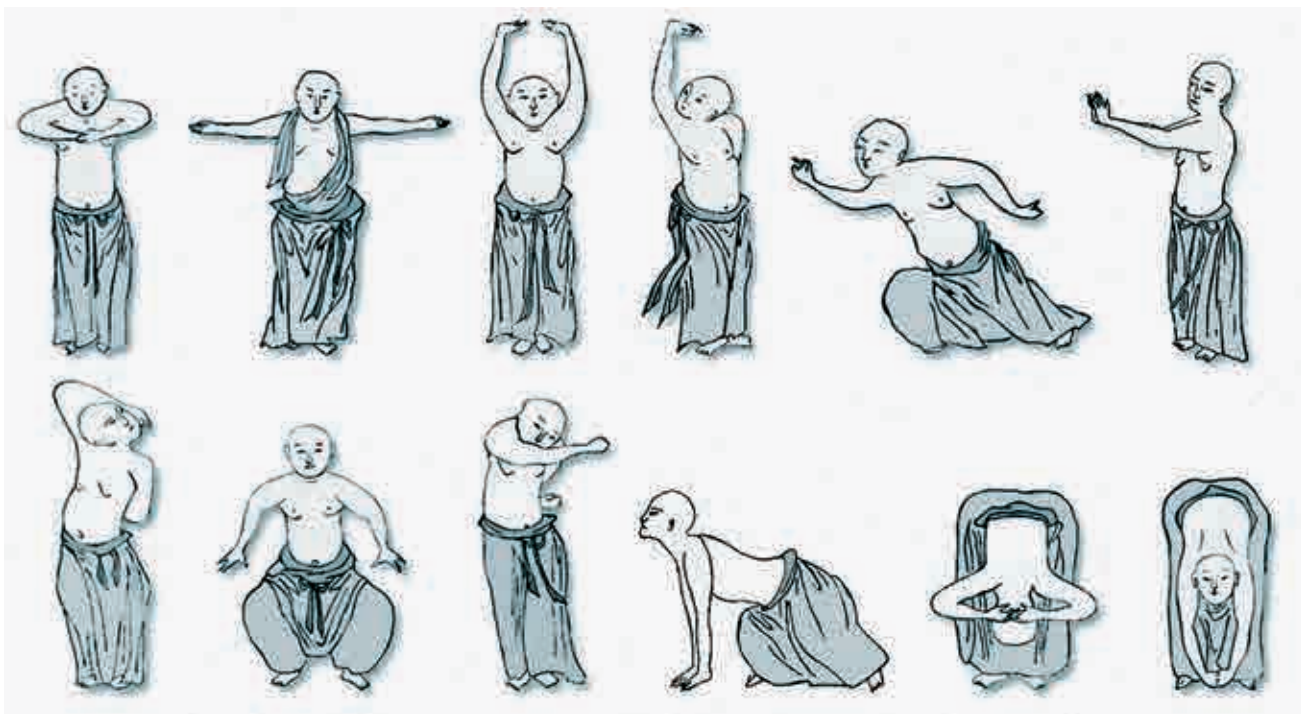
太歲壬申年四月二十八日午時請于入塔

右勅賜道源僧統清浪比丘撰 ■

Chú thích:

1. Một tấm bia tháp tại chùa Hòe Nhai cũng được lập để thờ ngài cùng với hai vị khác là Giác Lâm Minh Liễu và Thanh Như Chiếu.

2. Bia ghi thế, chứ không thấy khắc danh sách tăng tục công đức.



Sự thật về truyền thuyết Bồ-đề Đạt-ma là Tổ sư võ Thiếu Lâm

NGUYỄN ANH VŨ

Hiện nay, hầu hết người ta đều nghĩ rằng võ học Trung Quốc là xuất phát từ chùa Thiếu Lâm, võ thuật Thiếu Lâm là do Bồ-đề Đạt-ma sáng tạo, và *Dịch cân kinh* là thánh điển của võ học Thiếu Lâm! Nhưng thực ra quan niệm này hoàn toàn sai lầm. Võ học Trung Quốc đương nhiên không xuất phát từ chùa Thiếu Lâm, võ thuật Thiếu Lâm không phải do Bồ-đề Đạt-ma sáng lập, và *Dịch cân kinh* cũng không phải là công phu của Phật môn.

Truyền thuyết Bồ-đề Đạt-ma là Tổ sư của võ thuật Thiếu Lâm xuất hiện vốn không xưa lắm, mà xuất phát từ *Dịch cân kinh*.

Theo khảo chứng lịch sử thì suốt khoảng thời gian từ Thiên Khải năm thứ tư triều đại nhà Minh (năm 1624) đến Đạo Quang năm thứ hai triều đại nhà Thanh (năm 1822), *Dịch cân kinh* chỉ lưu truyền những bản chép tay. Đến Đạo Quang năm thứ ba mới có bản in rồi sau đó nhiều bản in khác nhau ùn ùn xuất hiện; nội dung của các bản cũng có nhiều chỗ sai biệt, nhưng đại để đều có hai bài tự, một bài đề tên Lý Tĩnh, là danh tướng đầu đời Đường, và một bài đề tên Ngưu Cao, là bộ hạ của danh tướng Nhạc Phi đời Nam Tống.

Bài tự ghi là của Lý Tĩnh viết: Đạt-ma diện bích chín năm ở chùa Thiếu Lâm Tung Sơn thì hóa, để lại một cái

rương sắt, trong đó có hai bộ kinh thư, một là *Dịch cân kinh*, hai là *Tỷ tỷ kinh*. Bộ *Tỷ tỷ kinh* bị Tuệ Khả lấy đi, còn bộ *Dịch cân kinh* thì được các Tăng trong chùa phát dương quang đại. Nhưng các Tăng trong chùa “mỗi người đều diễn giải theo ý riêng mà luyện tập, biến thành bàng môn, rơi vào kỹ thuật, mất đi ý chỉ đúng đắn của việc tu chân. Đến nay Tăng nhân Thiếu Lâm chỉ lấy kỹ thuật quyền cước để nổi danh, cũng là học được một phần nhỏ của kinh này”. Đây chính là chỗ y cứ của thuyết cho rằng võ thuật Thiếu Lâm bắt nguồn từ Đạt-ma, và võ thuật Thiếu Lâm của người đời sau đều phát xuất từ *Dịch cân kinh*; đây cũng là chủ đề gợi hứng cho tiểu thuyết võ hiệp và điện ảnh võ thuật sau này.

Nhưng thực ra bài tự đề Lý Tĩnh viết là ngụy tạo. Đời Thanh, Lăng Đình Kham trong *Hiệu Lễ Đường văn tập* đã khảo chứng: Đời Đường, ngoại trừ khoảng thời gian từ niên hiệu Thiên Bảo thứ ba đến Kiến Nguyên nguyên niên là đổi chữ “niên” 年 thành chữ “tải” 載 (đều có nghĩa là năm), còn lại đều không viết chữ “tải”. Bài tự này đề: Đường Trinh Quang nhị tải xuân tam nguyệt (Đời Đường, tháng ba mùa xuân, Trinh Quang năm thứ hai), rõ ràng bài tự này là ngụy tạo. Kể đến, câu chuyện Cầu Diên Khách cũng chỉ là tiểu thuyết, không phải là lịch sử thật. Năm 1928, Từ Chấn trong cuốn *Dịch*

cân kinh *Tỷ tử kinh khảo chứng* còn đưa ra thêm các chứng cứ chứng tỏ đây là bài tự nguyện tạo:

(1) Bài tự đề của Lý Tĩnh tự ký “Lý Tĩnh Dược Sư phủ tự” (李靖藥師甫序), căn cứ *Cựu Đường thư · Lý Tĩnh truyện* 舊唐書 · 李靖傳, Lý Tĩnh vốn tên là Dược Sư, về sau mới đổi tên tự là Tĩnh, cho nên lúc viết bài tự không thể tự xưng là Lý Tĩnh Dược Sư phủ (phủ 甫 là tiếng tôn xưng người đàn ông).

(2) Trong bài tự nói kinh này do Tăng nhân Thiên Trúc Bát-lạt-mật-đế dịch. “Từ Hồng Khách gặp Bát-lạt-mật-đế ở hải ngoại, được ông tặng cho bản kinh này; sau đó Từ Hồng Khách lại tặng cho Cầu Diên Khách...” mà sự tích Cầu Diên Khách là do đạo sĩ Đỗ Quang Đình tạo ra vào cuối đời Đường.

(3) Bài tự viết rõ “Đường Trình Quang nhị tải xuân tam nguyệt”, lúc này Lý Tĩnh đang nhậm chức Quan nội đạo hành quân đại tổng quản, với thân phận như vậy mà trong bài tự viết là “đây là lúc mình công thành thân thoái” thì không phù hợp.

(4) Trong bài tự nói Bát-lạt-mật-đế dịch hai bộ kinh văn này vào đời Tùy. Bát-lạt-mật-đế đúng là nhân vật có thực, nhưng ông từng dịch *Đại Phật Đỉnh Thủ Lăng Nghiêm kinh* vào thời Võ Tắc Thiên, đời Đường. Nếu vị Tăng nhân này đúng là có dịch hai bộ *Dịch cân kinh* và *Tỷ tử kinh* thì lúc ông dịch bộ *Thủ Lăng Nghiêm kinh* ít nhất cũng đã hơn 120 tuổi.

(5) Lời văn trong bài tự này không phải là ngôn ngữ của người đời Đường.

Những chứng cứ trên đều rất rõ ràng, đủ để phân biệt thật giả. Trên thực tế, đối với hai cuốn kinh này, muốn phân biệt thật giả không cần phải phí nhiều công sức để chứng minh như vậy. Bởi vì trong Phật điển, phạm gọi là “kinh”, ngoại trừ một số ít ngoại lệ như *Duy-ma-cật kinh*, *Lục tổ đàn kinh*, đại khái đều là lời Phật thuyết pháp. Những loại Phật điển gọi là “kinh”, kinh văn đều có hình thức cố định. Riêng hai cuốn *Dịch cân kinh* và *Tỷ tử kinh* lại hoàn toàn không phù hợp với thể lệ quen thuộc của kinh điển Phật giáo, cho nên hai cuốn sách này chắc chắn không phải do Đạt-ma truyền lại, cũng không phải do Bát-lạt-mật-đế dịch hiện vẫn còn, so sánh một chút về lối hành văn thì biết đây là nguyện thư của người đời Minh thác danh cho cổ nhân. Theo nghiên cứu của Đường Hào 唐豪, viết trong *Thiếu Lâm Võ Đương khảo* 少林武當考, *Dịch cân kinh* 易筋經 là tác phẩm của Tử Ngưng đạo nhân 紫凝道人, người đời Minh.

Đến đời Thanh, trong dân gian lưu truyền rất nhiều bản *Dịch cân kinh* khác nhau; trong đó có bản còn gọi là *Dịch cân kinh thập nhị thế*, gồm các thế như Vi Đà Hiến Chử, Hoàn Hắc Hàng Ma Chử, Chuồng Thác Thiên Môn, Trích Tinh Hoán Đầu, Đảo Duệ Cửu Ngưu Vĩ, Xuất Trảo Lượng, Cửu Quỷ Bạt Mã Dao Thế, Tam Bàn Lạc Địa, Thanh Long Thám Trảo, Ngọa Hổ Phốc Thực, Đả Cung

Kích Cổ, Điều Vĩ Dao Đầu. Thực ra các thế này đều không phải là chiêu thức võ công, mà là các tư thế đạo dẫn.

Xem trọng “khí” là quan điểm của xu hướng võ thuật mới vào khoảng cuối đời Minh. Từ những động tác hình thế, kỹ thuật đòn thế, tốc độ và sức mạnh, các nhà võ thuật chuyển hướng sang chú trọng các kỹ thuật vận hành khí huyết bên trong, đây gọi là “Nội gia quyền”. Các công phu hướng vào bên trong (nội công) trở thành một xu thế quan trọng trong thời kỳ này.

Dịch cân kinh chính là ví dụ minh chứng tốt nhất cho xu thế này. Sách này nói phương pháp luyện công của nó có thể khiến người ta có “cánh tay, cổ tay, bàn tay, ngón tay khác hẳn bình thường; lấy ý vận nó, sẽ cứng như sắt đá; khép các ngón tay có thể đâm xuyên bụng trâu, mép bàn tay có thể chặt đứt cổ trâu”. Hiệu năng này không phải là sức mạnh thông thường, mà là dựa vào “khí”; cho nên không phải là công phu “ngoại tráng” (làm cho bên ngoài mạnh mẽ), mà là công phu “nội tráng” (làm cho bên trong mạnh mẽ). Đây chính là mục đích luyện tập của *Dịch cân kinh*. ■

Tham khảo: Đạt-ma Dịch cân kinh luận khảo – *Cung Bằng Trình*; http://blog.sina.com.cn/s/blog_60ca1b670100f77.html.

Cung Bằng Trình là nhà giáo dục nổi tiếng người Đài Loan, là hiệu trưởng sáng lập các trường Phật Quang đại học và Nam Hoa đại học tại Đài Loan.



Lừa lòi ma nói

NGUYỄN PHƯƠNG

Trong đời sống hàng ngày, lời nói đóng một vai trò hết sức quan trọng. Nó là cầu nối giữa con người và con người, giúp con người gần gũi và thương quý lẫn nhau, có khả năng lấp dần các khoảng cách giữa xa lạ và thân quen, giữa ngộ nhận và hiểu biết, giữa đối đầu và cảm thông, giữa khổ đau và hạnh phúc. Cuộc sống có trở nên tốt đẹp hay không, con người có được sự hiểu biết, cảm thông và thương quý nhau hay không, một phần là nhờ vào lời nói. Đạo Phật cho rằng lời nói không chỉ là điều kiện giúp cho con người đi đến sự hiểu biết, cảm thông và thương quý lẫn nhau, mà còn là phương tiện giúp con người đạt đến mục tiêu giác ngộ¹. Một trong những cách thức mà Đức Phật đã sử dụng để khai thị con đường hạnh phúc an lạc cho mọi người, đó là thuyết giảng Chánh pháp và Ngài đã vận dụng lời nói rất thiện xảo và hữu hiệu trong sự nghiệp thuyết pháp độ sinh của mình. Do lời nói đóng vai trò quan trọng như vậy đối với đời sống của con người nên đạo Phật rất chú trọng đến việc phân định rõ về ý nghĩa của lời nói cũng như cách thức tu tập, ứng dụng lời nói.

Trước hết, đạo Phật minh định rất rõ về hai loại lời nói hay hai loại khẩu hành. Loại thứ nhất gồm những lời nói sai trái xấu ác, đưa đến hại mình và hại người gọi là tà ngữ (micchà-vàcà). Loại thứ hai bao hàm những lời nói chân chánh hiền thiện, đưa đến lợi mình và lợi người gọi là chánh ngữ (sammà-vàcà). Đức Phật định nghĩa:

“Và này các Tỳ-kheo, thế nào là tà ngữ? Vọng ngữ, nói hai lưỡi, ác khẩu, nói lời phù phiếm; như vậy, này các Tỳ-kheo, là tà ngữ. Và này các Tỳ-kheo, thế nào là chánh ngữ? Viễn ly vọng ngữ, viễn ly nói hai lưỡi, viễn ly ác khẩu, viễn ly phù phiếm ngữ; như vậy, này các Tỳ-kheo, là chánh ngữ”².

Về phương diện tu tập lời nói, Đức Phật đưa ra những lời khuyên minh định rõ ràng việc con người nên từ bỏ tà ngữ và nên thực hành chánh ngữ. Ngài nhắc nhở:

“Vị Thánh đệ tử từ bỏ nói láo, tránh xa nói láo, nói những lời chân thật, y chỉ trên sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không phản lại đời. Vị ấy từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, không đến nói chỗ kia để sanh chia rẽ ở những người này, nghe điều gì ở chỗ kia, không đi nói với những người này để sanh chia rẽ ở

những người kia. Vì ấy sống hòa hợp những kẻ ly gián, khuyến khích những kẻ hòa hợp, hoan hỷ trong hòa hợp, thoả mái trong hòa hợp, hân hoan trong hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp. Vì ấy từ bỏ nói lời độc ác, tránh xa nói lời độc ác, vì ấy nói những lời nhẹ nhàng, thuận tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, vui lòng nhiều người, vì ấy nói những lời như vậy. Vì ấy từ bỏ nói phù phiếm, tránh xa nói lời phù phiếm, nói đúng thời, nói những lời chân thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời về Chánh pháp, nói những lời về Luật, nói những lời đáng được gìn giữ, những lời hợp thời, thuận lý, có mạch lạc, hệ thống, có ích lợi”³.

Trong một văn cảnh khác, Đức Thế Tôn xác nhận lời nói hay khẩu hành có hai loại. Một loại được biết như là tà ngữ, không nên hành trì, vì nếu hành trì thì, theo lời giải thích của Tôn giả Xá-lợi-phất, các bất thiện pháp sẽ tăng trưởng, các thiện pháp sẽ thối giảm. Loại thứ hai được xem là chánh ngữ, nên hành trì, vì nếu chấp trì chánh ngữ thì các bất thiện pháp sẽ thối giảm, các thiện pháp sẽ tăng trưởng. Nói cách khác, Phật khuyên mọi người nên từ bỏ tà ngữ, thực hành chánh ngữ, vì làm như thế thì khổ đau sẽ giảm thiểu và hạnh phúc sẽ tăng trưởng. Sau đây là lời giải thích đầy đủ của Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Bạch Thế Tôn, khẩu hành gì khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm? Ở đây, bạch Thế Tôn, có người vọng ngữ, đến chỗ tập hội, hay đến chỗ chúng hội, hay đến giữa các thân tộc, hay đến giữa vương tộc, khi bị dẫn xuất làm chứng và được hỏi: ‘Này người kia, hãy nói những gì ông biết’. Nếu biết, người ấy nói: ‘Tôi biết’; nếu không biết, người ấy nói: ‘Tôi không biết’ hay nếu không thấy, người ấy nói: ‘Tôi không thấy’; nếu thấy, người ấy nói: ‘Tôi thấy’. Như vậy lời nói của người ấy trở thành cố ý vọng ngữ, hoặc vì nguyên nhân tự kỷ, hoặc vì nguyên nhân tha nhân, hoặc vì nguyên nhân một vài quyền lợi gì. Và người ấy là người nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, đến chỗ kia nói để sanh chia rẽ ở những người này, nghe điều gì ở chỗ kia, đi nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia. Như vậy, người ấy ly gián những kẻ hòa hợp, hay xúi giục những kẻ ly gián, ưa thích phá hoại, vui thích phá hoại, thích thú phá hoại, nói những lời đưa đến phá hoại. Và người ấy là người nói lời thô ác. Bất cứ lời gì thô ác, tàn ác, khiến người đau khổ, khiến người tức giận, liên hệ đến phần nộ, không đưa đến Thiên định, người ấy nói những lời như vậy. Và người ấy nói những lời phù phiếm, nói phi thời, nói những lời phi chơn, nói những lời không lợi ích, nói những lời phi pháp, nói những lời phi luật, nói những lời không đáng gìn giữ. Vì nói phi thời nên lời nói không có thuận lý, không có mạch lạc, hệ thống, không có lợi ích. Khẩu hành như vậy, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm.

Bạch Thế Tôn, khẩu hành gì khi hành trì thời các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng? Ở đây,

bạch Thế Tôn, có người từ bỏ vọng ngữ, tránh xa vọng ngữ, đến chỗ tập hội, hay đến chỗ chúng hội, hay đến giữa các thân tộc, hay đến giữa các tổ hợp, hay đến giữa vương tộc, khi bị dẫn xuất làm chứng và được hỏi: ‘Này người kia, hãy nói những gì ông biết’. Nếu biết, người ấy nói: ‘Tôi biết’; nếu không biết, người ấy nói: ‘Tôi không biết’ hay nếu không thấy, người ấy nói: ‘Tôi không thấy’; nếu thấy, người ấy nói: ‘Tôi thấy’. Như vậy lời nói của người ấy không trở thành cố ý vọng ngữ, hoặc vì nguyên nhân tự kỷ, hoặc vì nguyên nhân tha nhân, hoặc vì nguyên nhân một vài quyền lợi gì. Và người ấy từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, không đi đến chỗ kia nói để sanh chia rẽ ở những người này, nghe điều gì ở chỗ kia không đi nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia. Như vậy, người ấy sống hòa hợp những kẻ ly gián, tăng trưởng những kẻ hòa hợp, ưa thích hòa hợp, vui thích hòa hợp, thích thú hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp. Và người ấy từ bỏ lời nói độc ác, tránh xa lời nói độc ác; người ấy nói những lời nói nhu hòa, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, vui lòng nhiều người. Và người ấy từ bỏ lời nói phù phiếm, tránh xa lời nói phù phiếm; người ấy nói đúng thời, nói những lời chơn thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời về Chánh pháp, nói những lời về luật, nói những lời đáng được gìn giữ. Vì nói hợp thời, nên lời nói thuận lý, có mạch lạc hệ thống, có ích lợi. Khẩu hành như vậy, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng”⁴.

Như vậy, đạo Phật xác định rất rõ về công năng và tác dụng quan trọng của lời nói. Lời nói có thể khiến cho con người rơi vào phiền muộn khổ đau, khổ cho mình và khổ cho người, nếu nó được sử dụng sai trái với động cơ xấu ác (tham-sân-si). Trái lại, nó có thể làm cho con người hạnh phúc an lạc, nếu nó được vận dụng đúng đắn với động cơ hiền thiện (không tham-sân-si). Người Phật tử được khuyên nỗ lực từ bỏ tà ngữ, thực hành chánh ngữ, vì đó là điều kiện khiến cho cái xấu ác bị ngăn chặn và tiêu diệt, cái hiền thiện được sinh khởi và tăng trưởng, cũng đồng nghĩa là khổ đau bị ngăn chặn và loại trừ, hạnh phúc được sinh khởi và tăng trưởng. Đây là ý nghĩa căn bản của việc tu tập về lời nói được nhấn mạnh trong đạo Phật, tức là biết giữ gìn lời ăn tiếng nói, tránh nói những điều sai trái xấu ác khiến khổ đau sinh khởi và tăng trưởng, chỉ nói những điều chân chánh hiền thiện khiến an lạc sinh khởi và tăng trưởng.

Ở một cấp độ tu tập khác, Đức Phật khuyên mọi người nên có sự phân định rõ ràng về năm loại ngôn ngữ trong khi nói với người khác để bảo đảm lời nói của mình nhất định đưa đến lợi mình và lợi người, không đưa đến hại mình và hại người:

“Chư Tỳ-kheo, có năm loại ngôn ngữ mà các Thầy có thể dùng khi nói với các người khác: đúng thời hay phi thời, chơn thực hay không chơn thực, nhu nhuyễn hay thô bạo, có lợi ích hay không lợi ích, với từ tâm hay với sân tâm. Chư Tỳ-kheo, khi nói với các người khác, các



Thầy có thể nói đúng thời hay phi thời. Chư Tỳ-kheo, khi nói với các người khác, các Thầy có thể nói lời chơn thực hay nói lời không chơn thực. Chư Tỳ-kheo, khi nói với các người khác, các Thầy có thể nói lời nhu nhuyễn hay nói lời thô bạo. Chư Tỳ-kheo, khi nói với các người khác, các Thầy có thể nói lời lợi ích hay nói lời không lợi ích. Chư Tỳ-kheo, khi nói với các người khác, các Thầy có thể nói với từ tâm hay với sân tâm. Chư Tỳ-kheo, ở tại đây, các Thầy cần phải học tập như sau: ‘Chúng ta sẽ giữ tâm của chúng ta không biến nhiễm, chúng ta sẽ không thốt ra những lời ác ngữ, chúng ta sẽ sống với lòng lân mẫn, với tâm từ bi, với nội tâm không sân hận. Chúng ta sẽ sống bao phủ người này với tâm câu hữu với từ. Và với người này là đối tượng, ta sống biến mẫn cùng khắp thế giới với tâm câu hữu với từ, quảng đại vô biên, không hận, không sân.’ Chư Tỳ-kheo, như vậy các Thầy cần phải học tập”⁵.

Ở cấp độ tu tập này thì việc sử dụng lời nói càng trở nên thận trọng và tinh tế hơn. Người Phật tử không những phải sử dụng chánh ngữ mà còn phải tỉnh táo và sáng suốt trong lúc giao tiếp để biết rõ lúc nào mình nên nói hay không nên nói (đúng thời hay phi thời), nên nói những gì hay không nên nói những gì (chơn thực hay không chơn thực, nhu nhuyễn hay thô bạo, có lợi ích hay không có lợi ích) và nói như thế nào (với từ tâm hay với sân tâm) để cho người khác có được lợi ích an lạc. Chẳng hạn, một lời nói dù là chân chánh hiền thiện, nhưng nếu nói cho một người không sẵn sàng lắng nghe hoặc nói không đúng lúc đúng chỗ thì lời nói đó không có tác dụng và không mang lại lợi ích cho người nghe. Đáng chú ý rằng lời nói không gì khác là hiện

thân của tâm ý hay hệ quả sự vận hành của tâm thức. Do vậy, để hỗ trợ cho việc thực thi lời nói có hiệu quả tốt đẹp, nghĩa là đúng thời, chân thật, nhu nhuyễn, có lợi ích và có từ tâm, Đức Phật khuyên chúng ta cần phải biết nuôi dưỡng tâm ý trong sáng, không biến nhiễm, có lòng thương mến đối với người khác, có nội tâm an tịnh, không hận, không sân, tuyệt đối không nói lời xấu ác. Vì nếu một người có tâm ý trong sạch, an tịnh, không cấu uế, không giận dữ bức phẫn, có lòng thương quý người khác thì tự nhiên sẽ có lời nói chân chánh, hiền thiện, lợi mình lợi người. Tâm mà trong sáng hiền thiện thì lời nói sẽ trong sạch từ hòa. Kinh *Pháp Cú* dùng hình ảnh như thế này:

*Như bông hoa tươi đẹp,
Có sắc lại thêm hương;
Cũng vậy lời khéo nói,
Có làm, có kết quả.”⁶*

Sau cùng, chúng ta xem qua một phương diện khác của sự ứng dụng lời nói vì lợi lạc cho người khác mà chính Đức Phật đã sử dụng để thấy rõ công năng và tác dụng của lời nói cũng như để hiểu rõ cách sử dụng lời nói hết sức thận trọng, tế nhị và có mục đích rõ ràng của bậc Đạo sư trong sứ mạng thuyết pháp độ sinh của Ngài:

“Này Vương tử, lời nói nào Như Lai biết không như thật, không như chân, không tương ứng với mục đích, và lời nói ấy khiến những người khác không ưa, không thích, thời Như Lai không nói lời nói ấy. Lời nói nào Như Lai biết là như thật, như chân, không tương ứng với mục đích, và lời nói ấy khiến những người khác không ưa, không thích, thời

Như Lai không nói lời nói ấy. Và lời nói nào Như Lai biết là như thật, như chân, tương ứng với mục đích, và lời nói ấy khiến những người khác không ưa, không thích, Như Lai ở đây biết thời giải thích lời nói ấy. Lời nói nào Như Lai biết là không như thật, không như chân, không tương ứng với mục đích, và lời nói ấy khiến những người khác ưa thích, Như Lai không nói lời nói ấy. Lời nói nào Như Lai biết là như thật, như chân, không tương ứng với mục đích, và lời nói ấy khiến những người khác ưa và thích, Như Lai không nói lời nói ấy. Và lời nói nào Như Lai biết là như thật, như chân, tương ứng với mục đích, và lời nói ấy khiến những người khác ưa và thích, ở đây Như Lai biết thời giải thích lời nói ấy. Vì sao vậy? Nay Vương tử, Như Lai có lòng thương tưởng đối với các loài hữu tình”.

Chúng ta không bàn đến cách Đức Phật, bậc Thầy của chư Thiên và loài người, vận dụng lời nói để làm lợi ích cho loài hữu tình. Về việc này, chúng ta còn phải tiếp tục học tập và chiêm nghiệm lâu dài. Chúng ta chỉ có thể nói rằng ngay cả bậc Giác ngộ như Đức Phật cũng tỏ ra hết sức dè dặt và cẩn trọng trong từng lời nói để giúp cho người khác thật sự có được lợi ích an lạc. Ngài là bậc giác ngộ thanh tịnh từ trong ra ngoài mà còn phải thận trọng, cân nhắc, lựa lời mà nói, huống hồ là hạng phàm phu như chúng ta thì cần phải cẩn trọng chừng nào trong từng lời ăn tiếng nói của mình. Chính vì vậy mà trong đời sống hàng ngày, chúng ta cần phải biết lắng nghe và thực tập lời Phật dạy thì mới tránh được các phiền muộn khổ đau,

khổ cho mình và khổ cho người, do sự thiếu cân nhắc của chúng ta trong các lời ăn tiếng nói. Chúng ta chưa có đủ đức năng giác ngộ giống như Đức Phật hay các bậc Thánh nhân khác để có thể khéo dùng lời nói của mình làm lợi ích cho người khác trên bước đường tu học hướng đến giác ngộ. Tuy nhiên, trong đời sống hàng ngày, nếu chúng ta biết nỗ lực thực hành những lời dạy căn bản của bậc Giác ngộ liên quan đến lời nói, quyết tâm từ bỏ tà ngữ (từ bỏ nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm vô ích), nỗ lực thực hành chánh ngữ, (nói chân thật, nói lời đưa đến hòa hợp, nói lời hiền lành, nói lời lợi ích), thì chỉ riêng điều đó thôi cũng đủ giúp cho chúng ta và nhiều người khác tránh được vô số các phiền toái và khổ não, do thái độ cẩn trọng và sáng suốt của chúng ta trong phương pháp tu tập về lời nói hay trong cách “lựa lời mà nói” của người con Phật biết tu tập và sử dụng lời nói của mình đúng với tinh thần lời Phật dạy. ■

Chú thích:

1. Đại kinh Phương quảng, Trung Bộ.
2. Đại kinh Bốn mươi, Trung Bộ.
3. Đại kinh Đoạn tận ái, Trung Bộ.
4. Kinh Nền hành trì, không nên hành trì, Trung Bộ.
5. Kinh Ví dụ cái cửa, Trung Bộ.
6. Pháp Cú, kệ số 52.
7. Kinh Vô Úy vương tử, Trung Bộ.

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BẢO VHPG NĂM 2014

Ban Biên tập Văn Hóa Phật Giáo đã nhận được một số thư đề nghị tặng bảo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2014, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng bảo Văn Hóa Phật Giáo đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả : 50 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy : 38 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga : 41 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu : 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng : 25 cuốn/kỳ
PT Chánh An & Chơn Hòa : 14 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu : 12 cuốn/kỳ
Đđ. Thích Viên Anh + Đđ. Thích Viên Hải,
 Chùa Báo Ân : 12 cuốn/kỳ
Cô Nga : 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiền, Tâm Hoa (USA) : 10 cuốn/kỳ
Ô. Văn Cát Tiên : 10 cuốn/kỳ
Ô. Huỳnh Văn Lộc, Q. BT : 10 cuốn/kỳ
Tác giả Miên Ngọc : 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà : 10 cuốn/kỳ
Bà Lương Thị Ngọc Hạnh, Q. 5
 PD: Diệu Đức : 10 cuốn/kỳ
Ô. Trần Quốc Định : 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh : 9 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định : 8 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Thị Hoa : 7 cuốn/kỳ
Cô Cẩm Hà (USA) : 6 cuốn/kỳ
Hồng Phúc & Xuân An : 6 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Khôi : 6 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q. BT : 5 cuốn/kỳ

Ô. Nguyễn Mạnh Hùng,
 CTCF. ThaiHa Books : 5 cuốn/kỳ
Cửa hàng Tâm Thuận : 5 cuốn/kỳ
Cô Tú Oanh, Hà Nội : 5 cuốn/kỳ
Ô/Bà Nguyễn Văn Bản, USA : 5 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi : 5 cuốn/kỳ
Ô. Lê Xuân Triều, Q. BT : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Kim Sơn, Q. 2 : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Thị Ngọc, Phan Thiết : 5 cuốn/kỳ
Lakinh.com : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Hòa : 4 cuốn/kỳ
Bà Trần Thị Bích Trâm : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thúy : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Thu Thanh : 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh : 3 cuốn/kỳ
Cháu Thiên An : 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân : 2 cuốn/kỳ
BBT www.thuongchieu.net : 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyền,
 CT TNHH Cơ khí Mễ Linh : 2 cuốn/kỳ
Bà Kim Anh, Q. 2 : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Từ Minh : 2 cuốn/kỳ
BBT Viện khongtu.com : 2 cuốn/kỳ
CT Nền Hạnh Phúc, Q. BT : 2 cuốn/kỳ

Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh : 2 cuốn/kỳ
CTy TNHH Thép Thiên Tâm : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Thiện Thành, Q. 6 : 2 cuốn/kỳ
Ô. Lê Hưng Khanh, Gò Vấp : 2 cuốn/kỳ
Nguyễn Dũng : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Kính : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Mỹ : 1 cuốn/kỳ
Cô Diệp Anh và Chị Ngân : 1 cuốn/kỳ
Cô Kim : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Chánh Hiếu Trung : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Bùi Quang Việt : 1 cuốn/kỳ
Thầy Hạnh Thông, TCHP ĐN : 1 cuốn/kỳ
CTy Dược phẩm Phúc Thiện : 1 cuốn/kỳ
Chị Kiều Oanh : 1 cuốn/kỳ
PT. Nguyen Thuan
 (namgiao1942@yahoo.com) : 1 cuốn/kỳ
Cô Châu : 1 cuốn/kỳ
Tổng số bảo tặng kỳ này: **442 cuốn**
 Mọi thông tin về chương trình tặng bảo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG : (08) 3 8484 335.**
 Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn, hoặc toasoanvhp@gmail.com

Ban Biên tập

Như một dòng nước lặng lẽ trôi

AJHAN CHAH
HOANG PHONG dịch

Bắt đầu từ giây phút này, tôi xin quý vị hãy cố gắng chú tâm, đừng để tâm trí mình phiêu du hết nơi này đến nơi khác. Quý vị hãy tưởng tượng rằng mình đang ngồi một mình trên đỉnh núi cao hay trong một khu rừng hoang vắng. Quý vị là gì và tại sao lại đang ngồi ở đây? Phải chăng quý vị đang mang một thân xác và một tâm thức hay không - thật thế, không có gì khác hơn ngoài hai thứ ấy. Những gì cất chứa bên trong nhân dạng một con

người đang ngồi nơi ấy chỉ đơn giản gồm một thứ gọi là «thân xác», và một thứ gọi là «tâm thức». Đối với tâm thức thì nó là một thứ gì đó biết ý thức và trong lúc này thì nó cũng đang suy nghĩ

Nếu muốn tìm hiểu xem một cái gì đó đang ngồi tại nơi này và trong giây phút này, thì đấy cũng chỉ là một thân xác và một tâm thức. Chúng ta thường lẫn lộn giữa hai thứ ấy, thế nhưng nếu muốn tìm thấy sự an bình thì phải hiểu bản chất đích thật của hai thứ ấy là gì. Trong lúc này thì tâm thức chưa được luyện tập, nên nó còn lơ đãng và u tối - có nghĩa là nó chưa phải là



một tâm thức tinh khiết. Vì thế chúng ta phải sử dụng phép thiền định để luyện tập nó.

Nhiều người nghĩ rằng thiền định là phải ngồi xuống, hai chân bắt chéo vào nhau, thế nhưng thật ra thì cũng có thể thiền định với bất cứ một tư thế nào. Chúng ta có thể thiền định khi đang đứng, đang ngồi, đang đi hay đang nằm, tóm lại là có thể thiền định vào bất cứ lúc nào. Nghĩa từ chương của chữ *Samādhi* là «tâm thức được thiết lập một cách vững chắc». Nếu muốn phát huy *samādhi* thì không được bóp ngạt tâm thức! Luyện tập *samādhi* là nhằm phát huy trí tuệ và sự hiểu biết. *Samādhi* là một tâm thức vững chắc, tập trung vào một điểm duy nhất. Vậy thì nó tập trung vào điểm nào? Đấy là điểm thăng bằng. Nó tập trung đúng vào điểm ấy. Tuy nhiên nhiều người lại nghĩ rằng luyện tập thiền định là phải tìm cách làm cho tâm thức phải im lặng. Họ thú nhận rằng: “Tôi cố gắng ngồi xuống để thiền định thế nhưng không sao giữ cho tâm thức dừng lại được một phút nào cả. Nó chạy hết đầu này đến đầu kia. Vậy làm thế nào để bắt nó phải dừng lại?”. Thiền định nào có phải là bắt tâm thức dừng lại đâu. Phải luôn cần có một sự chuyển động thì sự hiểu biết mới có thể bùng lên được.

Người ta thường than phiền: “Tâm thức phóng đi, tôi lôi nó trở lại; nó lại phóng đi, tôi lại phải lôi nó về”.

Ngồi đấy để đuổi bắt tâm thức quả là mất hết thì giờ. Họ cứ tưởng rằng tâm thức chạy tán loạn ra khắp hướng, thế nhưng thật ra thì

đấy chỉ là một cảm giác mà thôi. Chẳng hạn một số người khi nhìn vào gian phòng này sẽ thốt lên: “Ồ, gian phòng to quá!”. Thế nhưng thật ra thì gian phòng cũng chẳng to lớn gì. Nếu quý vị cho rằng nó to lớn thì đấy cũng chỉ là một sự cảm nhận của quý vị mà thôi. Trên thực tế, gian phòng chỉ mang kích thước của nó, kích thước đó tự nó không lớn cũng không nhỏ. Thế nhưng mọi chuyện lại cứ xảy ra như thế! Người ta bỏ hết thì giờ vào việc đuổi theo các cảm giác của mình. Thiền định là nhằm vào mục đích mang lại sự an bình... Vì thế, trước hết phải hiểu an bình là gì, nếu không thì chẳng bao giờ chúng ta có thể tìm được nó.

Thông thường người ta nghĩ rằng “an bình” là một sự lắng dịu của tâm thức, thế nhưng thật ra an bình là sự lắng dịu của những thứ ô nhiễm tâm thần. Đối với sự an bình theo cách mà người ta thường hiểu thì các thứ ô nhiễm tâm thần cũng chỉ tạm thời được đặt sang một bên, tương tự như lấy một tảng đá đè lên một đám cỏ. Bởi vì khi lấy tảng đá đi thì vài hôm sau cỏ lại mọc lên trở lại. Cỏ chỉ tạm thời bị lấp đi nhưng không bao giờ biến mất. *Samādhi* (sự tập trung tâm thần, sự tĩnh lặng, sự định tâm hay “nhập định”) cũng hoàn toàn tương tự như thế: tâm thức tạm thời lắng dịu thế nhưng các thứ ô nhiễm tâm thần thì vẫn còn nguyên! Thể dạng *samādhi* mang lại một hình thức an bình nào đó, tương tự như tảng đá che khuất cỏ, sự an bình ấy chỉ có tính cách tạm thời. Nếu muốn tìm thấy một sự an bình đích thật thì phải phát huy trí tuệ. Sự an bình do trí tuệ mang lại sẽ tương tự như tảng đá để nguyên một chỗ. Nếu quý vị không lấy tảng đá đi thì cỏ cũng sẽ không bao giờ có thể mọc lại được. Đấy là sự an bình đích thật, và cũng là sự chấm dứt của các thứ ô nhiễm tâm thần.

Chúng ta vừa nói đến trí tuệ (*paññā*) và sự tĩnh lặng (*samādhi*) có vẻ như là hai thứ khác nhau, thế nhưng phải hiểu rằng từ căn bản, hai thứ ấy cũng chỉ là một. Trí tuệ là thể dạng năng động của *samādhi*, và *samādhi* là thể dạng thụ động của trí tuệ. Cả hai có cùng một nguồn gốc như nhau, nhưng lại hướng vào hai chiều khác nhau và đảm trách các chức năng khác nhau [...].

Khi nào cần phải ngồi xuống để thiền định thì quý vị cứ ngồi xuống, thế nhưng không được quên rằng chẳng phải cứ ngồi xuống thì mới có thể thiền định được. Phải để cho tâm thức được tự do sống một cách trọn vẹn với mọi sự vật, hãy để cho mọi sự vật chuyển động hầu giúp chúng cảm nhận được bản chất đích thật của chúng. Vậy phải nhìn vào chúng như thế nào? Phải xem chúng mang tính cách vô thường, không hoàn hảo và vô cá thể. Tất cả đều bất định. Nếu quý vị cho rằng: “Vật này đẹp tuyệt vời! Nhất định tôi phải chiếm hữu nó mới được”, thì quý vị cũng nên nghĩ ngay rằng: “Chuyện đó chưa chắc đã là đúng”. Hoặc nếu quý vị cho rằng: “Tôi không thích thứ ấy một chút nào cả!”, thì cũng phải nghĩ ngay: “Chưa chắc là đúng”. Có phải





thế hay không? Quả đúng là như thế đấy quý vị ạ! Chắc hẳn không sai đâu.

Có những món ăn trông có vẻ thật tuyệt vời, thế nhưng ngay cả đối với những chuyện nhỏ nhặt như thế quý vị cũng phải tự nhắc nhở mình: chưa chắc đã đúng. Tuy có vẻ đúng thật là như thế, đĩa thức ăn thật ngon, thế nhưng quý vị cũng cứ phải nghĩ rằng: “Chưa chắc!”. Nếu muốn kiểm chứng điều ấy thì cũng không phải là chuyện quá khó: quý vị cứ thử ăn món ăn mà mình ưa thích mỗi ngày xem sao - tôi xin nhắc lại là quý vị ăn mỗi ngày cùng một món ấy, thì sớm muộn quý vị cũng chán ngấy và sẽ phải thú nhận rằng: “Món ăn không còn ngon như trước nữa”. Sau đó quý vị cũng có thể nghĩ rằng: “Thật ra tôi thích các món ăn khác hơn”. Thế nhưng cũng lại chưa chắc là đúng như thế!

Một số người hành thiền ngồi im “trong tư thế thiền định” cho đến khi tâm thần ngầy ngật, nhìn vào cứ tưởng như họ sắp chết đến nơi, họ không còn ý thức được là mình đang ở đâu nữa. Quý vị không nên để mình rơi vào tình trạng bế tắc như thế! Nếu cảm thấy buồn ngủ thì nên đứng lên đi đi lại lại! Hoặc sửa lại tư thế ngồi! Phải biết suy nghĩ. Nếu thật sự mệt mỏi thì cứ nằm ngủ, thức dậy sẽ thiền định trở lại. Luyện tập là phải như thế: phải ý thức, sáng suốt và nhận định đúng đắn. Tu tập trước nhất là phải quán sát thân xác và tâm thức mình. Phải nhìn thấy bản chất vô thường của chúng, sau đó mọi thứ khác cũng sẽ chuyển động theo. Hãy nghĩ đến những chuyện ấy trong khi thưởng thức một món ăn ngon. Hãy nghĩ rằng: “Chẳng có gì chắc chắn cả”. Mỗi khi các phản ứng nổi lên thì phải hạ chúng đo ván ngay, không nên để chúng cho mình

đo ván. Mỗi khi cảm thấy không thích một thứ gì đó thì quý vị đành nhận chịu khổ đau: đấy là cách để cho hoàn cảnh hạ mình đo ván! Thái độ thụ động đó không thể giúp quý vị vật ngã các hoàn cảnh khó khăn và cho chúng đo ván được.

Hãy chuyên cần luyện tập trong bất cứ tư thế nào: dù là đang ngồi, đang đi, đang đứng hay đang nằm. Bởi vì dù là mình đang ngồi, đang đứng, đang đi hay đang nằm, thì nóng giận vẫn cứ có thể bùng lên với mình được, hoặc một sự thèm muốn nào đó cũng có thể hiện lên dù là mình đang trong tư thế nào. Vì thế không nên mâu thuẫn với chính mình mà phải luyện tập trong bất cứ tư thế nào. Nhất là không nên luyện tập cho có, mà phải cố gắng một cách nghiêm chỉnh! Trong lúc đang ngồi hành thiền biết đâu cũng có thể hiện ra trong tâm thức mình một khó khăn nào đó, thế nhưng chưa kịp dẹp xong khó khăn ấy thì một khó khăn khác lại hiện ra. Vậy quý vị hãy tự nhủ: “Chưa chắc đúng, chưa chắc đúng là như thế!”. Đấy là cách giúp mình nghi ngờ tính cách đích thật của các tư duy ấy và phải hạ chúng đo ván ngay tức khắc, trước khi chúng có thể cho mình đo ván! ■

Ajahn Chah (1918-1992) là một nhà sư nổi tiếng của Thái Lan và cũng được xem là một trong số các vị thiền sư lỗi lạc nhất của thế kỷ XX. Cách thuyết giảng trực tiếp, minh bạch và dễ hiểu của ông đã thu hút được đông đảo người nghe. Kiến thức uyên bác của ông cũng đã góp phần giúp cho Phật giáo Thái Lan tiến một bước thật dài trong thế kỷ XX, và đã tạo thêm nhiều uy tín cho Phật giáo Theravada nói chung trong thế giới Tây phương.



Thiền hạnh nhẫn nại

GESHE KELSANG GYATSO
PHẠM CHÁNH CẦN dịch

Nhẫn nại là một đức tính cho phép con người chịu đựng được những điều họa hại, những sự đau khổ hoặc chấp nhận được Giáo pháp sâu xa. Thực hành tính nhẫn nại với động cơ *bồ-đề tâm* được coi là nhẫn nại ba-la-mật hay sự nhẫn nại hoàn hảo.

Mọi người đều cần rèn luyện tính nhẫn nại ngay cả đối với những người không quan tâm đến việc phát triển về mặt tâm linh, vì lẽ nếu thiếu tính nhẫn nại, con người dễ làm mồi cho sự giận dữ, tâm trạng chán nản và thái độ bồn chồn. Thiếu tính nhẫn nại, con người khó có

thể giữ được mối quan hệ hòa thuận với người khác.

Nhẫn nại ngược lại với sự tức giận, và sự tức giận chính là nhân tố mạnh mẽ nhất có tác dụng hủy hoại mọi đức tính. Ai cũng có thể thấy được bằng những kinh nghiệm của chính mình về những đau khổ xuất phát từ sự giận dữ. Sự giận dữ ngăn cản người ta phán đoán tình hình một cách chính xác và khiến cho người ta hành động theo những cách mang lại sự hối tiếc về sau. Sự giận dữ hủy hoại tâm an lạc của con người và làm rối loạn cho bất kỳ ai tiếp xúc với người đang giận dữ. Ngay cả những người thân cận cũng cảm thấy khó



chịu trước một người đang bị cơn giận khống chế. Sự giận dữ có thể làm cho con người cự tuyệt chính cha mẹ mình; và khi mà cơn giận lên đến tột đỉnh, nó có thể khiến con người giết chết ngay cả những người mà họ yêu quý, kể cả giết chính mình.

Thông thường, cơn giận nổi lên chỉ vì những điều hoàn toàn không đáng kể; chẳng hạn, từ một lời phê bình vu vơ, từ một thói quen của ai đó bị coi là chọc tức, hoặc từ một niềm kỳ vọng không thành tựu. Căn cứ vào những điều nhỏ nhặt như thế, tâm thức con người thù ghét những sự tưởng tượng kỳ quái phức tạp, phóng đại những điều bất như ý của tình thế và cung cấp cho sự hợp lý hóa và biện minh cho cái cảm thức chán nản, tuyệt vọng, bức tức và oán hờn của mình. Điều đó dẫn con người đến chỗ thốt ra những lời cay nghiệt, phản ứng bằng những hành động thô tháo, làm những điều gây hại để rồi tạo nên sự đối kháng ở người khác và làm cho chuyện bé xé ra to.

Nếu đặt câu hỏi, “ai gây ra những cuộc chiến tranh khiến biết bao nhiêu người chết” thì người ta có thể trả lời rằng đó chính là trách nhiệm của những tâm thức giận dữ. Nếu dân tộc nào cũng chỉ có những con người yêu hòa bình, có tâm thức an lạc và bình lặng, thì làm sao chiến tranh có thể xảy ra? Sự giận dữ chính là kẻ thù lớn nhất của loài người. Nó không chỉ làm hại nhân loại trong quá khứ, hiện nay nó cũng đang gây hại; và, nếu con người không thể khắc phục sự giận dữ bằng cách thực tập sự nhẫn nại, nó sẽ tiếp tục gây hại cho loài người trong tương lai. Như Tôn giả Tịch Thiên (Shantideva) nói: *Cái kẻ thù là sự giận dữ đó chẳng có chức năng nào khác hơn là gây hại cho tôi*. Những kẻ thù ở bên ngoài gây hại cho ta theo những cách thức chậm chạp và chẳng mấy tinh tế; cho nên, nếu ta thực hành được sự nhẫn nại thì chẳng mấy lúc, ta có thể chiến

thắng được những kẻ thù ấy và khiến họ trở thành bạn; nhưng ta hoàn toàn không thể có được sự hòa giải với cơn giận. Nếu ta dung dưỡng lòng căm hận, nó chẳng những sẽ lợi dụng để làm hại ta trong đời này mà còn sẽ tiếp tục làm hại ta trong những kiếp sau nữa. Cho nên, ta cần phải triệt tiêu sự giận dữ ngay khi nó men men thâm nhập tâm trí ta; bởi vì nếu ta không làm như vậy, nó sẽ nhanh chóng trở thành một cơn lửa bùng để đốt cháy mọi đức hạnh của ta.

Sự nhẫn nại, ngược lại, sẽ giúp ta ở đời này và cả trong những đời sau.

Tôn giả Tịch Thiên nói: *“Không có ác hạnh nào bằng sự giận dữ. Không có thiện hạnh nào bằng lòng nhẫn nại”*.

Với lòng nhẫn nại, con người có thể chấp nhận mọi đau khổ tác động đến; nhờ vậy, con người có thể chịu đựng một cách dễ dàng mọi rắc rối và những điều miễn cưỡng. Với tính nhẫn nại, chẳng có điều gì làm rối loạn tâm an lạc của ta và ta chẳng bao giờ phải đối phó với những điều khó chịu. Với tính nhẫn nại, ta duy trì được sự an bình tự nội cho phép những thành tựu tâm linh ngày càng tăng trưởng. Tôn giả Nguyệt Xứng (Chandrakirti) nói rằng nếu ta thực hành sự nhẫn nại, ta sẽ có được hình tướng đẹp đẽ ở những đời sau và ta sẽ trở nên một bậc Thánh có những thành tựu cao vời. Có ba hình thức nhẫn nại:

1. Sự nhẫn nại của việc không trả đũa
2. Sự nhẫn nại của việc tự nguyện chấp nhận đau khổ
3. Sự nhẫn nại của việc quyết tâm suy nghĩ về Chánh pháp.

Nhẫn nại dưới hình thức không trả đũa

Để thực hành sự nhẫn nại thuộc hình thức này, ta cần phải liên tục duy trì sự chánh niệm về những nguy hiểm của sự giận dữ và những lợi lạc của việc chấp nhận tính nhẫn nại; và mỗi khi sự giận dữ có thể khởi lên, ta cần áp dụng ngay tức khắc những biện pháp để triệt tiêu nó. Ta phải bắt đầu bằng việc học tập cách chịu đựng những khó khăn vụn vặt, chẳng hạn những sự xúc phạm không đáng kể hoặc những chuyện bất như ý nhỏ nhặt trong những hoạt động hàng ngày; thế rồi dần dần ta cải thiện sự nhẫn nại của mình cho đến khi có thể chấp nhận được những rắc rối lớn nhất mà không hề bức tức.

Trong lúc tư duy về sự nhẫn nại, ta có thể sử dụng nhiều tuyến lý luận để giúp ta vượt qua khuynh hướng trả đũa của mình. Chẳng hạn, ta có thể suy ngẫm rằng, nếu ta bị đập bằng một cây gậy thì ta không thể giận cây gậy vì cây gậy bị sử dụng bởi kẻ tấn công ta và nó chẳng thể nào làm khác. Mở rộng ra, ta cũng không thể giận kẻ tấn công ta vì người đó đang bị cơn giận của y sử dụng và y cũng không có lựa chọn nào khác. Tương tự như vậy, bất kỳ kẻ nào làm hại ta hay xúc phạm đến ta, những kẻ đó đều bị chỉ sử bởi tâm thức cấu nhiễm của họ mà họ không có lựa chọn nào khác; cho nên ta

cũng không có lý do gì để tức giận. Tương tự như vậy, ta cũng có thể nghĩ rằng, hết như một vị bác sĩ không thể giận một bệnh nhân tâm thần tấn công mình, ta cũng không thể giận một người làm hại ta vì rõ ràng kẻ làm hại ta cũng là một người bệnh đang chịu đựng đau khổ vì những vô minh trong tâm thức của người ấy. Có rất nhiều những cách lý luận đặc biệt như vậy được diễn tả trong các bản sơ giải về Con Đường (Lamrim) hay Cách Đào Luyện Tâm (Lojong) của Mật giáo Tây Tạng mà ta có thể tham khảo.

Cái lý do nền tảng tại sao ta nhận chịu những họa hại là ta đã gây hại cho người khác trong quá khứ. Có người gây hại cho ta chỉ vì nghiệp cũ của ta đã đến lúc chín muồi; lý do chính của những điều họa hại mà ta phải chịu là kết quả của hành vi tiêu cực của chính ta ngày trước. Trong những hoàn cảnh đó, ta sẽ còn phải chịu nhiều đau khổ hơn nữa trong tương lai. Bằng sự nhẫn nại chịu đựng những bất công hiện tại, chuỗi nhân quả cũ đã bị phá vỡ và những món nợ cũ đã được ta trả xong.

Nhẫn nại dưới hình thức tự nguyện chấp nhận sự đau khổ

Nếu ta không có tính nhẫn nại dưới hình thức tự nguyện chấp nhận sự đau khổ, ta sẽ trở nên mất can đảm mỗi khi ta gặp những trở ngại trong cuộc sống cũng như khi những ước muốn của ta không thành tựu. Ta thấy khó hoàn thành những công việc của mình vì ta cảm thấy muốn bỏ cuộc ngay khi công việc gặp khó khăn, và sự khốn khổ của ta càng nặng nề thêm chỉ vì ta không đủ nhẫn nại. Tuy nhiên, có thể chấp nhận và chịu đựng đau khổ nếu ta có những lý do thích hợp cho điều này; và mỗi khi ta thực hành sự nhẫn nại như vậy thì ta thực sự làm giảm được nỗi đau khổ của mình. Chẳng hạn, nếu có ai đâm vào da thịt ta một vật nhọn, ta sẽ thấy cơn đau là không thể chấp nhận được; nhưng nếu vật nhọn đó lại là một mũi kim chứa đựng một thứ thuốc để chữa bệnh, sự chịu đựng của ta sẽ làm giảm cơn đau một cách thật đáng kể.

Kể cả để thành công trong các mục đích thế tục, con người cũng phải chuẩn bị chịu đựng những điều trái ngược. Chẳng hạn, người kinh doanh phải hy sinh những thú vui và sự thanh thản của tâm hồn để kiếm tiền; người lính làm quen với những sự gian khổ tốt bụng chỉ để giết hại binh sĩ đối phương. Vậy thì có bao nhiêu khó khăn hơn nữa mà chúng ta phải chịu đựng vì một mục tiêu cao cả hơn hết trong tất cả mọi mục tiêu, việc đạt tới giác ngộ vì hạnh phúc của toàn thể loài người? Vì ta vẫn còn trong cõi luân hồi, ta thường phải đối đầu với những hoàn cảnh khó chịu và những điều bất hạnh. Với tính nhẫn nại dưới hình thức tự nguyện chấp nhận mọi đau khổ, ta có thể cảm thấy bình thản và có can đảm đương đầu với tất cả những tình huống trái ngược bất cứ lúc nào chúng xảy đến. Khi những

mong ước của ta không thành tựu, hoặc khi ta bệnh tật, mất mát, hoặc bất kỳ điều không ưng ý nào khác, ta vẫn không nản lòng. Thay vì tự thương cảm, ta nên sử dụng những nỗi bất hạnh để tăng cường sự thực hành tâm linh của mình. Ta có thể nhớ lại rằng mọi đau khổ xảy đến chỉ là kết quả của những nghiệp xấu trước đây của ta và quyết tâm thực hành giới luật tinh chuyên hơn trong tương lai; hoặc ta có thể suy ngẫm rằng bao lâu ta còn trong cõi luân hồi thì những khổ đau là điều không thể tránh, nhờ đó, làm mạnh thêm lòng ước muốn của ta thoát khỏi cõi luân hồi; hoặc ta cũng có thể sử dụng những kinh nghiệm đau khổ của chính mình để minh họa cho những đau khổ lớn lao hơn mà các chúng sanh khác gặp phải để trường dưỡng lòng từ bi của chính mình.

Nếu ta có khả năng chịu đựng những điều trái nghịch ta sẽ gặp hái được những thành quả vô cùng lớn lao. Những đau khổ hiện tại của ta sẽ giảm thiểu và ta sẽ thành tựu cả những ước muốn tạm thời cũng như những mong mỏi tối hậu. Như vậy, đau khổ không nên được xem như những trở ngại cho sự thực hành tâm linh của ta mà phải được thấy rằng đó là những trợ duyên. Như Tôn giả Tịch Thiên nói, *"Hơn nữa, đau khổ có những phẩm tính tốt. Bởi vì với sự thất vọng, tâm kiêu mạn sẽ bị xua đi, lòng từ xuất hiện cho những người còn bị kẹt trong cõi luân hồi, ác hạnh dần biến mất, và niềm vui được thấy trong thiện hạnh"*.

Nhẫn nại dưới hình thức quyết tâm suy nghĩ về Chánh pháp

Nếu ta lắng nghe, suy ngẫm và thiền định về Chánh pháp với tâm nhẫn nại và an vui để đạt được những kinh nghiệm đặc biệt về Pháp, chúng ta đang thực hành tính nhẫn nại dưới hình thức quyết tâm suy nghĩ về Chánh pháp. Tính nhẫn nại dưới hình thức này là vô cùng quan trọng vì nếu tâm thức của ta không đủ kiên nhẫn hoặc cảm thấy bất an trong lúc thực hành Chánh pháp, điều đó sẽ trở ngại cho sự tiến bộ về tâm thức của ta và ngăn cản ta cải thiện trí tuệ của mình. Ngay cả khi ta cảm thấy có những khó khăn trong việc thực hành một pháp môn nào, ta cũng cần phải dẫn thân vào việc thực hành với tất cả niềm vui. ■

Kelsang Gyatso là một trong những vị tu sĩ Phật giáo nổi tiếng thuộc dòng Cách-lỗ (Gelug) của Mật giáo Tây Tạng. Xuất gia năm 8 tuổi; sau khi rời quê hương, ngài ẩn tu trong vùng Himalaya, Ấn Độ suốt mười tám năm. Từ năm 1976, ngài được mời giảng pháp ở Anh quốc. Năm 1991, ngài thành lập Hiệp hội Phật giáo Kadampa Quốc tế (International Kadampa Buddhist Union) dựa trên giáo pháp của dòng Cách-lỗ. Từ 2009, ngài rời bỏ việc quản trị Hiệp hội để ẩn tu và viết sách. Ngài là tác giả nhiều tác phẩm Phật giáo nổi tiếng.

Nguồn: *Teachings on the Practice of Patience*, Middle Way, tập 3, quyển 68, phát hành tháng 11-1993.



Cúng đường

CAO HUY HÓA

Vào một buổi chiều đầu thu 2013, chúng tôi đến Tuệ Tĩnh đường Hải Đức, thấy một bác sĩ trẻ đang loay hoay tìm cách vận hành hoàn chỉnh một hệ thống nổi sắc thuốc Bắc và chiết nước thuốc từ nổi qua thiết bị tự động vào bao bì, cuối cùng cho ra từng bao thuốc đủ dùng một ngày cho người bệnh. Chúng tôi ghi nhớ hình ảnh đó; và sau này mới biết chính người loay hoay đó, cùng với một Phật tử trẻ khác, đã tặng những thiết bị này cho Tuệ Tĩnh đường.

Nhìn cơ ngơi khang trang của Tuệ Tĩnh đường, ta không thể không nghĩ đến những vị khai sinh cơ sở khám chữa bệnh từ thiện này từ bao khó khăn; không thể không nghĩ đến người đã tặng những chi phí xây dựng và trang thiết bị ban đầu, những tấm lòng vàng xa gần tặng các phương tiện máy móc, thuốc men, những người lặng lẽ tặng Tuệ Tĩnh đường một số tịnh tài góp phần nhỏ vào chi phí hoạt động khám, chữa bệnh của nơi này; và trên hết là những người áo trắng trực tiếp phục vụ tại đây, đã đem bàn tay, trái tim và khối óc để sống trọn vẹn lòng nhân ái.

Những người như thế đã thể hiện sự cúng đường thiết thực và hiệu quả. Chỉ một nơi như Tuệ Tĩnh đường này mà đã có biết bao nhiêu người cúng đường, chứng tỏ mọi người cần có nhau như thế nào. Nhưng... chuyện này có phải cúng đường đâu (!), vì đây đâu phải là chùa? Cúng đường tại chùa mới nhiều lợi lạc chứ? Rất nhiều người đã suy nghĩ như vậy. Thật ra, Tuệ Tĩnh

đường thể hiện việc cứu khổ, là nơi theo hạnh nguyện của Bồ-tát Quán Thế Âm, thì cũng đúng là nơi để mọi người thể hiện công đức. Và chẳng, và điều này mới quan trọng, Phật đã dạy: “Phụng sự chúng sinh là cúng đường chư Phật”, vậy thì biết bao nhiêu cách, biết bao nhiêu địa chỉ để phụng sự chúng sinh? Cúng “cúng đường chúng sinh là cúng đường chư Phật” là những người đóng góp trong lãnh vực văn hóa văn nghệ Phật giáo, văn hóa dân tộc, giáo dục Phật giáo, cơ sở từ thiện Phật giáo, cụ thể là những người làm việc thầm lặng mà cao cả ở trường mầm non Phật giáo, cơ sở nuôi dạy trẻ mồ côi, lớp tình thương, nhà dưỡng lão, Tuệ Tĩnh đường... Chuyện cúng đường, sao kể cho hết, kể cả nói rộng ra là những hoạt động xã hội, nghề nghiệp, khoa học, văn hóa đa dạng trong đời sống, miễn sao người thực hiện làm với tâm của người Phật tử.

Là Phật tử, ai ai cũng cúng đường Tam bảo, tức là cúng đường Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo, vì ai cũng muốn đạo pháp trường tồn, Pháp của Phật như mưa lành, như nắng ấm khắp nơi; như thế, từng Phật tử đều phải góp phần vào sự nghiệp trọng đại đó. Ngay cả trẻ em, nhân đầu năm mới đến lễ Phật tại chùa, xúng xính trong bộ đồ mới tinh, vui vẻ cúng một chút ít tiền vào thùng phước sương (thùng công đức). Cúng đường Phật bảo là góp phần xây dựng chùa, thánh tượng, đúc chuông, dâng hương hoa trầm trà cúng Phật, đóng góp tịnh tài và vật chất cho ngôi nhà Tam bảo, để cho những

người con Phật, trong đó có mình, có nơi tu tập và sống an lạc. Cúng dường Pháp bảo là góp phần truyền bá Pháp của Phật trong gia đình và ngoài xã hội trong điều kiện có thể, đó cũng là góp phần ấn tống, truyền bá kinh Phật và văn hóa phẩm Phật giáo cho mọi người. Cúng dường Tăng bảo là cúng dường những gì cần thiết cho đời sống của Tăng Ni; từ thời Đức Phật, đó là tứ sự cúng dường: ẩm thực, thuốc men, chỗ ở, y phục. Ngày nay, tiến bộ xã hội đi xa, phương tiện đời sống dồi dào, nhu cầu đa dạng phát sinh, cúng dường có nhiều dạng thức phù hợp với thời đại mới (ví dụ như phương tiện di chuyển, phương tiện tu học, phương tiện sinh hoạt trong chùa...), nhưng nói chung, tứ sự cúng dường vẫn có ý nghĩa đẹp nhất.

Cúng dường nói lên một vẻ đẹp, và cũng là sức mạnh của Phật giáo, Phật tử xem chùa như nhà của mình – ngôi nhà thiêng liêng mà gần gũi – vì vậy đều hoan hỷ, cho dầu tịnh tài, tịnh vật lớn hay nhỏ. Tôi nhớ không lầm, xem trên mạng, có nhiều chùa làng ở miền Bắc vào dịp kỷ tổ hay tổ chức đại lễ, dân chúng Phật tử đóng góp hoa quả, rau đậu, trái cây, nếp gạo... đến cúng, làm bếp, như là ngày hội. Đẹp thay hình ảnh đội gạo lên chùa của ngày xưa!

Nhưng dần dần vẻ đẹp đó ngày càng nhạt nhòa đi, nhiều Phật tử ít đến chùa, hoặc không mấy khi đến chùa, nói gì đến cúng dường. “Người ta cúng chùa nhiều quá, và không biết bao nhiêu chuyện cúng, còn mình thì...”, thế là ngoảnh mặt làm ngơ chuyện bình thường của người Phật tử. May thay, vừa qua, ở Huế, hiện tượng khất thực làm sống lại tập tục đẹp thời Đức Phật, là cơ hội để Phật tử rộng rãi cúng dường Tăng, thật cảm động khi thấy nhiều người lao động quỳ lạy và cúng dường vật phẩm cho quý sư.

Nguyên nhân dẫn đến sự lãnh đạm trong cúng dường thì có nhiều, nhưng tôi nghĩ: Phật tử nên vượt thắng những cái cơ này, mình hãy cứ đem sơ tâm trong trắng cúng dường chùa, không địa chỉ này thì địa chỉ khác, cũng như cúng dường quý Tăng Ni, không kể nhiều hay ít. Càng nhiều người cúng dường càng quý, người cúng dường càng được hưởng phước đức, càng hưởng niềm vui, với cái tâm hướng về Tam bảo.

Cúng dường Tam bảo, chủ yếu là cúng dường chư Tăng Ni để quý vị sống và tu hành theo giáo pháp giải thoát của Đức Phật, đồng thời đem lại lợi lạc cho chúng sinh. Tùy theo điều kiện sống mà mỗi người cúng dường theo cách khác nhau. Phật tử cúng dường đúng pháp thì quý Tăng Ni càng thấy mình phải tinh tấn trên đường tu. Tất nhiên người giàu có thể cúng dường vật chất phong phú và dễ dàng hơn người nghèo. Lịch sử Phật giáo còn lưu lại những cư sĩ đem rất nhiều của cải cúng dường, mà điển hình là ngài Cấp Cô Độc, ngài đã hiến tặng Tăng đoàn của Đức Phật khu vườn quý giá mà ngài đã mua của thái tử Kỳ-đà. Những vị đó không vì lợi ích cá nhân, không vì ham mê tiếng tăm, mà chỉ

vì thực hiện lý tưởng của người Phật tử muốn cúng dường Tam bảo và lợi lạc quần sanh. Ngày nay cũng thế, rất nhiều người giàu đóng góp Phật sự lớn lao, như xây dựng trùng tu chùa, đúc chuông, dựng tượng, xây tháp, xây dựng cơ sở của Phật giáo. Cảnh chùa trên khắp đất nước có bộ mặt khang trang như ngày hôm nay, một phần quan trọng là nhờ sự cúng dường của những người có điều kiện vật chất dồi dào.

Tuy thế, có nhiều hoạt động tiếng là vì chùa, vì Phật giáo, nhưng lại lộ ra ý đồ quảng cáo, hoặc vì mục đích riêng tư nào đó, đã làm mất ý nghĩa của cúng dường, nhiều khi làm khó cho chùa, cho đạo. Cũng có nhiều trường hợp sự đóng góp cho chùa ra quá xa tứ sự cúng dường, như đem “trang bị” tượng đá sư tử Trung Quốc cho rất nhiều chùa và cơ sở Phật giáo khiến gây phản cảm trong dư luận, hoặc tạo điều kiện cho người tu quá phong lưu, khiến người bình thường e ngại tiếp xúc.

Vậy thì, người giàu cúng dường biết đâu lại “khó” hơn người nghèo? Đức Phật thì không cần quan tâm người giàu hay người nghèo, miễn sao người Phật tử cúng dường với tâm trong sáng là tốt. Chuyện dưới đây kể về một bà lão cúng dường mà không có chút của cải gì, được ghi nhận trong *A-xà-thế vương thọ quyết kinh*.

Vào thời Đức Phật, có một bà lão đi xin, hàng ngày trên đường đi thỉnh thoảng được ngắm những vị vua, hoàng tử và nhiều người đến cúng dường Đức Phật và Tăng đoàn. Bà ngắm nghĩ, mình không có gì cả, thôi thì đi xin cho có tiền đã. Thế nhưng, cuối ngày bà cũng chỉ được một đồng tiền. Bà đến người bán dầu để mua chút dầu. “Ồ, một đồng thì mua được cái gì?”, người bán nói như thế. Nhưng khi nghe bà dùng chút dầu để cúng dường Phật, thì ông cảm động và tặng dầu cho bà. Bà đi đến tinh xá, và thắp lên một cây đèn. Bà đặt đèn trước Đức Phật, và thưa: “Bạch Phật, con chẳng có gì cúng dường, ngoại trừ cây đèn nhỏ này. Con mong sao ngọn đèn trí tuệ sẽ mãi mãi thắp sáng trong con. Con sẽ được giải thoát khỏi bóng đêm của vô minh. Con sẽ giải tỏa mọi ngăn ngại, và nhờ thế con giác ngộ”.

Đêm đó, dầu trong những ngọn đèn khác đều cạn và đèn tắt. Nhưng đèn của bà lão vẫn sáng cho đến sáng sớm hôm sau, đến khi Tôn giả Maudgalyayana (Mục-kiến-liên) đi thu lại tất cả các cây đèn. Khi thấy có một cây đèn còn sáng, đầy dầu, và với bắc mới, Tôn giả Maudgalyayana nghĩ, “Mình tắt đi, ban ngày cần gì đèn!” và ngài thổi tắt. Nhưng đèn vẫn sáng. Ngài thử lấy hai ngón tay giập tắt, đèn vẫn cứ sáng. Ngài lấy áo giập đi, nhưng vô hiệu. Đức Phật đã thấy mọi chuyện, và bảo: “Này Mục-kiến-liên, thấy muốn tắt ngọn đèn đó phải không? Không được đâu! Nếu thấy tưới hết nước của đại dương lên nó, nó cũng không tắt. Nước của mọi sông hồ cũng thế mà thôi. Vì sao thế? Bởi vì ngọn đèn đó được cúng dường với lòng thành kính và tâm trong sáng. Và chính động lực đó đã tạo nên lợi lạc vô cùng to lớn, thấy ă!” ■

Chap nga

HOÀNG TÁ THÍCH

Có câu chuyện về một người đàn ông quen biết thường làm tôi suy nghĩ. Hồi đó, anh ta khoảng bốn mươi. Bốn mươi là cái tuổi tương đối chứng chạc. Anh ta là một người bình thường, làm việc cần mẫn, trưởng phòng của một công ty xuất nhập khẩu, một người chồng đang hoàng và là một người cha tốt của hai đứa con ngoan đang tuổi trung học. Trừ những lúc hội họp, đi đâu anh cũng thường có vợ bên cạnh; nhưng có một hôm anh lại phải đi dự đám cưới của một người thân một mình vì vợ bị ốm. Hôm đó anh ngồi cùng bàn với một người phụ nữ còn trẻ, khá xinh đẹp duyên dáng. Câu chuyện qua lại cũng chỉ trong vòng xã giao, chẳng có gì thân mật, vì cả hai chỉ mới biết nhau. Có điều là sau một lúc trò chuyện, người phụ nữ này khen anh đủ điều: anh không những đẹp trai, mà còn là một con người lịch lãm, hiểu biết nhiều và ăn nói quá duyên dáng. Trước khi chia tay, người phụ nữ này cho anh một tấm danh thiếp. Cô ta là nhân viên của một công ty kinh doanh địa ốc. Anh nhét tấm danh thiếp vào túi áo và ra về, chẳng có chút gì gọi là lưu luyến với người phụ nữ kia cả. Tuy nhiên tối hôm đó, anh bỗng nhiên có nhiều suy nghĩ. Không phải nhớ nhưng đến người phụ nữ kia, mà anh lại suy nghĩ về bản thân mình. Mười mấy năm trước, anh lấy vợ vì hai gia đình quen biết nhau và vợ anh là một người phụ nữ xinh đẹp, giỏi giang, là một người đàn bà không có chỗ nào để anh có thể từ chối cuộc hôn nhân đó. Mười mấy năm sống với nhau hạnh phúc và càng ngày càng khá giả, có nhà có xe hơi. Anh chưa bao giờ nhìn thấy một người phụ nữ nào ngoài vợ mình. Nhưng bỗng nhiên hôm nay anh tự đặt cho anh một câu hỏi: “Anh đẹp trai? Anh là con người lịch lãm? Anh ăn nói có duyên thu hút phụ nữ?”. Những điều đó anh chưa bao giờ nghe thấy vợ anh, từ khi nhận lời lấy anh, có những nhận xét như thế. Ngay cả bạn bè thân thiết cũng chẳng bao giờ nghe ai ca tụng anh những điều như thế. Vậy mà hôm nay anh lại được nghe những điều đó từ miệng một người đàn bà xinh đẹp lần đầu tiên gặp gỡ. Cái tôi từ lâu yên ngủ trong anh nay bỗng nhiên trỗi dậy làm cho anh thấy mình còn là một con người khác. Anh không hề nghĩ ra cô gái xinh đẹp đã quá lời khen anh là nhân viên bán hàng của một công ty địa ốc.

Từ đó, trong những lần giao tế, anh luôn luôn chứng tỏ mình có nhiều điểm hơn người trong mọi phương diện,

kể cả vật chất, và anh thấy gần gũi với những người khen anh thế này khen anh thế kia. Cho đến một hôm anh được đề bạt lên chức vụ phó giám đốc của công ty thì anh thấy quả thực là anh đã ngủ quên gần nửa cuộc đời mình rồi. Cuối cùng chuyện gì phải đến cũng đã đến, anh gặp một người phụ nữ và anh quên mất người vợ hiền lành của mình để quan hệ với người phụ nữ mới.

Câu chuyện kể trên xảy ra một cách rất thường trong cuộc sống bây giờ. Chỉ một lúc nào đó cái tôi của mình được khơi dậy làm mình thay đổi hoặc muốn thay đổi con người an phận của mình trước kia và quên mất mình đã có một cuộc sống an lành hạnh phúc. Người tu hành, muốn xa lánh tục lụy, vẫn có thể bị cái tôi làm cản trở con đường tu tập. Nhiều người thắc mắc tại sao phải có chùa mới tu hành được. Đến chùa tu là muốn cách ly với cuộc sống đầy những cám dỗ. Đến chùa đi tu chỉ khó lúc phát nguyện với bản thân mình muốn dứt bỏ mọi thứ để quy y Tam bảo. Một khi đã vào chùa rồi thì chuyện tu hành có thể dễ dàng hơn cả những người tu tại gia, bởi vì họ không còn tiếp xúc với đời thường nữa. Dưới bộ nâu sồng, ai cũng giống nhau. Nhưng thực sự không phải mọi chuyện đều đơn giản như thế. Đi tu, nếu phải hoàn toàn xa lánh trần tục ở chốn thiền môn, thì chỉ lợi cho bản thân mình; nhưng nếu xuất gia với mục đích để hoằng dương Tam bảo, cứu độ chúng sinh thì phải tiếp xúc với cuộc đời, và không thể không bị hoàn cảnh chi phối. Không thiếu gì những người đã đi tu một thời gian rồi lại phải mắc vào vòng tục lụy, lại phải cởi bỏ cà-sa. Lại cũng có nhiều vị cao tăng được đông đảo Phật tử kính phục, cúng dường mọi thứ thì lại thấy mình hơn những người khác và cũng có những tự mãn, bị cái tôi làm hỏng việc tu hành lúc nào không hay.

Kinh *Thủy sám* có nói chuyện về Thiền sư Ngô Đạt. Ngài nguyên là một vị tu hành đặc đạo và thường hay có những buổi thuyết pháp để khai thị cho Phật tử. Dần dần, ngài được đức vua kính phục và phong làm quốc sư, giảng pháp cho cả triều đình. Trong một buổi dâng đàn thuyết pháp, ngài thấy mình được ngồi ở vị trí cao nhất, trên cả đức vua và tất cả quan chức của triều đình. Trong một lúc, ngài bỗng cảm thấy kiêu hãnh vì thấy mình còn hơn cả vua; và chỉ trong một sát-na đó, ngài đã bị đọa vì một kẻ thù từ bao nhiêu kiếp không ngừng theo dõi

ngài để báo thù, nhưng vì ngài là một vị chân tu đắc đạo, không thể có một khe hở nào để xâm nhập xô ngã ngài được mãi cho đến lúc cái Ngã nổi lên chỉ trong chốc lát hủy diệt cả sự nghiệp tu hành của ngài.

Chuyện về cái tôi là chuyện đã có từ khi có loài người, và không chỉ là Phật tử, mà tất cả mọi người muốn được thân tâm an lạc cũng đều cố gắng tu tập để loại bỏ cái tôi ra khỏi mình cho nhẹ người. Đó là một chuyện nghe có vẻ quá đơn giản, nhưng hầu như khó có ai có thể làm được. Cái tôi là nguyên nhân của mọi tội lỗi, của tham sân si mà trừ Đức Phật ra, chưa ai có thể chế ngự được. Không phải cái tôi chỉ làm con người cố chấp hay ngã mạn, thấy mình hơn người, mà trong nhiều trường hợp, có thể làm thay đổi con người mình lúc nào không hay.

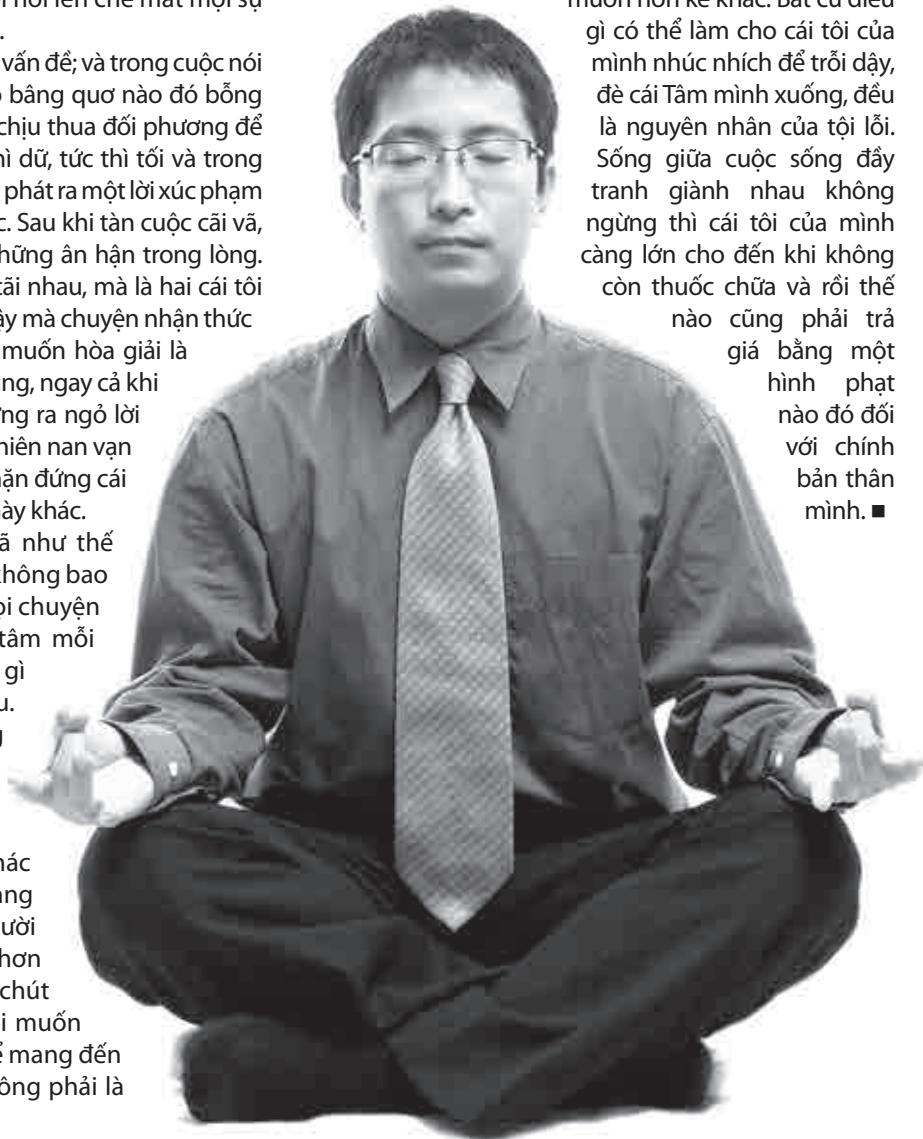
Trong cuộc sống bình thường của con người, khó ai tránh được chuyện vì không dẹp bỏ được cái tôi mà khiến cho tình thế trở nên phức tạp. Sự giận dữ vì bị xúc phạm, lòng háo thắng luôn luôn muốn hơn kẻ khác, đều là tình trạng bị cái tôi nổi lên che mất mọi sự sáng suốt hoặc lòng bao dung.

Hai người cùng bàn luận một vấn đề; và trong cuộc nói chuyện, đôi khi chỉ vì một lý do bằng quơ nào đó bỗng tranh luận gay gắt và không ai chịu thua đối phương để cuối cùng đi đến cãi vã. Giận thì dữ, tức thì tối và trong một lúc không kiềm chế được, đã phát ra một lời xúc phạm nhau không thể nào rút lại được. Sau khi tàn cuộc cãi vã, cả hai đều không khỏi mang những ân hận trong lòng. Không phải là hai người tranh cãi nhau, mà là hai cái tôi đang muốn hơn thua nhau. Vì vậy mà chuyện nhận thức được mình sai trong tình thần muốn hòa giải là một chuyện khó khăn; và sau cùng, ngay cả khi đã chấp nhận mình sai, việc đứng ra ngỏ lời với người kia cũng là một điều thiên nan vạn nan. Cái tôi luôn luôn hiện ra, chặn đứng cái thiện chí đó bằng những lý do này khác.

Thực ra, những cuộc cãi vã như thế trong cuộc sống bình thường không bao giờ kết thúc. Cho dù sau đó mọi chuyện bình thường thì trong thâm tâm mỗi người đều tự thấy có một cái gì đó không ổn khi gặp lại nhau. Thường thường, người thắng cuộc chính là người biết ngừng lại khi thấy mình đã đi quá xa. Cách hay nhất là nói lảng sang một chuyện khác không ăn nhập với đề tài đang tranh cãi và sau đó, chính người đó có thể quên mất chuyện hơn thua với người kia. Chỉ một chút chừng đó, trấn áp được cái tôi muốn hơn thua kẻ khác xem ra có thể mang đến cho mình sự an lạc, nhưng không phải là dễ dàng.

Chấp ngã không chỉ coi cái tôi của mình là quan trọng. Không chỉ là tức giận khi bị người khác chê bai, chỉ trích mình mà khi làm một việc gì đó được người ta khen thưởng còn cả ruột gan, cái ngã cũng nổi lên. Trong cuộc đời này, chắc chắn ai ai cũng đã từng cho và nhận một điều gì ở người khác, nhưng thường không bao giờ công bằng với chính bản thân mình. Làm được một điều gì cho người khác thì nhớ mãi trong lòng và luôn luôn quên mất những điều người khác đã làm cho mình. Thâm kịch cũng là ở cái tôi. Con người không biết bao dung thì không thể nào thấy được cái tốt của người khác và đó chính là nỗi đau khổ của họ mà chẳng hề hay biết. Cái tôi không chỉ làm cho con người kiêu mạn mà còn có thể làm cho người trở thành ti tiện. Cái tôi làm cho con người không kiểm soát được mình. Người khác vô ý chạm vào mình, chẳng có một chút nào thiệt hại, nhưng mình cũng chờ đợi một lời xin lỗi. Chẳng biết để làm gì, nhưng ít ra là

có thể xoa dịu cái tôi lúc nào cũng muốn hơn kẻ khác. Bất cứ điều gì có thể làm cho cái tôi của mình nhúc nhích để trở dậy, đè cái Tâm mình xuống, đều là nguyên nhân của tội lỗi. Sống giữa cuộc sống đầy tranh giành nhau không ngừng thì cái tôi của mình càng lớn cho đến khi không còn thuốc chữa và rồi thế nào cũng phải trả giá bằng một hình phạt nào đó đối với chính bản thân mình. ■



Bác Thanh Chúc

TRÀ KIM LONG

Nguồn: btgcp.gov.vn



Khi tôi về sinh hoạt tại chùa Minh Thiện thì bác Thanh Chúc đã là một Phật tử kỳ cựu. Bác là bạn đồng niên, đồng hương và đồng tu với ba tôi từ thời trẻ. Hai người đều là hội viên của Hội Phật học Nam Kỳ thời ấy. Bấy giờ ba tôi đã mất, và bác cũng đã già. Tuổi càng lớn bác càng gần bó với chùa chiền, kinh kệ. Bác quý trọng tất cả những người có tâm hướng về Phật; thường hay lân mẫn, khuyến khích, động viên họ bằng vốn hiểu biết giáo lý khiêm nhường của mình. Tôi chưa thấy bác lớn tiếng với ai hoặc nổi sân si tự ái bao giờ. Có lẽ vì vậy mà tôi đối với bác bằng sự trân quý đặc biệt. Sự trân quý này còn do vì bác có nhiều phản ánh hình bóng của ba tôi.

Bác Thanh Chúc xuất thân là một ông giáo làng. Mấy mươi năm trời bác sống bằng nghề dạy học quanh quẩn với các ngôi trường ở miền quê xa. Những ngôi trường thiếu thốn đủ mọi tiện nghi nhưng học trò thì lại rất kính trọng thầy. Bác tự bằng lòng với nghề cao quý của mình nên rất an phận, không bao giờ tìm cách len lỏi để vươn lên bằng những việc làm thiếu phẩm chất như một số đồng nghiệp khác. Bác cho như thế là thiếu tư cách, không xứng đáng để làm một người thầy chân chính. Bác cũng không hay tiếp xúc với những người thuộc thế giới văn minh ở thành phố, chỉ khu khu giữ một số kiến thức đã học hỏi được từ ban đầu, không tìm hiểu, canh cải thêm. Bác đem số kiến thức bất di bất dịch ấy để truyền lại cho học trò, những đứa học trò miền quê không bao giờ có được tầm nhìn ra ngoài xa hơn thôn xóm nghèo của mình nên cái gì của thầy dạy đều là thánh thiện. Vì vậy mà cái nghề cao quý

của bác chẳng những không tiến bộ mà chỉ ngủ yên một chỗ. Ngủ yên một chỗ tức là đã bước lùi lại đằng sau quá nhiều. Bác không hề thấy được điều ấy.

Lúc sắp đến tuổi về hưu, bác Thanh Chúc học thêm được nghề thuốc Nam. Bác nghĩ, thầy thuốc cũng là một nghề cao quý không kém gì việc dạy học. Đem nghề thuốc ra để “cứu nhân độ thế”, vừa làm kế sinh nhai, an hưởng tuổi già thì đó là cách hành xử của các bậc nho giả xưa nay. Bác tuy dạy chữ Quốc ngữ, nhưng trong thâm tâm cũng có chút tự hào mình là người thừa kế sự nghiệp của thánh hiền. Việc hành xử nào của người xưa cũng đều cao quý. Bác cho rằng thuốc Nam là vốn quý của người mình, có rất nhiều ở quanh ta nên dễ kiếm, rẻ tiền, lại không kém phần công hiệu, phù hợp với lối sống và túi tiền của dân quê. Bác Thanh Chúc tuy bảo thủ mà có tấm lòng vị tha. Ngay từ việc chọn nghề làm thuốc bác cũng đã nghĩ đến chuyện cứu người trước, nhiên hậu mới nói đến kế sinh nhai. Có điều, nghề của bác học được do từ sự truyền lại của các ông lang vườn không tiếng tăm nên cũng chỉ hạn hẹp trong khuôn khổ nhất định.

Trong thời gian ấy bác Thanh Chúc học thêm chữ Nho, đồng thời hướng về với Phật giáo. Bác cùng với ba tôi và một số ít người khác trong làng về chùa, trở thành hội viên của Hội Phật học Nam Kỳ. Tuy là hội viên nhưng bác không hiểu mấy về giáo lý căn bản. Bác sinh hoạt hội như phần đông những người tin Phật vào lúc bấy giờ: Tin nhưng không hiểu, hoặc hiểu một cách lệch lạc.

Khi đất nước thống nhất thì bác Thanh Chúc đã thuộc lớp người “cổ lai hy” nhưng bác vẫn tìm học thêm nghề châm cứu để bổ sung cho nghề thuốc Nam của mình. Trong nhà bác treo rất nhiều đồ hình hướng dẫn về huyết đạo. Bác tìm hiểu bằng cách tự học nên kết quả thu lượm thật khiêm nhường. Bác sử dụng nghề thuốc Nam và châm cứu trong việc làm từ thiện, không nghĩ đến sinh lợi, nhưng bệnh nhân chẳng thấy có mấy ai.

Càng về già bác Thanh Chúc càng gần bó hơn với chùa chiền. Bác là người đầu tiên cùng với thầy trụ trì thành lập ban đạo tràng tại địa phương, quy tụ một số nam nữ Phật tử có tâm đạo thường xuyên về chùa học tập nghi thức, kinh điển để theo thầy hộ niệm. Tuy là người sáng lập nhưng bác lại là người thường hiểu giáo lý một cách lầm lẫn và lầm cẫm trong nghi thức tụng niệm. Điều này do bác thấm nhuần Phật giáo có căn gốc sai lệch trong dân quê của thời buổi Phật giáo

không được phát triển đã sâu đậm trong tâm thức. Điều này còn do nơi tuổi già đã đẩy lùi nhiều nhận thức bén nhạy nên bác không thể tiếp thu ngay những điều được học hỏi. Có điều, bác không hề tự ái, mặc cảm. Điều gì sai bác sẵn sàng tươi cười nhận khuyết điểm, hứa sửa đổi. Cái tâm niệm đáng trân quý của bác là cố hết sức mình trong những ngày còn lại để làm một cái gì đó có lợi cho Phật pháp, nên từ thấy trụ trì đến các bạn đạo, ai cũng yêu mến bác.

Không có một buổi lễ, một ngày vía nào thiếu mặt bác Thanh Chúc. Cả những giờ sinh hoạt Phật sự, những kỳ thọ Bát quan trai bác cũng đều tham dự một cách sốt sắng. Những lần theo thầy đi hộ niệm, bất kể ngày đêm, mưa gió bác vẫn đều vui vẻ sát cánh với ban đạo tràng dù tuổi đã cao, sức đã yếu. Hình ảnh một cụ già đi lẫn trong đám thầy trò giữa đêm khuya dưới cơn mưa rí rả, nước ngập trắng đường ở vùng quê là một hình ảnh khó phai trong tâm trí mọi người. Chân bác chệnh choạng. Nước bùn bắn lên theo bước chân do đôi dép Nhật bác mang đã bám vào áo quần những vệt loang lổ. Vậy mà bác vẫn cười nói, vẫn vui vẻ góp chuyện.

Vào những ngày giáp Tết, bác là người cổ xúy tích cực việc quyên góp cứu trợ đồng bào nghèo trong địa phương do nhà chùa tổ chức. Dù bản thân không làm gì ra tiền, gia đình lại thuộc thành phần khó khăn, bác cũng đã góp trọn số tiền dành dụm được để làm người quyên góp đầu tiên. Việc làm từ thiện của bác là tấm gương sáng cho mọi người nhìn vào.

Ngoài những việc làm trên, bác Thanh Chúc còn thường xuyên đến từng nhà các bạn đạo để trao đổi những thắc mắc, hỏi han về những gì bác còn chưa hiểu trong phần giáo lý đã học được; hoặc đến những nơi quen biết để động viên họ nên hướng về chùa, nương theo Phật. Bác tích cực hoạt động theo tinh thần tự nguyện, bất vụ lợi. Có người nghe theo bác, cũng không ít người chê bác là ông già lắm cảm. Người nào nghe theo thì bác mừng. Người nào chê bai, bác chẳng lấy đó làm phiền.

Mỗi lần đến nhà tôi bác đều tâm sự:

- Ông bà cùng trạc tuổi với con tôi, nhưng ông bà lại có được duyên tốt như thế này. Chẳng bằng con tôi không biết phải trái gì cả. Suốt ngày chỉ say sưa chè rượu!

Đây có lẽ cũng là điều ân hận nhất trên đời bác Thanh Chúc. Bác chỉ có hai người con đều đã nên gia thất từ lâu. Người con gái lớn có chồng không nói làm gì, nhưng người con trai mà bác chung sống lại hoàn toàn trái ngược với ước mong của bác. Anh không hề biết đến những việc làm từ thiện, phúc đức của cha chứ đừng nói gì đến chuyện nghĩ về chùa. Ngoài việc sinh kế hằng ngày rất bấp bênh, anh chỉ còn biết vui đùa vào những canh bạc, những bữa chè rượu với đám bạn chẳng ra gì. Những lời bác khuyên nhủ phải trái anh đều bỏ ngoài tai. Bác muốn mọi người đều làm việc thiện, đều có tâm

hướng Phật, nhưng người con trai độc nhất của bác thì không tài nào bác thức tỉnh nổi.

Mỗi lần nghe bác tâm sự, vợ chồng tôi không làm gì khác hơn là an ủi, nói với bác rằng trước sau gì rồi con bác cũng nghe ra, cũng thấy được điều tốt nên làm. Việc làm của bác chẳng khác nào như những giọt mưa nhẹ, lượng tuy không nhiều nhưng cứ rỉ rả hoài thì thế nào lại chẳng thấm được vào tâm hồn của con bác? Bác chỉ cười gượng gạo trong nỗi đau khổ tuyệt vọng của một cụ già gần đất xa trời mà vẫn chưa thức tỉnh được con mình.

Một hôm bác Thanh Chúc đến nhà tôi, mang theo ý nghĩ mà bác từng ôm ấp bấy lâu nay. Bác muốn mở phòng mạch tại chùa để chẩn bệnh cho toa, bốc thuốc, châm cứu từ thiện cho dân nghèo trong vùng. Bác đưa ra cả một kế hoạch cụ thể về việc làm công đức này. Cây thuốc thì do các đạo hữu tìm kiếm, bào chế theo hướng dẫn của bác. Phòng mạch thì lấy một gian nơi nhà đông của chùa. Mỗi tuần phòng mạch sẽ mở cửa mấy ngày. Tất cả đều chỉ là việc làm từ thiện nhằm mục đích cứu giúp bà con nghèo khó trong vùng, tuyệt đối không nhận bất cứ một khoản chi phí nào của bệnh nhân. Bác sẽ đem số vốn hiểu biết về thuốc Nam, về châm cứu của mình để ra phục vụ.

Nghe bác trình bày đương nhiên là tôi rất phấn khởi, hưởng ứng ngay:

- Được như vậy thì phúc đức quá! Chắc chắn thầy sẽ hoan nghênh việc làm của bác, sẵn sàng tạo mọi điều kiện để giúp bác. Làm được gì trong việc này tụi cháu và các đạo hữu nhất định cũng sẽ giúp bác một tay.

Lúc bấy giờ Phật giáo chưa có các tổ chức từ thiện chính thức hợp pháp khám bệnh cho người nghèo. Việc đề xướng của bác Thanh Chúc nơi một vùng quê là một đột phá mới mẻ. Thầy trụ trì cũng như các Phật tử đều hết sức tán thành, yểm trợ cho bác về mọi mặt. Rất tiếc là việc làm từ thiện của bác đã không thành tựu được như ý nguyện. Bác tuy có thừa tấm lòng, nhưng khả năng lại rất hạn chế. Dân địa phương hầu hết đều biết điều đó nên không mấy ai tin tưởng về tài chữa bệnh của bác dù cuộc sống của họ rất kham khổ.

Thầy trụ trì đã thông báo rộng rãi cho mọi người biết về phòng mạch từ thiện. Phòng mạch mở cửa gần cả tháng trời, bác Thanh Chúc cứ đứng ngày giờ qui định là đến phòng mạch kiên trì ngồi chờ bệnh nhân không sót buổi nào. Nhưng bệnh nhân chẳng thấy ai đến. Cuối cùng rồi cũng đành phải đóng cửa. Một tấm lòng không thôi cũng chưa phải là đủ.

Sau lần thất bại trên một thời gian, bác Thanh Chúc không thấy về chùa thường xuyên như trước nữa. Bác đã già yếu lắm rồi. Bước chân bác không còn vững vàng. Đôi mắt nhìn của bác đã kém cỏi. Dù rất muốn về chùa cũng không ai là người dìu dắt trên đường đi. Suốt ngày bác chỉ sống quanh quẩn trong ngoài vòng sân, thui thủi một mình. Người con trai duy nhất của



bác chẳng thấy có biểu hiện nào của sự thức tỉnh. Vẫn cứ chè rượu say sưa tối ngày ở tận đâu đâu không hề nghĩ đến nỗi cô độc, buồn tủi của cha già. Người con dâu thuê một căn nhà lụp xụp ngoài đường lớn để bán phở, đến bữa ăn, khi nhớ khi quên sai con trai mang về cho ông nội bát cơm với một chút thức ăn gì đó qua ngày. Bác không than phiền, không trách móc.

Thỉnh thoảng vợ chồng tôi thay phiên đến thăm bác. Lúc nào cũng thấy bác thui thủi một mình trong ngôi nhà ngói xưa vắng tênh bóng người. Trông bác lẻ loi đến tội nghiệp. Mỗi lần tôi đến thăm là mỗi lần bác vui mừng thật sự. Bác hỏi chuyện chùa chiền, chuyện đạo, chuyện thầy, chuyện bạn đủ thứ. Tuyệt không bao giờ nghe bác than vãn gì về chuyện dâu con hay thân phận hẩm hiu của mình. Tôi biết rõ bác rất buồn tủi nhưng cố tình nuốt nỗi cay đắng vào trong tận cùng đáy lòng, như cố tình chôn đi một nỗi bất hạnh mà bác biết rằng mình không còn khả năng để vực dậy. Ngay từ bản thân bác cũng đã bị nỗi bất hạnh phủ chụp xuống, trói chặt lại một cách tàn tệ không sao thoát ra được, còn nói chi đến việc vực dậy người khác cho dù đó là con mình? Bác nghĩ đó là cái nghiệp mà mình phải trả. Nghiệp thì có ác có thiện. Chắc trước kia mình chỉ toàn tạo nghiệp ác nên kiếp này mới phải như thế. Trả được nghiệp chút nào thì nhẹ được chút ấy. Biết vậy mà sao bác vẫn cứ thấy đau khổ khôn nguôi. Bác ân hận là đã không thể nào làm cho con trai thấy được điều ấy. Rồi sao này quả báo của nó sẽ ra sao?

Tôi biết niềm đau của bác nhưng không bao giờ dám khơi dậy niềm đau ấy. Cứ để cho bác cố tình chôn vùi đi thì vẫn tốt hơn là dúi bác đứng dậy trong niềm đau khổ của tuổi già.

Trước khi tôi ra về lần nào bác cũng bảo:

- Được như ông bà vậy là tốt lắm, tốt lắm! Tôi già quá rồi không còn làm được gì nữa! Ông bà nên cố gắng lên!

Có đến mấy tháng rồi tôi không đến thăm bác được.

Vợ tôi thì thường xuyên hơn. Ít nhất mỗi tuần một lần, vợ tôi đều đến thăm bác. Tôi biết được tình trạng sức khỏe của bác qua vợ tôi. Bác tuy có yếu hơn nhưng tinh thần vẫn còn minh mẫn. Vẫn còn ngồi xem sách, nghiên cứu, viết lách gì đó một cách cẩn mẫn. Tôi mừng. Bác vẫn còn tìm thấy thú vui trong sách vở, trong nghiên cứu, tìm tòi thì sự cô đơn của tuổi già cũng được khuấy khỏa phần nào.

Buổi lễ sám hôm đó thấy trụ trì thông báo:

- Bác Thanh Chúc có ấn tống một số kinh *Phổ Môn* xin liên hệ về chùa để nhận.

Tôi ngạc nhiên thật sự. Bác làm gì có điều kiện để thỉnh kinh mà ấn tống? Ngay từ cuộc sống của bác cũng đã bữa no bữa đói, không người chăm sóc thì lấy đâu ra tiền? Điều thắc mắc của tôi đã được trụ trì giải thích:

- Mấy người cháu vợ của bác đến thăm và cho bác một ít tiền tiêu vặt. Bác nhận số tiền ấy nhưng trao lại cho cháu nhờ thỉnh một số kinh *Phổ Môn* để cúng dường.

Cho đến cuối đời, bác Thanh Chúc dù trong hoàn cảnh hết sức khó khăn vẫn còn làm được một chuyện phúc đức lớn lao. Nhưng không phải chỉ có thế là hết.

Sau đó khoảng gần nửa tháng bác lần hồi tìm đến nhà tôi, mang theo một cuốn tập dày. Bác đưa cho tôi cuốn tập ấy và nói:

- Đây là những bài thuốc Nam mà suốt đời tôi đã sưu tầm được. Đạo sau này tôi yếu quá không còn về chùa được nên ngồi nhà chép lại thành tập. Dự tính gửi về chùa để thầy cất giữ, nếu có ai cần dùng thầy đưa cho họ xem chắc cũng có điều bổ ích. Nhưng chữ của tôi bây giờ viết nguệch ngoạc quá. Ông có thể giúp tôi chép lại cho rõ ràng hơn được không?

Tôi tiếp nhận cuốn tập của bác lật ngay ra xem bên trong. Quả thật chữ viết không dễ đọc chút nào. Điều này cũng thật dễ hiểu vì bác đã quá già, tay chân run rẩy mắt mũi kèm nhèm thì còn viết rõ ràng thế nào được? Nhưng đây là một công trình tâm huyết của bác. Bác đã sắp xếp từng loại bệnh theo từng chương mục cẩn thận. Mỗi loại bệnh đều nói rõ nguyên nhân, triệu chứng, sự chẩn đoán và cách điều trị cụ thể. Tất cả đều sử dụng phương thuốc Nam đã phổ biến rải rác trong dân gian xưa nay.

Bác đã dày công sưu tầm, đã có ý nguyện tốt đẹp như thế lẽ nào tôi lại từ chối? Tôi sốt sắng nhận lời:

- Bác yên tâm! Cháu sẽ chép lại cẩn thận cho bác!

Tâm nguyện của bác Thanh Chúc đã được thực hiện. Bác cố gắng về chùa gửi tập sách thuốc Nam chép tay ấy cho thầy với lời ký thác chân tình. Và đó cũng là lần cuối cùng bác về chùa!

Chỉ vài tháng sau đó bác Thanh Chúc đã ra đi vĩnh viễn. Bác ra đi trong nỗi cô đơn lạnh lẽo. Giờ phút hấp hối của bác chỉ có một đứa cháu nội nhỏ ở nhà nên không có một ai báo tin cho chùa biết để thầy và đạo tràng đến tiếp dẫn, tiễn đưa bác lên đường về cõi Phật. Đến khi hay được thì bác đã đi lâu rồi! ■



Ran không uống rượu

TƯỜNG HỮU

Xưa nay bao giờ cũng thế; tính tốt khó theo, tính xấu dễ nhiễm. Làm điều tốt thì khó, làm điều xấu thì dễ. Vươn lên, để lập thân lập đức thì khó. Sa ngã, làm tiêu tan sự nghiệp thì dễ. Người đời ít kinh nghiệm cái chỗ khó dễ ấy, thường nhầm lẫn làm càn. Hoặc nại lý do khiến cưỡng để bênh vực cho hành động, cách sống của mình. Hoặc nêu các câu nói của danh nhân thời trước để làm cái mộc che đỡ cho hành động lập dị của mình. Như một việc uống rượu là chúng ta thấy rõ nhất. Ngày xưa, thi sĩ bậc nhất thời thịnh Đường là Lý Bạch ca tụng rượu trong bài “*Tương tiến tửu*”; hơn nghìn năm qua ai cũng thuộc, cũng đọc. Cái say của Lý Bạch là cái say của của bậc thi tiên thanh thoát như ráng trời không vướng chút bụi trần, say để làm thơ, say để sống cho thơ. Khi say, Lý Bạch quên thân, quên đời, quên công danh phú quý, chỉ phóng bút viết ra những bài thơ “*tranh sáng cùng mặt trời mặt trăng*”, xem khinh đến đài, miếu mạo nguy nga của vua nước Sở chỉ là thứ gò đống cỏ hoang. Cái say của Lý Bạch là cái say của vị trí tiên. Vì vậy mới có huyền thoại Lý Bạch say, thấy vắng trăng đẹp, nhảy xuống ôm trăng ân tình suốt đời của nhà thơ mà chết đuối. Trước Lý Bạch – Khuất

Nguyên – tác giả tập *Ly tao bất hủ* - bị vua bãi chức, xô tóc đi lang thang trên bờ sông Mịch La, nói “Chúng nhân giai túy, duy ngã độc tỉnh” (Mọi người đều say, riêng mình ta tỉnh). Lý Bạch ca tụng Khuất Nguyên:

Khuất bình từ phú huyền nhật nguyệt

Sở vương đài tạ không sơn thâu

(Thơ văn Khuất Nguyên sáng cùng nhật nguyệt

Trong lúc đó thì lâu đài vua Sở núi gò thành không!)

Như vậy nghĩa là Lý Bạch ca tụng cái tiết tháo “độc tỉnh” của Khuất Nguyên – cái tiết tháo tỉnh táo, không lụy theo cái xô bồ say mê danh lợi tầm thường của một hiền triết thà bị bãi chức chứ không chịu uốn cong lưng mình hòa lẫn với cái ô trọc của cuộc đời. Vương Tích, một thi sĩ thời sơ Đường, khi đi qua hàng rượu, cũng có làm một bài thơ nổi danh:

QUÁ TỬU GIA

Thử nhật trường hôn ẩm

Phi quan dưỡng tánh linh

Nhân khan nhân tận túy

Hà nhãn độc vi tỉnh.

Dịch:

QUA HÀNG RƯỢU

*Hôm qua uống rượu say lì
Đành là không có ích gì dưỡng sinh
Thấy người say cả xót tình
Nỡ nào để có một mình tỉnh riêng.*

Chữ “túy” (say) và chữ “tỉnh” (tỉnh) ở Vương Tích là kết tinh hai thái độ sống của người xưa: “Túy” không phải là say rượu, mà là say những thứ dục vọng vật chất hèn hạ tầm thường, chẳng kể liêm sỉ, phẩm giá, đem thân danh nô lệ cho công danh phú quý... Chữ “tỉnh” là thái độ tỉnh táo trước cuộc đời. Vương Tích vì lòng thương bao la đối với cuộc đời, nên nói như thế. Chữ “hà nhẫn” (nỡ nào) cho chúng ta thấy rõ tấm lòng thương bao la ấy.

Người sau, nhân đọc những câu thơ của các bậc tiên hiền, các bậc trích tiên ấy, mà không hiểu ý chỉ. Đã không hiểu ý chỉ lại còn *đoạn chương thủ nghĩa* – cắt ra một câu một đoạn trong toàn thể để giải nghĩa khiên cưỡng theo ý thích của mình – rồi nêu những câu đó như châm ngôn, như khuôn vàng thước ngọc, lấy đó làm cái mực tùy thân, biện hộ cho hành động của chính mình. Cái đó tuy là lỗi khiên cưỡng của người đời sau nhưng người xưa cũng phải gánh một phần trách nhiệm. Đó là chỗ mà Đặng Huy Trứ nói lên trong bài phú *Răn không uống rượu* viết năm 1868.

*“Lưu linh! Lưu Linh!
Lý Bạch! Lý Bạch!
Say có danh gì mà truyền lưu
Nửa câu nói mà làm ngu đại chúng
Một lời thơ mà để hại ngàn sau...”*

Quả thật văn chương có cái mãnh lực phi thường. Đánh giặc đánh bằng quân đội, vũ khí. Nhưng đánh giặc cũng đánh bằng ngọn bút, văn chương. Đó là bút trận. Ở đây Đặng Huy Trứ mở ra một mặt trận, dùng ngọn bút để phá tan cái thành trì hủ bại là cái thành trì “dục phá sâu thành duy hữu tửu” (muốn phá thành Sầu cần phải dùng đạo binh Rượu!) của các ông thi sĩ không đau mà rên, di hại quá nhiều cho đám hậu sinh cho nên cần phải răn giới cấm: Rượu, sắc, cờ bạc, chơi bời phóng đãng.

Chúng ta hãy cùng trở về sống lại cùng với thời đại Đặng Huy Trứ. Khoảng năm 1868, Việt Nam đang bị giặc Pháp xâm lăng. Đất nước đang trông chờ sức lực và ý chí của toàn dân, nhất là đám thanh niên. Bây giờ nếu bọn thanh niên sa rớt vào rượu chè sắc dục... thì đất nước còn trông cậy vào đâu? Là một nhà yêu nước, nhà canh tân, nhà giáo dục, thấy cảnh trước mắt, đau lòng không thể làm ngơ được. Đặng Huy Trứ càng xót xa thấy rõ cái lẽ: lấy việc đời xưa không còn ăn khớp với thời đại hiện nay, mà lại đưa ra để suy nghĩ, dẫn chứng, sống với, đó là hành động của kẻ ngu si. Cứ y theo câu và lời của cổ nhân mà không xét đến lý và lẽ, đó là việc làm của kẻ mê muội. Có tránh được các thứ bệnh ấy,

mới mong có thể có được cái gốc vững mà lập thân ở giữa đời. Ở trong tinh thần đó, Đặng Huy Trứ nêu cái cương lĩnh chính của trách nhiệm làm người bây giờ:

“Giữ thân mình, lo đạo lớn vẹn tròn, ấy là đức của người quân tử;

Đối cuộc thế, lập công cao bất hủ, đó là danh của đấng trượng phu”.

Từ cái cương lĩnh chính, dĩ văn tái đạo ấy, Đặng Huy Trứ thẳng thắn và rõ ràng, cực lực công kích Lưu Linh, Lý Bạch. Với cái danh “Thánh tửu” của Lưu Linh, “Thi tiên” của Lý Bạch, trong con mắt của mình, Đặng Huy Trứ chẳng thấy có cái giá trị gì cái danh gây mầm độc, gây nọc hại cho hậu thế đó.

“Giữ thân mình” là nắm giữ điều Nhân. “Đối cuộc thế” là nắm giữ điều Nghĩa. Nhân Nghĩa là cái gốc của việc lập Đức, lập Danh của con người đúng nghĩa làm người. Người quân tử, đấng trượng phu không là gì khác: chỉ là bậc lo lắng giữ gìn thân danh của mình, để giúp ích cho đời mà thôi. Muốn được vậy, thì việc đầu tiên của thanh thiếu niên là phải:

*Nếp nhà mong rạn vỡ
Phúc ấm muốn dài lâu
Xứ rượu làng say – tránh gặp
Ma men gốc nghiệt – trừ mau.*

Không phải chỉ lên án Lưu Linh, Lý Bạch, Đặng Huy Trứ còn phân tích rạch ròi cho con cháu thấy rõ mối tai hại không tưởng tượng được của rượu. Rượu là độc dược của đời sống, làm mất hết tính bản thiện của con người, vì vậy rượu là nguyên nhân của ngàn tội muôn lỗi. Khi say, con người không có điều ác nào là không dám làm:

*“... Diu men chặt tính người mất hết
Độc dược trong đời sống ăn sâu.
Phải quyết tan mê, tỉnh giấc,
Mới hay hối lỗi, hối đầu.
Mê còn chưa dứt
Vạ đến không lâu...”*

Nhân tính mất. Nhân cách cũng mất theo. Đặng Huy Trứ miêu tả hình dạng khả ố của người say. Khi say thì đầu có “thấy” được hình ảnh cuồng loạn của chính mình. Khi tỉnh thì đã quá muộn rồi, hối hận cũng không kịp. Nhân tính chìm tan trong đáy ly. Thú tính nổi lên theo cùng bọt rượu. Như ngàn ngữ đã từng khuyến cáo: “Hãy đứng xa con cộp dũ mười thước và đứng xa đứa say rượu ba mươi thước”. Biết bao kẻ hiền lương hóa thành thú dữ trong lúc say sưa!

Và dưới đây là hình ảnh khả ố của một kẻ say:

*“... Nói năng cuồng loạn
Thái độ lỏng lẻo
Hành động khác thường mà chẳng biết
Nhớ những bữa bãi hay nào*

Cởi áo phanh quần xốc xa xốc xếch
Ném ly quăng chén lảo nhào ào nhào
Vui kia những muốn hưởng
Thú nọ có được sao?
Dâm sương tuyết ngủ lẫn ngủ lóc
Coi mạng mình như bọt như bèo
Mũ tuột mình trần chạy nhăng
Người kia, thú nọ khác nào!...”

Đặng Huy Trứ khẳng định rượu là đầu mối gây nên vô số tội ác. Vào tù sa ngục cũng là do rượu. Giết người kết án cũng là do rượu. Quên hết điều lễ nghĩa, trụy lạc cũng là do rượu. Khinh suất, chẳng kể luật vua, phép nước, làm tiết lộ việc cơ mật quân sự cũng đều do rượu mà ra. Đó là chưa kể rượu là đầu mối gây nên bệnh hoạn và đôi khi đưa đến cái chết lằng nhách đi theo cùng với chỉ một cơn say.

“... Việc bé xe ra to, đường bằng phẳng bỗng sóng cồn gió lốc,

Lòng lành biến thành ác, trẻ không dưng mà roi quất, đòn đau!

Lồng lộn thỏa hờn trong thoáng chốc,
Xích xiềng vương cẳng biết đâu!
Xui nên hai họ hiểm thù say cuồng chửi bậy
Quên phất bao đời gương giáo, chất chứa hờn sâu!
Người tôn trưởng cũng khinh lờn, họa lớn chờ gieo trước mắt;

Bạc thánh thần cũng phỉ báng, ách xa đợi giáng lên đầu
Tiết lộ binh cơ, luật quân khó thoát
Chây lười quốc sự, phép nước dung sao?
Bụng trướng bởi trướng phong, một giấc hỗn đi biến biệt,
Tâm hỗn vì động hỏa, ngũ quan bệnh đến ào ào!...”

Nhân cách mất sạch vì rượu. Rượu vào làm đỏ mặt như vòng, đồng thời rượu vào cũng bôi đen danh dự là thế ấy. Vậy thì, thanh thiếu niên đừng có bị ám ảnh bởi cái ý tưởng là để tiêu sấu giải muộn, hoặc uống rượu là để nhập vào làng văn sĩ thi nhân. Thơ văn viết được hay không, là do tài năng ẩn súc, đào luyện nhân cách lâu ngày mà thành, chứ không do bồ đào mỹ tửu. Giải muộn, thì thanh thiếu niên có muôn ngàn cách giải muộn: hành động hợp lễ, hành động trung hiếu thì sấu muộn tự tan. Đất nước đang bị xâm lăng, thì lo việc cứu nước là sự giải muộn lớn lao nhất, sự giải muộn hàng đầu mà người thanh thiếu niên cần phải học tập. Sao lại không biết giải muộn theo cách đó? Sao lại nệ theo vết xe bánh cũ, mà chỉ khư khư một con đường tiêu cực tuyệt vọng là hô hào mời nhau:

Hội tu nhất ẩm tam bách bôi (...)

Dữ nhĩ đồng tiêu vận cổ sấu

(Tương tiến tửu – Lý Bạch)

Đặng Huy Trứ viết:

“... Cứ can tâm mà phóng đảng
Coi tủy lủy là phong lưu

Mượn điều muốn tìm phương giải muộn
Dốc chén cho là chuyện thanh tao!...”

Với trách nhiệm và lòng thương bao la đối với lớp hậu sinh, Đặng Huy Trứ kết luận bài phú *Rắn không uống rượu* một cách khẳng định:

“Đem sẵn cốc mà chôn” câu nói nọ thuốc khôn nào nhĩ?

“Có đây be cứ uống” lời thơ kia giá trị là bao?

Chống ma rượu, này có thơ để lại

Khuyên cháu con chớ dại sa vào! ⁽¹⁾

Lời kết luận đầy lòng trắc ẩn. Đặng Huy Trứ thấy thanh thiếu niên ham uống rượu, nguy hiểm chẳng khác gì thấy những em bé đứng chơi bên miệng giếng. Vì thế, Đặng Huy Trứ hết sức “này thơ để lại” can ngăn và gìn giữ không cho con cháu sa rớt vào miệng giếng đen ngòm giết người, giết chí khí, giết đức hạnh của căn bệnh nhiều đời là căn bệnh mê man xú rượu, lạng say:

Có đoạn tuyệt được rượu, thì hưng thịnh

Không đoạn tuyệt được rượu, thì tan nát.

Việc nước, phép nhà – thế nào là hưng thế nào là vong? Hãy cứ xem sự kiện có “Tuyệt tửu” (đoạn tuyệt rượu) được hay không, đã thấy rõ rằng ngay trước mắt “Tuyệt tửu” là phương thuốc thánh, phương thuốc nhiệm mầu để giữ gìn cội nguồn đức hạnh làm người, giữ gìn nề nếp gia phong, giữ gìn vận mệnh đất nước. Đó là ý chí Đặng Huy Trứ giáo dục con cháu thanh thiếu niên trong bài *Giới tửu*, viết năm 1868.

GIỚI TỬU

Dứt rượu là hưng, say rượu vong
Nước nhà, suy kỹ, lẽ cùng chung
Hồng người vì rượu, bao ghê sợ
Mất trí vì men, mấy thảm thương
Việc nước, lời xưa là thánh được
Suối “liêm”, nước “nhượng” ấy lương phương
Phép nhà con cháu nên gìn giữ
Xa lánh làng say, sớm liên đường ⁽²⁾

(Ngô Linh Ngọc dịch thơ)

Đặng Huy Trứ là một nhà thơ lớn thế kỷ XIX, để lại một sự nghiệp văn chương đồ sộ, trong đó gồm có hàng nghìn bài thơ. Vậy mà nhà thơ Đặng Huy Trứ đâu có cậy nhờ rượu, vay mượn say, để tìm cảm hứng làm thơ đâu. Trái lại, Đặng Huy Trứ phê phán nghiêm khắc Lưu Linh, Lý Bạch và nghiêm huấn con cháu, thanh thiếu niên phải tránh xa sự say sưa theo với cùng con ma men ác độc hại người, hại bao nhiêu thế hệ thanh thiếu niên.

Chúng ta ngày nay đọc thơ văn của ông, những dòng thơ văn đầy tâm huyết, đầy tính giáo dục, cần phải chiêm nghiệm và học tập những lời răn dạy thống thiết của ông. ■

⁽¹⁾ và ⁽²⁾. Thơ văn trong bài này trích từ cuốn “Đặng Huy Trứ - con người và tác phẩm”.



Kỳ Viên Trung Nghĩa

Ngôi chùa do Đoàn Huy Hoàng Thái hậu vận động sáng lập

TRÍ BỬU

Nói về thể đất của thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, các nhà phong thủy gọi đó là cuộc đất “Tứ thủy triều quy, Tứ thú tụ” nghĩa là bốn phía đều có nước bao bọc ôm lấy thành phố và có bốn ngọn núi nhỏ tượng hình bốn con thú tụ lại để gìn giữ khí đất, giúp điều hòa âm dương và sự vượng phát của cả một vùng đất.

Bốn ngọn núi gồm có: *Hòn Trại Thủy* nằm ở địa đầu phía Tây thành phố Nha Trang có hình thù của một con dơi nằm xòe đôi cánh, cổ nhân gọi là Ngọc Bức Hàm Hoàn (dơi ngọc ngậm vòng ngọc); *Hòn Hoa Sơn* còn gọi là Núi Một, xưa kia dưới thời Lê Cảnh Hưng có một vị thiền sư pháp danh là Phật An đến cất một am tranh tu

khổ hạnh trên núi, khi ngài tự hỏa táng thì đệ tử thu cất dựng một tháp nhỏ để thờ, phần núi nhô ra biển Đông có hình đầu rùa nên cổ nhân gọi là Kim Quy Đới Tháp (rùa vàng đội tháp); *Núi Cảnh Long* ở Chụt chạy dọc theo bờ biển như một con rồng giỡn nước nên người xưa gọi là Thanh Long Hỷ Thủy; và *Hòn Sinh Trung* trên mé đầm Xương Huân trông xa như con voi phục nên được gọi là Bạch Tượng Quyện Hồ (Voi trắng cuốn hồ nước).

Trên ngọn đồi Sinh Trung, chùa Kỳ Viên Trung Nghĩa tọa lạc tại số 132 đường Sinh Trung, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Chùa Kỳ Viên Trung Nghĩa ngày xưa nguyên là miếu thờ các vị công thần nhà Nguyễn, được xây dựng trên



Ảnh: Giang Phong

đất của làng Vạn Thạnh ở một khu vực có tên địa phương là Hà Ra vào năm 1802 dưới triều Gia Long, ban đầu gọi là miếu Tinh Trung nhưng sau lại đổi tên là Sinh Trung. Theo các nhà nghiên cứu thì tên núi được gọi theo tên ngôi miếu thờ ấy. Dưới triều vua Tự Đức, năm 1852, miếu được trùng tu và lại đổi tên là miếu Trung Nghĩa.

Khoảng các năm 1948 – 1950, Bà Đoàn Huy Hoàng Thái hậu – tức bà Từ Cung, nữ danh là Hoàng Thị Cúc, pháp danh Trùng Thành, tự Diệu Hòa, thân mẫu của vua Bảo Đại, vị vua cuối cùng triều Nguyễn, triều đại phong kiến cuối cùng ở nước ta – trong một dịp về thăm đất Khánh Hòa, đến Nha Trang, lên viếng miếu Trung Nghĩa, thấy nơi đây phong cảnh sơn thủy hữu tình, thâm nghiêm u tịch, thích hợp cho một ngôi chùa nên đã vận động Ban Khánh tiết và các cụ hào lão làng Vạn Thạnh hiến cúng cho Giáo hội Phật giáo tỉnh Khánh Hòa làm nơi thờ Phật. Sau khi việc vận động của Đức Bà Từ Cung có kết quả, Giáo hội Phật giáo tỉnh Khánh Hòa đã đặc cử một Ban Đại diện Phật giáo, gọi tên là Khuôn hội Phật giáo thôn III, Kỳ Viên.

Khi công cuộc tu chỉnh miếu Trung Nghĩa thành chùa

thờ Phật hoàn tất, Giáo hội Phật giáo tỉnh Khánh Hòa và Phật tử Khuôn hội Kỳ Viên đã cung thỉnh vị Hội trưởng Hội Phật học Khánh Hòa, lúc bấy giờ là Thượng tọa Thích Thiện Minh, làm trụ trì. Ở cương vị trụ trì, Thiền sư Thích Thiện Minh đặt lại tên Linh Sơn Kỳ Viên Khuôn hội. Ngài chính là Tổ khai sơn chùa Kỳ Viên Trung Nghĩa (Nha Trang).

Vì nhiều công việc Phật sự của Giáo hội nên Hòa thượng Thích Thiện Minh đã cử Hòa thượng Thích Từ Mãn trụ trì. Sau một thời gian, Hòa thượng Thích Từ Mãn nhận nhiệm vụ Phật sự tại Đà Lạt, Hòa thượng Thích Từ Mãn đã giao lại cho Hòa thượng Thích Chí Tín trụ trì (1951-1957). Kế tiếp Hòa thượng Thích Chí Tín là Hòa thượng Thích Viên Mãn trụ trì (1958-1976).

Đất nước thống nhất, năm 1977 Thượng tọa Thích Trí Viên nhận trụ trì chùa Kỳ Viên do Viện Cao đẳng Phật học Hải Đức Nha Trang đề cử, Ban Đại diện Tỉnh hội Phật giáo Khánh Hòa bổ nhiệm. Sau khi nhận nhiệm vụ trụ trì Giáo hội giao, năm 1986 Thượng tọa Thích Trí Viên bắt đầu tu sửa những công trình phụ. Đến năm 1990, Thượng tọa trụ trì họp Ban Hộ tự, Ban Nghi lễ và Phật tử phát tâm đại trùng tu ngôi chánh điện, hậu Tổ và những công trình phụ khác...

Nhờ Tam bảo gia hộ, chư tôn đức Tăng Ni trợ niệm, nam nữ Phật tử phát tâm cúng dường, sau hơn mười tháng xây dựng ngôi chánh điện, hậu Tổ... đã hoàn tất. Đến ngày 19 tháng 2 năm 1992, Đại lễ Khánh thành được tổ chức và chùa được đổi tên là Kỳ Viên Trung Nghĩa tự.

Kể từ khi Kỳ Viên Trung Nghĩa phạm vũ huy hoàng, trang nghiêm tú lệ, chùa là địa điểm dừng chân của chư Tăng, Phật tử vào những ngày lễ lớn. Năm 1993, giới tử của Đại giới đàn Trí Thủ Long Sơn quy tụ nơi đây. Năm 1995, Thượng tọa trụ trì và Ban Hộ tự đã xây dựng Tổ đường thờ Tổ khai sơn Hòa thượng Thích Thiện Minh, và giảng đường để có nơi Tăng chúng học và Phật tử sinh hoạt. Năm 1996, tu sửa lại tượng đài Quan Thế Âm lộ thiên. Năm 1997, xây dựng tượng Đức Di-lặc lộ thiên và bậc cấp. Năm 2000, tu sửa cổng tam quan. Năm 2002, tu sửa gác Đại hồng chung. Năm 2004, xây dựng tượng Đức Văn-thù Bồ-tát lộ thiên. Từ ấy đến nay, mỗi năm đều có xây dựng kiến tạo thêm: Lộc Uyển, phương trượng trụ trì, nhà khách, tượng đài Địa Tạng, tháp ô linh cốt... Và đặc biệt đã lắp cầu thang máy để chư tôn đức Tăng Ni cao niên và Phật tử lớn tuổi lên chùa được thuận tiện.

Kỳ Viên Trung Nghĩa là ngôi chùa đẹp, hiện là trụ sở của Ban Hoàng pháp GHPGVN tỉnh Khánh Hòa, là nơi tổ chức các khóa tu mùa hè cho thanh thiếu niên và các khóa thi Phật pháp cho cư sĩ Phật tử.

Chùa Kỳ Viên Trung Nghĩa ngày nay không chỉ là nơi Tăng chúng tu học, nơi sinh hoạt và tu tập của đạo tràng Pháp Hoa, một trong những đạo tràng được Hòa thượng Thích Trí Quảng hoàng pháp khắp mọi miền đất nước, nơi Phật tử sớm tối đi về tụng kinh, niệm Phật, tu nhân hướng thiện mà còn là địa chỉ du lịch văn hóa tâm linh của thành phố biển Nha Trang, quê hương xứ Trầm, biển Yến. ■



Quan Lạn

Ngôi đình cổ giữa biển đảo tỉnh Quảng Ninh

Bài & ảnh: NGUYỄN TRỌNG NGHĨA

Đảo Quan Lạn thuộc vùng vịnh Bái Tử Long. Đây là tuyến đảo ngoài cùng của Vịnh Bắc Bộ. Toàn đảo có diện tích 11km² bao gồm tám thôn xã. Đảo Quan Lạn trải dài theo hướng Đông – Tây, từ chân dãy núi Vân Đồn tới núi Gót với những ngọn núi cao phía Đông tạo nên bức tường thành ngăn sóng gió từ biển khơi bảo vệ cho cư dân bên trong vùng vịnh. Trong lịch sử, Quan Lạn còn nằm trên tuyến đường giao thông hàng hải quan trọng giữa Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Philippines... Ngay từ thế kỷ XI, nó đã là một trung tâm của thương cảng cổ Vân Đồn, sầm uất và thịnh vượng, tàu bè ra vào tấp nập¹. Hiện nay trên đảo còn rất nhiều di tích liên quan đến thương cảng này, trong đó phải kể tới ngôi đình cổ hàng trăm năm tuổi giữa biển khơi mênh mông.

1 Vị trí và lịch sử xây dựng đình Quan Lạn
Đình Quan Lạn tọa lạc trên bến Đình – bến thuyền trung tâm xã đảo Quan Lạn thuộc huyện

đảo Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh, cách Cẩm Phả 35km. Đây là ngôi đình cổ trên một hòn đảo xa đất liền, song nó lại là ngôi đình duy nhất ở Việt Nam thờ tượng vua Lê Anh Tông – người có công thành lập ra trang, trấn Vân Đồn vào năm 1149 – và vị tướng tài ba Trần Khánh Dư trấn ải Vân Đồn. Ngoài ra đình còn thờ Dương Không Lộ và “Tứ vị thánh nương” là những vị thần được cư dân trên đảo truyền tụng thường chở che cho những người làm nghề biển. Các vị bô lão trong làng cho hay, hiện tại đình còn giữ 18 đạo sắc phong của các thời vua Nguyễn như Thiệu Trị, Tự Đức, Duy Tân, Bảo Đại ghi rõ công đức của các bậc tiên liệt.

Ngôi đình được xây dựng lần đầu tiên vào thời Hậu Lê (thế kỷ XVII) trên bến Cái Làng, vốn là trung tâm của thương cảng cổ Vân Đồn. Sau đó đình được di chuyển về thôn Nam. Tuy nhiên, theo dân làng vị trí tọa lạc như vậy chưa hợp phong thủy nên việc làm ăn của cả cộng đồng không tốt, các gia đình thường hay cãi cọ và xô xát, lục đục. Dưới thời Nguyễn, vào năm Thành Thái thứ 12, ngôi đình một lần nữa được di chuyển về xây dựng lại tại thôn Đoài như

hiện nay và được đặt tên là đình Quan Lạn². Vị trí tọa lạc của ngôi đình lúc này được xem là đắc địa: đình có hướng Tây, xoay mặt ra biển. Phía trước đình có ba ngọn núi Sao Trong, Sao Ngoài, Sao Ôn làm bức bình phong tự nhiên và phía sau lưng là năm quả núi khác làm chỗ dựa vững chắc. Đây là thế đất đẹp “Tiền Tam thai, hậu Ngũ nhạc” không mấy khi gặp trong xây dựng các công trình tín ngưỡng từ trước tới nay. Kể từ lần di chuyển cuối cùng này, dân làng làm ăn thuận buồm xuôi gió, bình an, mạnh khỏe, cuộc sống thuận hòa. Điều này cho thấy lịch sử xây dựng đình Quan Lạn – nơi sinh hoạt văn hóa, tâm linh cộng đồng – gắn bó rất mật thiết với lịch sử lâu đời của đảo Quan Lạn và sự biến đổi đời sống của cư dân trên xã đảo.

2 Đặc điểm kiến trúc, điêu khắc đình Quan Lạn

Nhìn vào tổng thể kiến trúc đình Quan Lạn, có thể nhận ra một “*quá trình tiến triển và kết đọng giá trị*” theo thời gian của kiến trúc đình làng nói chung. Về mặt bằng, giống như một số đình làng nổi tiếng thuộc thế kỷ XVI – XVII như đình Tây Đằng, đình Chu Quyến (Hà Tây cũ)... , đình Cổ Mễ (Bắc Ninh)... cho đến nay đình Quan Lạn vẫn giữ nguyên mặt bằng của thời khai dựng hình chữ nhật theo dạng tự chữ “Nhất”³, tức là giữa một không gian thoáng đãng chỉ có duy nhất một tòa đại đình bề thế, hoành tráng với bờ mái cong đầu đao “hiên ngang cùng tuế nguyệt”. Thêm vào đó, dấu ấn của lần di chuyển thứ ba dưới thời Nguyễn (thế kỷ XIX) là phần hậu cung xây nổi thêm phía sau dạng ống muống, tạo nên kiến trúc kiểu chữ “Đình”. Ba gian hậu cung này không có hệ thống cột kèo gỗ như kết cấu truyền thống nên dễ dàng tạo ra cảm giác chắp nối nhưng khi tháo bỏ đi vẫn không ảnh hưởng gì đến đại đình. Công năng của hậu cung là nơi thờ cúng, thường đóng kín và tách biệt với thế giới bên ngoài, thay thế cho gian thờ nằm ngay gian giữa thường bài trí sau hàng cột cái trong tạo nên sự gần gũi giữa thần và người như tổ tiên và con cháu thân tình ở giai đoạn trước đây.

Mặt tiền đình, hệ thống chấn song thông thoáng được lắp mộng kết nối với phần ngưỡng và hàng cột hiên. Lối cấu trúc này không chỉ tạo ra không gian ánh sáng chan hòa ngay cả lúc hệ thống cửa được đóng lại mà còn là lối thông gió hiệu quả. Đối với ngôi đình tọa lạc trước biển như đình Quan Lạn thì đây là giải pháp kỹ thuật giúp cho đình trụ vững trước phong ba bão táp. Bên trong đại đình còn dấu vết của hệ thống sàn gỗ chống ẩm thấp được cho là làm bổ sung vào khoảng thế kỷ XVIII. Nhưng do quá trình di chuyển và tác động của ngoại cảnh, nay sàn gỗ không còn nữa. Dưới chân các hàng cột vẫn còn hệ thống mộng rất rõ.

Phần mái đình lợp bằng ngói liệt đã rêu phong cổ kính. Nhìn xa bộ mái đồ sộ, xòe rộng bốn phía làm giảm chiều cao của công trình nhưng không nặng nề mà rất duyên dáng, mềm mại. Những lớp ngói đều đặn chạy theo đường cong tuyệt mỹ của bốn đầu đao đình. Các đường bờ nóc và bờ giải được đắp cao thành đường gân

vừa có tác dụng giữ cho ngói khỏi bị xô lệch và bị tốc khi gió bão vừa là chi tiết trang trí hóa giải những góc cạnh của mái đình được uốn lượn tự nhiên. Quả thực, giữa biển trời xa xôi, mái đình Quan Lạn như một con thuyền bồng bênh, nhẹ nhàng êm trôi trên sóng nước!

Để chống đỡ cho phần mái, hệ thống cột gỗ được dựng lên trên nền đất trống kê bằng đá tảng, đầu cột được giằng với nhau bằng những quả giang, những kẻ và xà ngang, xà dọc vững vàng, chắc chắn. Đây là lối kết cấu tài tình bởi từ những khối gỗ riêng lẻ, chỉ cần mộng meo như mộng chéo, mộng đuôi cá, mộng kép đã hãm chúng lại thành một khối thống nhất vừa khít, không sai một ly. Độ chắc chắn của công trình này đã được thử thách qua mấy trăm năm giông bão của biển cả. Điều thú vị hơn là, nếu muốn di chuyển công trình đến một vị trí khác chỉ cần tháo rời các chi tiết rồi đến nơi mới lại lắp đặt vào như cũ mà kiểu dáng không hề bị thay đổi. Vì vậy trong lịch sử, đình Quan Lạn đã ba lần di chuyển song kiểu dáng và những chi tiết kiến trúc vẫn được xem là bản sao hoàn hảo của ngày khởi dựng.

Một điều đặc biệt của kiến trúc đình Quan Lạn không thể không nói đến, đó chính là chất liệu gỗ làm nên ngôi đình. Để chịu lực, công trình có tới 32 cột cái và 26 cột quân. Mỗi cột là một thân gỗ Mần Lái thẳng tắp, cột to nhất có chu vi lên đến 3,2m. Hơn thế nữa, Mần Lái là một loại gỗ được mệnh danh là “siêu tứ thiết” ngàn năm cũng không bị rỗng “tiêu tâm” như gỗ lim. Có lẽ đây là ngôi đình duy nhất của Việt Nam sử dụng loại gỗ quý hiếm chỉ mọc trên các núi đá, áng đá cheo leo, hiểm trở ngoài biển khơi. Với những cột gỗ này, đình Quan Lạn không chỉ xứng đáng được xếp vào nhóm các công trình gỗ truyền thống quy mô và đồ sộ của Việt Nam mà còn là công trình độc nhất vô nhị, một “báu vật quốc gia”.

Về điêu khắc thì đình Quan Lạn có thể được xem là một công trình nghệ thuật công phu và sinh động. Với những khối gỗ lớn, nhỏ chồng xếp lên nhau một cách trật tự, người nghệ sĩ tạo hình tài ba tha hồ thể hiện sự sáng tạo và sức công phá của những nhát đục. Bất cứ một chi tiết gỗ nào dù ngắn hay dài, thô ráp hay vô tri vô giác thì qua những đường chạm ngọt như vẽ, khi thì chạm lộng, khi thì chạm nổi tài tình⁴ cũng biến thành những con rồng kiêu hãnh uyển chuyển, những bông hoa, những áng mây đang lay động, di chuyển trước gió hay những gợn sóng đang dạt dào vỗ yên bờ bãi quê hương... Có những tác phẩm điêu khắc đem đến cho người xem cảm giác sùng sốt về mức độ trau chuốt tỉ mỉ, đó là họa tiết chín con rồng cuốn nhau trên các đòn bẩy hay các bức rồng chộp lửa, rồng cuộn trong mây, rồng trong cuốn thư trên xà ngang, gác mái, trên cửa vồng hay kèo...

Tuy để tài trang trí điêu khắc ở đình Quan Lạn không phong phú như các ngôi đình khác trên đất liền, song nó lại thể hiện được sự chuyển tiếp hoặc pha trộn phong cách giữa các giai đoạn lịch sử. Mặc dù ngôi đình xây dựng dưới thời Hậu Lê nhưng điêu khắc hình



rỗng thể hiện cả dáng dấp con rồng thời Lý - Trần và Nguyễn. Ví dụ như ngoài hình rồng thời Lê mắt xếch còn có họa tiết rồng thời Trần uốn nhiều khúc trong mây mềm mại hay rồng thời Nguyễn có râu, bờm dài, nhe răng và móng sắc nhọn⁵. Chính vì vậy mỗi con rồng trong điêu khắc đình Quan Lạn mang một dáng vẻ khác nhau, không bao giờ trùng lặp.

Bên cạnh các hình chạm rồng có mặt ở khắp mọi nơi, trong đình còn có hai họa tiết khác không có ở bất cứ ngôi đình nào, đó là hình con ngài tằm và con bể bể thường được gọi là con vổ bụng vốn là một giống tôm phổ biến được khai thác, đánh bắt nhiều ở vùng biển này. Những hình ảnh hiếm hoi đó phản ánh rõ nguồn sống chủ yếu của cư dân nơi đây từng dựa vào nghề trồng dâu nuôi tằm và đánh bắt hải sản. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng đây là một trong số ít các ngôi đình ở miền Bắc thể hiện được nghề nghiệp của cộng đồng cư dân địa phương qua trang trí điêu khắc. Với những giá trị kiến trúc, điêu khắc đó, đình Quan Lạn và một số di tích khác đã được Bộ Văn hóa Thông tin xếp hạng là di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia theo Quyết định số 575/QĐ ngày 14/7/1990.

3 Lễ hội đình Quan Lạn

Đình Quan Lạn không chỉ có giá trị về mặt kiến trúc, điêu khắc mà còn là nơi diễn ra hoạt động văn hóa tinh thần đặc sắc với lễ hội đua thuyền từ ngày 10 đến 20 tháng 6 âm lịch hàng năm. Lễ hội vừa là dịp kỷ niệm chiến thắng giặc Nguyên Mông năm 1288 của quân dân nhà Trần và chiến thắng của vị tướng Trần Khánh Dư đánh tan đội thuyền lương nhà Nguyên, vừa là ngày hội cầu mùa trời yên biển lặng, lưới nặng cá đầy của ngư dân vùng biển đảo.

Phần lễ nghinh thần diễn ra ngày 16/6. Dân làng kết kiệu, trống dong cờ mở rước bài vị của tướng Trần Khánh Dư từ nhà thờ về an vị tại đình làng để cúng tế.

Phần hội có tục đua thuyền. Dân làng chia làm hai đội Đông Nam Văn và Đoài Bắc Võ, lập doanh trại riêng từ ngày 13/6 để luyện quân, chuẩn bị thuyền đua. Thuyền đua là loại thuyền đi biển của ngư dân có trọng tải 5 – 6 tấn, được hạ buồm và trang trí thêm đầu rồng. Trong lúc trên sân đình đang diễn ra các nghi thức tế lễ

trang nghiêm, tôn kính thì dưới bến thuyền việc luyện tập của cả hai đội tung bùng và náo nhiệt.

Khoảng 3 giờ chiều ngày 18/6, khi nước triều lên sát bến Đình, hai đội thuyền bắt đầu làm lễ xuất phát. Lính thuyền bên văn vận áo trắng quần xanh, chân quần xà cạp xanh. Lính thuyền bên võ vận quần áo xám, chân quần xà cạp đen. Với khí thế hùng hục xuất quân ra trận, chiêng trống nổi lên hùng hồn, cờ bay phấp phật, hai vị tướng chỉ huy của hai đội thuyền vừa múa những đường đao điệu luyện đẹp mắt vừa chỉ huy cho thuyền vượt sóng. Hai đoàn thuyền phải gặp nhau ba lần trên bến Đình tượng trưng cho ba lần chiến thắng quân Nguyên. Tới lần thứ ba, hai đoàn thuyền mới tập kết trước bến, hai vị tướng chỉ huy bước lên bờ vào tế trình diện, khi quay ra mới phát lệnh cuộc đua chính thức bắt đầu trước sự chứng kiến của các bậc thánh thần và toàn bộ dân làng.

Hội đình Quan Lạn là sự tổng hòa của ngày hội kỷ niệm chiến thắng giặc ngoại xâm và ngày hội cầu mùa của cư dân ngư nghiệp vùng biển đảo Quan Lạn, tỉnh Quảng Ninh. Đó thực sự là ngày hội làng biển hoành tráng thể hiện tinh thần thượng võ chống giặc ngoại xâm bảo vệ chủ quyền đất nước của người dân vùng biển đảo. Với những giá trị tinh thần đó, chính quyền và nhân dân huyện Vân Đồn đã lấy lễ hội này là lễ hội truyền thống cho toàn huyện.

Ngót năm thế kỷ trôi qua, với nhiều lần di chuyển nhưng đình Quan Lạn vẫn giữ được những giá trị kiến trúc, điêu khắc độc đáo và hiên ngang trụ vững trước sóng gió biển khơi. Điều đó cho thấy sức sáng tạo tuyệt vời và sự kỳ công bảo vệ di sản cha ông của cộng đồng dân cư vùng biển đảo Quan Lạn, tỉnh Quảng Ninh. Cùng với các giá trị vật thể, đình Quan Lạn còn là nơi nuôi dưỡng các giá trị tinh thần cho mọi thế hệ như tinh thần thượng võ chống giặc ngoại xâm bảo vệ biển đảo thân yêu, tinh thần lao động cần cù đánh bắt thủy sản làm giàu cho quê hương đất nước... qua ngày hội đua thuyền diễn ra vào tháng 6 hàng năm. Như vậy, đình Quan Lạn không chỉ là trung tâm văn hóa làng xã mà còn là cột mốc văn hóa trường tồn góp phần khẳng định chủ quyền biển đảo muôn đời của dân tộc Việt Nam! ■

Chú thích:

1. Xem thêm “Vườn quốc gia Bái Tử Long”(2008), Nxb.Văn Hóa Nghệ Thuật.

2. Xem thêm nguồn báo *Quảng Ninh* đăng trên website <http://www.huongdanvien.vn>.

3. Xem thêm “Đình làng: quá trình tiến triển và kết đọng giá trị” tr.439 – 450 của Chu Quang Trứ (2002) in trong *Văn hóa Việt Nam nhìn từ mỹ thuật*, Nxb.Mỹ Thuật.

4. Xem thêm “Đình làng: xây dựng và chạm khắc” tr.451 – 457 của Chu Quang Trứ (2002) in trong *Văn hóa Việt Nam nhìn từ mỹ thuật*, Nxb.Mỹ Thuật.

5. Xem thêm nguồn báo *Quảng Ninh* đăng trên website <http://www.huongdanvien.vn>.

Hạt lúa - hạt ngọc

LÝ THỊ MINH CHÂU

Người Việt đã lớn lên, đã theo ông cha đi xa lắm, đã đến mọi miền từ cái nôi văn minh lúa nước sông Hồng. Theo bước chân người đi mở cõi, cây lúa đã góp phần hình thành nên làng mạc, phố phường. Từ hạt lúa bé tẹo, từ tấc đất khai hoang cộng với gian lao nhọc nhằn, dân tộc mình cha trước con sau, đời nối đời, nghiệp nối nghiệp, miệt mài vun đắp nên dải đất hình chữ S thân yêu này. Trồng lúa, trồng màu đã trở thành sự nghiệp của một bộ phận người Việt không biết tự bao đời.

Nghề trồng lúa không chỉ mang lại sự no đủ, phần vinh mà còn là một nét đẹp văn hoá đã được người Việt khắc hoạ vào tục ngữ, ca dao: *"Trên đồng cạn, dưới đồng sâu. Chồng cày vợ cấy con trâu đi bừa"* và một hình ảnh khác rất đẹp nhưng không kém phần triết lý: *"Ai ơi bưng bát cơm đầy, dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần"*.

Cây lúa đã gắn kết với người nông dân như ruột rà, máu thịt; là cây lương thực chính của người Việt, từng nắm vai chủ đạo điều phối đời sống, kinh tế đất nước trong một thời gian dài. Quá trình phát triển của cây lúa gắn liền với quá trình phát triển của dân tộc.

Trước đây lúa gạo chỉ có thể giúp người nông dân không phải đói, thì ngày nay nó là một trong những mặt hàng xuất khẩu chủ lực của đất nước. Nó có thể làm cho đời sống người nông dân khá lên, giàu lên từ chính đôi bàn tay giỏi giang của mình.

Ngâm và ủ lúa giống cho lên mộng rồi gieo xuống ruộng đã chuẩn bị sẵn. Qua một đêm thì mộng đã "đứng" được, nghĩa là rễ đã bám vào đất. Một chồi xanh bé tẹo vừa nhú lên, cặp lá mầm đầu tiên hé mở, cây mạ đang hình thành. Mạ lớn rất nhanh, sau mười ngày thì có thể đem cấy ra ruộng. Sở dĩ người ta phải làm vậy, vì cây mạ cần có không gian để phát triển bằng cách "đẻ nhánh" quanh gốc chính, hình thành bụi lúa.

Khi nhánh lúa đã "tròn mình" hay lúa "đang thì con gái" là lúc cánh đồng đẹp nhất. Với màu xanh mượt như nhung trải dài ra tận chân trời, lao xao rì rào uốn lượn theo vũ điệu của gió, của mùa màng.

Hết thời gian này thì cây lúa "đứng cái", "ôm đồng". Đồng đồng non ăn rất ngon bởi nó có nhiều hương vị, ngọt ngọt, beo beo, thơm thơm. Đồng đồng phát triển nhanh thành bông lúa. Bông lúa hay gié lúa có nhiều hoa lúa do hoa cũng là quả, là vỏ lúa non đẹp lép, xanh ngọc. Hoa nở là lúc vòi nhụy thò ra ngoài, vòi nhụy có nhiều lông tơ. Hoa tự thụ phấn để thành hạt gạo sau này.

Không như mùi thơm nồng nồng của lúa đã chín, hoa lúa có mùi thơm dịu dịu của sữa, của tình thương yêu, thoang thoang thôi nhưng quyến rũ vô cùng.

Khi còn nhỏ tôi chưa hình dung được hoa lúa ra sao đâu rằng ngày ngày tôi vẫn vui đùa bên nó. Ngày đó tôi nghĩ hoa lúa là cả nhánh lúa trĩu trĩu hạt, ngây thơ và dễ thương như không ít người bây giờ vẫn nghĩ.

Hoa lúa có mà như không bởi nó không khoe màu sắc sỡ như các loài hoa khác, nó trở nên vô hình trước sự vô cảm của tha nhân.

Như "sắc sắc không không", một triết lý vi diệu trong kinh nhà Phật.

Như người tài hoa lỗi lạc nhưng khiêm nhường, thông minh nhất nhưng tự nhận mình là không biết gì, âm thầm dâng hiến cho nhân thế, cho đời.

Trước đồng lúa xanh bát ngát, trước sự cần cù gian lao vất vả của đồng bào mình, lòng tôi rộn lên niềm yêu thương vô hạn. Tôi như nhìn thấy tương lai rực hồng từ những bông lúa mơn mơn tươi xanh kia, để rồi hình dung ra tiếng cối, tiếng chày rộn rã của một vụ mùa bội thu. Tiếng cối, tiếng chày ấy mở ra những trang đời mới, sung túc hơn, đủ đầy hơn. Mở ra những hội hè thâu đêm suốt sáng, những trận cười triền miên, làm thăng hoa thêm cuộc sống vốn đã rất đáng yêu này.

Thay cho tiếng nhạc, lời ca xập xình là điệu hò mộc mạc nhưng vô cùng ngọt ngào của các nàng thôn nữ mà chỉ một lần nghe thôi cũng đủ làm cho người ta nhớ hoài: *"Mạ úa cấy lúa chóng xanh, gái dòng chóng để sao anh hững hờ"*. Thật là tha thiết. Thật là trữ tình, dễ làm cho người ta xiêu lòng nhận là quê hương thứ hai. ■



Cội mai già

ĐẶNG TRUNG THÀNH

Không biết mẹ đem từ đâu về một cây mai nhỏ rồi kêu tôi trồng trước sân nhà. Vốn có tính “nịnh đầm”, luôn luôn chiều mẹ, ba giành phần tưới nước và chăm bón mai. Mẹ hiểu nhưng lại không muốn ba nhúng tay vào vì sợ đôi tay thô kệch của ba sẽ làm mai chết. Thế là nhiệm vụ đó được ba “ủy quyền” cho anh em chúng tôi chăm sóc. Cứ mỗi sáng sớm, trước khi đi học, tôi múc vài gáo nước tưới đều quanh gốc mai. Buổi chiều đi học về tôi được rảnh tay đi chơi, vì anh Hai thay tôi làm nhiệm vụ này. Nhờ sự chăm sóc tận tình của anh em tôi mà chẳng mấy chốc cây mai lớn nhanh như thổi, ngấp

nghe đến ngang vai tôi. Rồi thời gian sau tôi cũng “nhỏ giò” theo mai nhưng không còn kịp nữa. Tôi cao một thì mai lại cao mười.

Nhớ những buổi chiều, mẹ hay ra trước hiên nhà ngồi nhìn mai chăm chú mà không biết chán. Mẹ cười mãi nhưng rồi sau đó lại buồn, thỉnh thoảng tôi còn bắt gặp mẹ khóc. Tôi gắng hỏi lý do nhưng mẹ không nói, chỉ trả lời bằng quơ. Sau này tôi mới hiểu nguyên cớ. Ngày xưa, trước khi sinh anh trai tôi vài năm, mẹ có sinh một người chị gái đặt tên là Mai. Nhưng do bệnh tim bẩm sinh, chị ấy qua đời khi chưa tròn hai tuổi. Mẹ đau buồn lắm, nhưng cũng gắng gượng để quên đi. Từ

đó cả nhà không ai dám nhắc đến người con đầu lòng vì sợ mẹ buồn. Chính vì chuyện này mà mẹ xem mai như đứa con của mình, luôn nâng niu từng lá, từng cành. Mai héo rũ, mẹ u sầu. Mai tốt tươi, mẹ vui vẻ. Ba chiều mẹ, thường đi tìm phân hữu cơ và nhiều lá cây mục nát về cho anh em tôi bón xung quanh gốc mai.

Thấm thoắt mai đã sống chung với gia đình tôi được năm năm. Mai cao chót vót bằng cả chiều cao của ngôi nhà, thân thẳng đứng, tán lá xòe rộng như hình tai nấm. Khoảng giữa tháng Chạp năm ấy, mẹ bảo anh em tôi: “Mai đã đến tuổi trở hoa, các con tưới lá cho mai đơm nụ”. Chúng tôi háo hức lắm, vì từ trước đến giờ chỉ thấy cây mai nhà hàng xóm khoe sắc, chứ nào có được làm công việc “nghệ nhân” như thế này. Tuy nhiên đến Tết mai chỉ trở lác đác vài cành hoa, ẩn sâu mình sau những chiếc lá xanh mượt to bè. Ba bảo: “Có lẽ do thời tiết thất thường, các con ạ!”. Còn mẹ thì không nói, chỉ thở dài náo nức.

Nhưng những mùa xuân năm sau thì khác. Mai bung cánh đúng vào ngày mồng một Tết, rất đẹp! Cánh hoa nào cũng to tròn, xòe rộng, vàng rộp cả sân nhà. Mẹ tỉ mỉ chiết vài nhánh chung trên bàn thờ, còn lại một ít đem biếu ông bà ngoại và bà con hàng xóm. Mồng một Tết, ba chở mẹ trên chiếc xe đạp cũ đến xông đất nhà ngoại. Nhà ông bà ngoại cách nhà tôi khoảng hai cây số nên chẳng có trở ngại gì trong việc qua lại. Đạo ấy đường chưa được trải nhựa nên mặt đường rất xấu, đá lờm chờm rải rác. Ba phải chạy thật chậm theo yêu cầu của mẹ, vì mẹ sợ những nhánh mai đang ôm trong mình rụng cánh. Ngày Tết xe chạy đông đúc và lao nhanh vùn vụt nên mẹ thường ngồi sau nhắc chừng ba cẩn thận. Ba nghe lời mẹ rầm rập, chỉ chạy sát mép lề. Nhưng than ôi, chuyện đời khó lường được chữ ngờ. Một chiếc ô-tô lao nhanh qua chiếc xe cũ kỹ của ba, vướng vào những nhánh mai đang vươn mình đón nắng. Ba mẹ ngã lăn ra đất và giữa mình xuống những tầng đá... Mẹ ra đi khi trên tay vẫn còn ôm chặt bó mai trong lòng. Ba thì quỳ bên mẹ khóc thống thiết... Cái Tết năm ấy cả nhà rất buồn, chưa bao giờ buồn hơn thế. Nhà có đám tang thì vui nổi gì! Hai anh em tôi đầu chít khăn tang trắng xóa, lặng lẽ ra ngồi bên gốc mai mà khóc. Ba nhẹ nhàng lấy một mảnh vải trắng cột quanh thân mai. Dường như mai cũng biết buồn, cánh hoa teo tóp lại, những lá non đầu xuân rủ xuống đong đưa. Sau Tết, thỉnh thoảng khi nhớ mẹ, chúng tôi chẳng biết làm gì ngoài việc chạy ra trước sân nhà ngồi ôm gốc mai nghĩ ngợi và khóc. Ngay cả người đàn ông mạnh mẽ như ba cũng không giấu được cảm xúc thật, đêm đêm ba hay thì thầm tâm sự cùng mai.

Rồi thời gian cũng làm vơi đi nỗi buồn. Chúng tôi biết chắc rằng ba tôi vẫn luôn nghĩ về mẹ và chúng tôi cũng thế, nhưng đều để trong tim, trong trí óc chứ không còn biểu lộ ra mặt nữa. Mẹ đi rồi, ba thay mẹ bảo vệ gốc mai, cố gắng không để mai tàn, mai héo.

Chúng tôi đã trưởng thành, không còn là những thằng nhóc nghịch ngợm như thuở nào. Mai cũng thế, già đi rồi, cội đã to, sần sùi và gồ ghề, thân cứng cáp như bức tường thép. Tuy vậy mai vẫn trở đều và đẹp mỗi năm, không thua gì những cây mai trẻ. Đó là nhờ sự chăm sóc chu đáo của ba và cả anh em chúng tôi. Dù bận rộn với việc học, nhưng cuối tuần chúng tôi vẫn về thăm nhà, thăm ba và ngắm nhìn mai cho đỡ nhớ mẹ. Thấy ba thui thủi một mình, nhiều lần anh Hai đề nghị nghỉ học để về chăm sóc và lo lắng cho ba nhưng ba khoát tay từ chối. Ba nói: “Tụi con còn nhỏ, phải lo học để có tương lai, giúp ích cho gia đình và xã hội. Chứ không có bằng cấp gì thì sau này làm sao lo cho vợ con, lo cho ba được! Cứ yên tâm mà học hành, ở nhà ba có mai rồi, không tẻ nhạt đâu!”. Nghe ba nói cũng phải nên chúng tôi không đề cập đến chuyện này nữa.

Mỗi khi Tết đến, thiếu vắng bóng mẹ, ba cha con tự tay trang hoàng nhà cửa, đi chợ, gói bánh và tước lá mai. Nhìn ba cực khổ tỉ mỉ gói từng đòn bánh tét một cách khó khăn, tôi đề nghị ra chợ đặt mua nhưng ba không chịu. Ba nói mẹ chỉ thích đồ ăn ở nhà nấu và ba muốn cho mẹ thấy đôi tay ba không còn thô ráp như trước đây nữa. Mồng một Tết, ba chiết vài nhánh mai đem chưng bàn thờ ông bà và mẹ. Ba làm một mâm cơm để giỗ mẹ và cúng ông bà. Đứng trước di ảnh của mẹ, ba cha con cầu nguyện cho cả nhà luôn hạnh phúc, dồi dào sức khỏe và được ấm no. Ba còn cầu mong ở nơi suối vàng, mẹ phù hộ sao cho mai luôn khỏe mạnh, sống thọ để mỗi khi xuân về mai vẫn ban sắc đẹp, lộc và niềm vui đến cho gia đình. ■





Trèo Lên quăng dốc

TRƯƠNG VĂN DÂN

Qua lại rất nhiều lần nhưng tôi không hề biết khúc đường Lê Thánh Tôn - góc Thái Văn Lung là một con dốc. Gọi dốc nhưng có lẽ đó chỉ là một độ nghiêng, hơi chếch, khi ngồi trên xe máy không dễ gì nhận ra.

Buổi trưa Sài Gòn, nắng gắt. Cái nóng như thiêu, sấy khô mọi thứ. Nóng hun chảy nhựa đường và làm tâm trí khách bộ hành mịt mù như bốc khói.

Đèn đỏ, làn sóng người phải dừng lại ở ngã tư. Đường hẹp người đông, những mái đầu lô nhô chen chúc. Trong nắng, có đủ thứ mùi đang phả vào mặt. Mùi của bụi bặm, của mồ hôi, của những thứ nước hoa rẻ tiền pha lẫn mùi quần áo phủ lớp bụi đường. Đó là loại mùi hỗn hợp của những cơ thể bị nhồi vào một chỗ, dồn ép trong một không gian sống nhỏ hẹp, mùi của những con người bị ép vào nhau thành một khối, giành nhau từng centimet đường và tranh nhau chút không khí để thở.

Tôi bức bối vì bầu không khí đã ngột ngạt vì nắng và bụi mà lại còn phải hứng thêm hơi nóng hắt ra từ máy điều hòa của chiếc xe dừng bên cạnh. Đó là một chiếc Toyota Innova bóng lộn, to lớn, đứng choán hơn nửa lòng con đường chật hẹp.

Xe bẩy chỗ, nhưng chỉ có một người đàn ông ở băng sau. Anh ngồi vắt chân chữ ngũ, tay xoa cằm vuốt những sợi râu lún phún, đứng đưng nhìn những người qua lại. Trông anh có vẻ thoải mái trong cái không gian êm ái, có làn không khí mát mẻ toát ra từ máy điều hòa, vô tư tận hưởng những ngọt ngào của sự giàu sang như một điều tất yếu mà cuộc đời dành cho riêng mình.

Đứng bên trái, có một chiếc Honda cũ kỹ chất trên mình cả bốn người, làm bánh xe sau như muốn khụy xuống. Hơi nóng hùng hực phun ra từ ống khói xe hơi làm mồ hôi người đàn ông nhễ nhại chảy thành giọt lên chiếc áo thun. Ông cau mặt, loay hoay tìm cách đổi vị trí để tránh làn khói, nhưng đường hẹp, người đông,



Nguồn: baolacai.vn

không dễ gì xoay chuyển. Đứa bé ngồi trên bình xăng phía trước lấy mũ che làn bụi đen đang tạt vào mặt nó.

Ở phía bên phải, gần sát lề đường còn có một chiếc xe ba gác. Một ông cụ đang nửa đứng nửa ngồi trên bàn đạp, như cố dùng sức mạnh của đôi chân và trọng lượng toàn thân để giữ cho chiếc xe khỏi tụt lùi.

Chính cái tư thế của ông làm tôi biết mình đang đứng trên lưng chừng dốc.

Khi đèn xanh vừa bật, nhiều người trên đường Thái Văn Lung đã bắt đầu giảm ga, dừng lại, tuy vậy vẫn có mấy “yên hùng” phóng xe vọt qua dù đèn vừa đỏ.

Tôi thấy ông cụ cong người, đạp, nhưng chiếc xe ba gác vẫn đứng yên, không nhúc nhích. Trên xe có chở chừng vài mươi thanh sắt và một ít vật dụng. Số lượng không nhiều nhưng có lẽ nó đã quá tải đối với thân hình gầy nhom, ốm yếu của ông. Hơi thở hổn hển, ông hì hục đạp mà chiếc xe nằm ì, không đi tới.

Vừa định dừng lại để đẩy giúp ông nhưng dòng người đông đảo từ phía sau đang ào tới, không kịp vô lễ được, tôi bắt buộc phải vượt ngã tư. Sau khi dừng xe, định quay lại thì lúc ấy đèn vàng cũng vừa bật sáng.

Cũng may, lúc đó có một thanh niên lướt xe Dream từ phía sau tiến đến, chân phải anh đạp vào thùng xe rồi rồ ga để phụ đẩy với ông.

Nét mặt căng thẳng. Hai môi mím chặt. Ông cụ gù lưng, đạp. Nhưng chiếc ba gác chỉ nhúc nhích, tiến

thêm vài bước rồi đứng ì ngay giữa ngã tư. Chiếc Dream cũng đột ngột tắt máy. Đèn xanh trên đường Thái Văn Lung đã sáng mà dòng người lại gặp chướng ngại nên không qua được.

Còi nhấm lên inh ỏi.

Giữa lúc đó, từ một quán ăn sang trọng trên góc đường Lê Thánh Tôn, một cô gái trẻ, đẹp, mặc áo hai dây, đang kể vai một thanh niên da trắng thông thả bước ra. Thấy cảnh huyền ảo, cô đứng chống nạnh trên bậc tam cấp, đứng dưng nhìn xuống lòng đường. Chiếc áo ngắn cũn cỡn phô bày một chiếc khoen trên rún, có đính chiếc hạt trai màu đỏ rung rinh, nổi bật trên làn da trắng. Cô đứng yên, nhưng người bạn trai thì vội bỏ tay cô, chạy ra phụ đẩy chiếc xe ba gác. Một, hai,... Một, hai... chiếc xe chuyển động, và ông cụ lấy trớn bon bon vượt qua ngã tư. Mãi ông như mỉm cười. Tôi thấy ông đưa cánh tay phải lên chùi những chuỗi nước đang đầm đìa trên mặt. Mồ hôi? Dưới cái nóng gay gắt hầm hập của buổi trưa đó có lẽ là điều hiển nhiên để nghĩ, nhưng tôi lại không nghĩ thế.

Mồ hôi thì không thể tải được nỗi xót xa hiện trong ánh mắt.

Tôi nhìn anh thanh niên tóc hung hung mồ hôi nhễ nhại, dưới ánh nắng chang chang đang đi ngược về phía cô gái. Anh rút túi lấy khăn tay ra lau những dòng nước đang chảy ròng ròng trên trán, nhìn cô mỉm cười. Nhưng khuôn mặt người đẹp lạnh như tiền, ngưng nguẩy, giọng trong trẻo mà âm vang: “Về chuyện!”

Tôi sững sờ. Đó là thái độ của cô gái. Còn anh bạn đại gia trên chiếc xe hơi máy lạnh, có lẽ lúc này đang căng óc tính toán về một cú áp-phe nào đó và nếu có tình cờ ngoài lại chắc cũng chẳng quan tâm gì đến những điều vụn vặt đã tình cờ nhìn thấy trên đường.

Chiếc Dream bị tắt máy lúc này đã được đẩy sát lề. Tôi nhìn anh thanh niên, bắt gặp anh cũng nhìn tôi. Bốn mắt gặp nhau, mỉm cười, rồi cùng nhìn về hướng ông cụ đang đạp xe đi chậm chạp trên đường.

Nắng gắt. Gió vẫn hanh hanh tạt vào mặt chúng tôi những đám bụi khói. Mắt tôi như díp lại, còn miệng thì khô.

Tôi bồn thần nhìn nỗi nhọc nhằn của cuộc mưu sinh đang uốn cong tấm lưng còm cõi và nhớ lại nỗi đắng cay xếp thành nếp trên gương mặt khắc khổ của một người lớn tuổi. Chắc ông cụ cũng sắp bước vào tuổi cổ lai hy. Nhìn ông, tôi thầm hỏi ông sẽ được trả mấy chục nghìn đồng thù lao cho cuộc xe nặng nhọc, rồi quay về phía sau lưng mà ông vừa bỏ lại: tòa cao ốc văn phòng vừa mới xây xong. Một căn hộ nhỏ cho thuê giá ít nhất 50-60 triệu đồng mỗi tháng.

Tôi lẩm nhẩm đọc hàng chữ trên tấm pa-nô treo ở phía bên kia đường: “Cùng nhau tiến đến tương lai”.

Rồi không hiểu sao mắt bỗng cay cay. ■



Vui trong nỗi lo

PHẠM LĂNG YÊN

Một chiều cuối năm, heo may về se lạnh, ghé thăm một người bác đã ngoài 80, đang sống cô đơn hiu quạnh trong một gian nhà lụp xụp, cũ kỹ nằm sâu hút cuối một con hẻm chạy ngoằn ngoèo tận miệt Bình Thới.

Bác đang ngồi co ro một góc nhà, đôi mắt tuy đã lòa nhưng vẫn dõi về hướng con hẻm nhỏ xem có đứa con, đứa cháu nào ghé thăm mình vào những ngày “năm cùng tháng tận” này chẳng? Thấy có người ghé thăm, khuôn mặt đang ủ dột của bác bỗng rạng rỡ một niềm vui thơ trẻ, với nụ cười toe toét nở trên môi; bác lăng xăng chạy đi chạy lại, mang cho cháu khi thì ly nước, lúc thì miếng bánh chưng; bác huyền thuyên hỏi thăm cháu đủ điều như lo sợ rằng ngồi không rồi buồn, đứa cháu lại đứng lên cáo từ về mất vậy.

Mùa đông qua và mùa xuân lại về. Rồi một chiều xuân nọ, gặp lại một anh bạn đã sống cô quạnh một mình hơn mười năm; anh báo tin vui rằng anh vừa quen rồi yêu một cô gái đáng tuổi con cháu mình. Anh nói rằng nhờ tình yêu thơ đại này mà anh bỗng trẻ lại như thời

hoa niên vậy; rằng anh bỗng thấy mình hồn nhiên, phơi phới như những ngày tháng còn thanh xuân khi đưa người yêu bé bỏng dạo phố chiều chiều; anh cho biết tình yêu đó như một loại thần dược cải lão hoàn đồng, đem lại bao niềm vui vô tận cho anh. Rồi anh nói thêm rằng, tuy thật vui nhưng cũng thật lo sợ khi nghĩ đến một ngày mai nào nữa, người em gái kia sẽ chê anh già nua, sẽ lìa bỏ anh. Điều anh lo lắng đó quả nhiên đã đến. Bằng đi vài ba tháng sau, tình cờ tôi lại gặp anh một mình lang thang qua phố trên chiếc xe cà tàng ngày xưa; không còn thấy nét rộn ràng, phơi phới trên khuôn mặt anh nữa. Anh than sao cuộc đời anh quá u buồn, bất hạnh; sao dạo này anh thấy cuộc đời nó vô vị, trống rỗng kể từ ngày người em bé nhỏ kia từ chối không đi xuống phố chiều chiều với anh nữa; anh kể rằng cô bé đó nói đi chung với một người đàn ông lớn tuổi và nghèo như anh, bạn bè nó cười chê, rồi nói ra nói vào nghe mệt quá chừng.

Rồi những ngày hè ngập nắng trở về và những nhánh phương buồn lại đến mùa trở hoa. Gặp lại một người bạn

hiện đang dạy tại một trường đại học, anh than thở mấy ngày hè ở nhà sao thấy buồn quá đỗi; mỗi sáng ra chẳng biết làm gì, anh lại chạy loanh quanh vào trường một chút, rồi gặp người này nói năm ba câu chuyện trường lớp, rồi gặp người kia mời một cốc café nói mấy chuyện cỏ cây, mưa nắng bên trời mong tìm cho đời chút vui và cho khuấy khỏa, cho vơi bớt nỗi buồn trống trải, quạnh hiu. Anh nói rằng anh thường lo sợ viễn cảnh mai một này về hưu rồi, không còn học trò, bè bạn quanh đời; xa rời trường xưa, lớp cũ; suốt ngày quanh quẩn nơi góc nhà chật chội, nhỏ bé chắc hẳn sẽ buồn chịu không nổi.

Mùa hè qua đi và mùa mưa lẻ thê lại về; một chiều nọ trời đổ mưa mù mịt, ghé trú mưa bên hiên một quán nhậu bất chợt gặp lại một người bạn thời xa xưa thuở còn đi học đang ngồi trong quán. Anh cho biết hiện đang đi làm cho một công ty nọ, và cứ mỗi chiều về như một thói quen anh cùng mấy người bạn lại tụ tập nhau đi nhậu một chầu; anh nói đi làm ra rồi về nhà sớm buồn lắm, thấy thiếu thiếu một điều gì - đi nhậu có bạn bè nói chuyện, tâm sự với nhau thấy đời nó vui hẳn lên. Theo lời anh kể, anh rất sợ những ngày tháng không được gặp bạn gặp bè bù khú, nói chuyện dông dài; đối với anh những thời khắc đó sao mà trống vắng, thấy đời vô vị, thấy buồn ghê luôn, chịu không thấu.

Ai cũng đi tìm những niềm vui cho mình; ai cũng mong cuộc đời mình vui nhiều, buồn ít. Có nhiều cách đi tìm niềm vui. Người bác già cô độc kia, người bạn đã quen những giờ đến lớp ồn ào nọ, người bạn miên man những chiều bù khú trong quán nhậu kia, hay người bạn quen hơi ấm một bóng hồng bé nhỏ xinh xinh bên đời ấy - tất cả họ đều đi tìm niềm vui ở tha nhân, và từ tha nhân.

Đó là những niềm vui do quan hệ với tha nhân mà có được; do tha nhân ban tặng cho mình; và chắc chắn những niềm vui đó sẽ hoàn toàn phụ thuộc vào tha nhân - ngày nào tha nhân còn đến với mình, còn ở bên mình, còn nhớ đến mình, còn cho mình, ngày đó ta còn chút vui; một ngày nào vắng bóng tha nhân, ta sẽ buồn tẻ tái và nhớ khôn nguôi. Ta đã là nô lệ cho tha nhân mất rồi, được một thoáng vui mà buồn lo, mà hệ lụy suốt bao ngày tháng lẻ thê bên đời.

Người bác già héo hắt trông chờ, mong ngóng một niềm vui bé nhỏ khi con cháu ghé thăm mình; người bạn đi dạy kia mong mỗi những niềm vui khi ngày ngày được quanh quẩn bên các em học trò và đồng nghiệp; người bạn thời niên thiếu mong đợi những niềm vui khi mỗi chiều

về có bạn có bè nhỏ to tâm sự bên ly rượu và người bạn côi cút kia mong chờ chút niềm vui từ người em gái bé nhỏ nọ ban cho.

Người bác già hẳn sẽ rất buồn khi các con các cháu không về, đã không ngần ngại cầu xin đứa con đứa cháu ngồi nán lại lâu lâu với bác để bác được trút bao nỗi niềm tâm sự u uất trong lòng bấy lâu; người bạn đi dạy học nọ hẳn sẽ rất buồn nếu trên thảng ngày trôi qua vắng bóng các em học trò thân yêu hay bạn bè đồng nghiệp, đã không quản ngại ngần, đường xá xa xôi mà chạy đi tìm đến với họ để mong khỏa lấp nỗi niềm trống vắng bên đời; người bạn thuở còn cắp sách đến trường kia hẳn sẽ rất cô đơn vào một ngày nào đó vắng bóng bạn bè, đã chẳng tiếc thời gian, tiền bạc khi rủ rê, chèo kéo, năn nỉ những người bạn kia mỗi chiều về ghé qua quán nhậu để chia sẻ cùng anh những chuyện buồn vui bên đời; và người bạn côi cút nọ hẳn sẽ buồn tẻ tái và cô đơn không cùng khi vắng bóng người con gái nhỏ bé anh yêu, đã không còn cảm thấy xấu hổ khi ngày đêm khẩn cầu cô gái hãy đến bên anh, đừng ruồng rẫy, chê bai anh.

Cái vui lệ thuộc đó chỉ đến một thoáng mà nỗi niềm âu lo, sợ hãi kia thì ngày ngày bủa vây quanh đời họ, khiến họ phải đành lòng cầu khẩn, van xin, quỳ lạy kẻ khác.

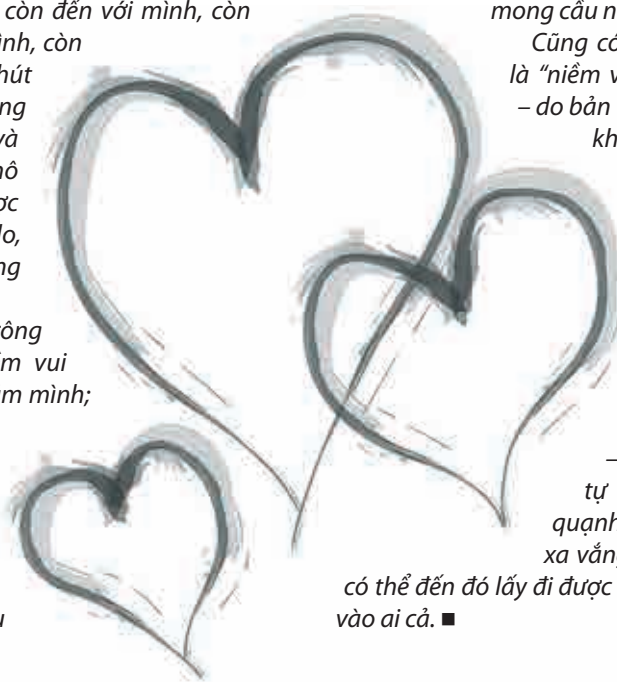
Niềm vui của tha nhân cho mình là niềm vui mang chất “yêu quái” – bản chất của “yêu quái” trong thế giới nhị nguyên này là “cho” luôn luôn đi với “lấy lại, nhận lại”; cho một nhưng cũng sẽ lấy lại một hoặc nhiều hơn; tặng cho một chút vui sẽ kèm theo đó một hoặc nhiều nỗi buồn tẻ tái; ban phát chút hạnh phúc thế gian, chút mật ngọt trên lưỡi dao và khiến con người phải đớn đau, phải thương tổn vì thứ hạnh phúc phù phiếm, hư dối kia.

Khi tâm thức khởi lên những mong cầu là người ta đã lạc vào thế giới của “yêu ma” mất rồi và chắc chắn người ta sẽ luôn phải trả giá, phải sầu khổ cho những mong cầu những loại niềm vui như thế.

Cũng có một thứ niềm vui khác. Đó là “niềm vui” của sự tự do riêng mình – do bản thân biết xả ly, biết rũ bỏ, biết khước từ mà có được – đó là niềm vui của sự vô cầu; nó phiêu lãng và thơ mộng hơn gấp vô số lần cái niềm vui trẻ con, lệ thuộc kia.

Người không biết từ bỏ, không dám từ bỏ, không thể sống một mình sẽ không bao giờ tìm thấy và có được niềm vui này – một niềm vui của tâm thức tự do trong cõi hoang vu, hiu quạnh riêng mình; đẹp nào nùng và xa vắng trong cô liêu; nên chẳng ai

có thể đến đó lấy đi được và hoàn toàn không lệ thuộc vào ai cả. ■





Thương mùi hoa sữa thơm đêm

PHẠM TUẤN VŨ

Bạn tôi ít ai thích hoa sữa. Người bảo hoa nồng quá, mới ngủi đã nghe nhức đầu. Người lại bảo hoa chỉ đẹp về đêm, mấy ai được ngắm. Riêng tôi, mặc cho ai nói gì, vẫn cứ thương hoa sữa, thứ hoa nồng nàn hè phố đêm về mỗi độ cuối thu...

Người ta chê hoa lạnh thắm, tôi lại thương hoa ở đức khiêm nhường lặng lẽ. Không hề bận tâm khi bao nhiêu loài hoa khác đua nhau khoe sắc vào ban ngày, hoa sữa âm thầm chọn cho mình thời điểm đêm xuống. Ban ngày hoa sữa vẫn nở, ấy là loài hoa lâu tàn, nhưng mấy ai để tâm. Đêm về, hoa nổi bật hơn, nhưng ít người để ý, bởi hoa chưa bao giờ lộng lẫy kiêu sa. Chỉ những ai thật sự yêu hoa sữa, một đêm nào lang thang qua từng phố hè, để lòng mình thôi không bận bịu, tìm đến hoa sữa một cách chân thành, mới thấy hoa đẹp một vẻ rất riêng không phải loài hoa nào cũng có được. Cuối một con phố vắng hay đầu ngõ hẻm sâu, hoa sữa trắng một góc trời nhỏ. Khi phố phường tắt dần ánh điện, đó cũng là lúc hoa sữa lung linh, dĩ nhiên đó cũng là lúc trời đã về khuya, phố phường chẳng còn mấy ai qua lại.

Có bao nhiêu loài hoa rực rỡ sắc màu, tôi vẫn cứ thương hoa sữa trắng một màu đơn sơ. Không trắng toát kiêu sa đài các, hoa sữa mang cho mình một màu trắng đục, màu sữa, đúng như tên gọi của nó. Cuộc đời chẳng bao giờ suôn sẻ, phải có khi gặp ghềnh. Cũng như dòng sông chẳng khi nào một màu nước biếc, phải có khi đục khi trong, khi bên bồi bên lở. Con người ta

trong cuộc đời cũng vậy, đâu chỉ có lúc may mắn, hanh thông; đằng sau vẻ bề ngoài vui cười, còn những điều đâu phải dễ nói ra. Cuộc sống vốn hai mảng sáng tối, những mảnh ghép đa màu. Tôi thương hoa sữa bởi loài hoa không chọn lấy mảng sáng, gam màu nổi bật. Tôi thương hoa bởi hoa biết chọn cho mình những gì thầm lặng, cũng như hương hoa sữa nồng nàn, hoa hiến dâng cho đời khi trời đã thật về khuya...

Nhắc đến hoa sữa, người ta hầu như chỉ nghĩ về hương hoa. Hoa sữa hương ngọt nồng, khó lẫn vào đâu. Nhưng vì hoa nồng quá, thành ra nhiều người không thích. Thôi thì cứ mặc cho chuyện đời đa đoan, lòng người lăm mồm, sao ta không nghĩ về hoa bằng cái nhìn khác đi. Tôi thương hoa sữa bởi hương nồng nàn ngào ngạt. Ở đời có những loài hoa đẹp mà hữu sắc vô hương, lại có những loài hoa thơm mà hương chỉ giữ cho riêng mình. Sao không như hoa sữa, có hương thơm cứ dâng trọn cho đời. Người ta chê hoa ở sự nhiệt tình quá mức, tôi lại thấy ở hoa sự nồng nhiệt, chân thành. Hoa sữa trong tôi chưa bao giờ ích kỷ, chưa một lần hoa nở và tỏa hương cho riêng mình. Ấy là điều ở nhiều loài hoa khác ít khi nào có được.

Đầu hẻm nhà tôi có một cây hoa sữa. Cứ đêm về, hương thơm ngào ngạt lại bay vào cửa sổ phòng tôi. Vẫn nồng nàn, ngào ngạt, ai không vô tình đâu dễ vô tâm. Cũng có khi hương hoa vào thoang thoảng, cho đêm về chút xao xuyến băng khuâng, khiến lòng sức nhớ một mùi tóc thân quen. Tôi biết thương hoa sữa từ dạo ấy... ■



Nguồn: internet

Lớp học “ñac biet”

SONG ANH

Ngay nhận quyết định về công tác tại một nông trại của huyện Phụng Hiệp, tỉnh Cần Thơ (nay thuộc tỉnh Hậu Giang), bao nhiêu hăm hở, phấn chấn trong lòng người lính trẻ mới phục viên như tôi tan biến khi phải ngồi đờ hơn hai giờ mới đến trung tâm xã. Rồi lại phải ngồi xuống chờ đi mấy cây số nữa mới đến cơ quan. Sợ nhất là những con đũa trâu dài ngoằng bơi lổn ngổn trên mặt kênh. Đến nơi mới biết đây là nơi tập trung cải tạo, giáo dục những người nghiện ma túy, gái mại dâm, trẻ em trộm cắp... Nông trại này thuộc diện “năm không”: không điện, không đường, không trường học, không nước sạch, không trạm y tế.

Toàn nông trại có khoảng ba trăm trại viên người lớn và trên hai mươi “trại viên nhí” ở cùng cha mẹ. Mỗi chiều tôi đều xót xa nhìn lũ trẻ la lết với ruộng nương, tay lấm chân bùn một chữ bẻ đôi không biết vì không có phương tiện ra xã theo học, mà có học cũng không có tiền mua sách vở, dụng cụ học tập. Tôi quyết định xin lãnh đạo mở lớp học tình thương tại nông trại. Dù chưa hề qua trường lớp sư phạm nhưng tôi vẫn nằng nặc tình nguyện làm giáo viên “nghịệp dư” của lớp học đặc biệt này. Đặc biệt ở chỗ lớp có đủ lứa tuổi: lớn nhất mười sáu, nhỏ nhất sáu tuổi đều là học sinh lớp một. Thầy trò tôi chọn cái chuồng bò nông trại làm lớp học. Bàng được làm bằng mấy miếng tôn mục nát. Không có bục giảng, không có ghế bàn, kể cả ghế ngồi cho thầy giáo. Vậy là thầy đứng dạy còn học trò vừa bò vừa viết bài trên nền đất. Lũ nhỏ rất mê nghe kể chuyện cổ tích. Tôi thường kể cho chúng nghe những câu chuyện xưa đầy ắp tình yêu thương nhân ái, đạo nghĩa làm người, lòng hiếu thảo... với hy vọng: chúng sẽ thành người lương thiện ở ngày mai. Tôi không có lương giáo viên – vì đâu có ai

bổ nhiệm phân công tôi làm việc này. Lương quản giáo nông trại mỗi tháng, tôi thường trích một phần để mua tập sách cho các em. Thương tôi, lũ nhỏ thường mang tặng thầy khi là khúc mía, củ khoai, lúc thì con tép, con cá. Nghèo nhưng nghĩa thầy trò thật ấm cúng làm sao. Lạ. Tuy rất khó khăn nhưng hầu như em nào cũng học giỏi, sáng dạ, siêng năng, không bỏ lớp một ngày. Có lúc tôi bệnh vì trái gió trở trời các em đến thăm chập phòng, đôi mắt đứa nào cũng rưng rưng ngăn lệ.

Tôi được trên điều động về tỉnh. Ngày bơi xuống tiễn tôi ra xã, các em khóc nức nở khiến tôi cũng không kìm được nước mắt của một người đàn ông. Tôi như có lỗi vô cùng với chúng, những đứa trẻ đang rất thiết thòi, thiếu thốn. Mười hai tháng không nhiều nhưng cũng đã giúp chúng biết đánh vần, làm toán. Rồi đời chúng sẽ ra sao? Giá như... tôi còn ở lại.

Sau đó tôi nhận được khá nhiều thư thăm hỏi với nét chữ nguệch ngoạc đầy lỗi chính tả nhưng với tôi là tài sản vô giá. Mấy năm sau nghe nói nông trại đã dời về điểm mới. Tôi không có dịp về lại chốn xưa thăm “học trò cũ”. Lại mấy mươi năm đi qua. Tóc tôi giờ đã bạc nhiều. Những em học trò ngày xưa lớn lên từng ngày. Chắc các em lại đang mưu sinh giữa xã hội đầy bon chen căm dỗ. Không biết các em có còn nhớ đến tôi, nhớ đến lớp học “đặc biệt” giữa chuồng bò mà các em đã một thời theo học. Còn tôi giờ đây mỗi lần nghe báo đài thông tin những vụ ấu dâm, trộm cướp, quan hệ tình dục, tự tử, bỏ nhà đi hoang... của những học sinh ăn ngon, mặc đẹp, con em của những gia đình giàu có, lòng tôi lại xót xang bất nhẫn vô cùng. Mỗi lần nhìn thấy những ngôi trường khang trang bề thế đầy đủ tiện nghi, lòng lại bùi ngùi nhớ về lũ học trò chơ vơ chất quê mùa giữa mệnh mông sông nước. ■



Văn hóa Phật giáo về các tỉnh phía Bắc

Bài & ảnh: VĂN QUẢNG TÂM

Ra khỏi đồng bằng Bắc Bộ về phía Bắc là những tiểu vùng văn hóa đặc sắc, có cả vùng đất phát tích của người Việt bên cạnh những địa bàn sinh sống của nhiều tộc người vẫn từ lâu gần bó với dân tộc Việt Nam trong quá trình dựng nước và giữ nước. Cư dân nơi đó cũng có nhu cầu tín ngưỡng và tôn giáo cần được đáp ứng. Phật giáo cũng từng có mặt ở các tiểu vùng văn hóa này; nhưng do đặc điểm đa sắc tộc đa văn hóa của khu vực, nơi đây văn hóa Phật giáo chỉ chiếm một vị trí khiêm tốn trong sinh hoạt tinh thần của dân chúng. Từ nhận thức về nhu cầu phát triển văn hóa Phật giáo lên các tỉnh phía Bắc, nhân dịp ra mắt Ban Văn hóa Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam nhiệm kỳ VII, các vị lãnh đạo Ban đã tổ chức một chuyến công tác về các tỉnh phía Bắc trong thời gian từ ngày 4 đến ngày 6 tháng 12 năm 2013. Đoàn do Hòa thượng Thích Trung Hậu, Trưởng ban, dẫn đầu. Cùng đi có các vị Phó Trưởng ban là các

Hòa thượng Thích Hải Ấn, Thích Quang Nhuận, Thích Phước Toàn. Ngoài ra còn có đông đảo các vị Thượng tọa, Đại đức và chư Tăng Ni, Phật tử thập tùng.

Rời Hà Nội sáng ngày 4/12 trong tiết trời se lạnh mặc dù có nắng vàng vương nhẹ, đoàn công tác Ban Văn hóa Phật giáo Trung ương vượt đường cao tốc Thăng Long, rẽ về phía Sơn Tây, rồi vượt qua sông Lô để tiến vào địa phận tỉnh Phú Thọ. Nơi đây là vùng đất tổ của người Việt, vua Hùng đã dựng nên nhà nước Văn Lang, nhà nước đầu tiên của người Việt, đóng đô tại Phong Châu, nay là chung quanh thành phố Việt Trì, nơi dừng chân đầu tiên của đoàn công tác. Tại chùa Bảo Ngạn, BTS GHPGVN tỉnh cùng chư Tăng Ni và Phật tử trong tỉnh đã tổ chức tiếp đón đoàn một cách trọng thể. Trong buổi tiếp, Đại đức Thích Minh Thuận, Phó Thường trực của BTS Giáo hội tỉnh đã báo cáo về tình hình hoạt động của Phật giáo trong tỉnh. Theo đó, toàn tỉnh Phú Thọ hiện có 68 vị Tăng và 43 vị Ni với 85 ngàn

Phật tử đang tham gia mọi sinh hoạt Phật sự; trong khi đó, toàn tỉnh có tới 308 ngôi chùa với 10 ngôi chùa đã được xếp hạng là di tích quốc gia. Về phương diện chuyên môn, Ban Văn hóa Phật giáo tỉnh mới bắt đầu hoạt động trong nhiệm kỳ đầu, chưa có kinh nghiệm nên rất cần được sự hỗ trợ. Sau những trao đổi thân tình và đẩy đạo vị, đoàn tiếp tục lên đường để đến Yên Bái. Đây cũng là một điểm sinh tụ của người Việt cổ sống xen lẫn chan hòa với những dân tộc bản địa. Đoàn công tác tiếp xúc với BTS Phật giáo tỉnh tại từng lâm Ngọc Am, một ngôi chùa cũng đã có lịch sử trên một trăm năm. Trong buổi tiếp xúc, Đại đức Thích Minh Huy cho biết toàn tỉnh có 6 ngôi chùa đang hoạt động và 32 ngôi chùa đã xuống cấp, việc lập hồ sơ xin phép tái hoạt động và trùng tu tôn tạo đang được tiến hành. Về mặt nhân sự, toàn tỉnh Yên Bái cũng chỉ có 3 vị Tăng và 4 vị Ni phụ trách hướng dẫn tu học cho khoảng 27 ngàn Phật tử có sinh hoạt thường xuyên và khoảng 32 ngàn Phật tử sinh hoạt không thường xuyên. Hiện cũng mới chỉ có một BTS Phật giáo cấp huyện đang hoạt động. Trong buổi tiếp, các vị lãnh đạo Ban VHPG Trung ương đã có những chia sẻ về hoạt động văn hóa Phật giáo, đặc biệt là vấn đề biên soạn tư liệu lịch sử Phật giáo địa phương để tiến đến việc kiện toàn một bộ tư liệu lịch sử về Phật giáo.

Sáng ngày 5/12, đoàn công tác Ban VHPG Trung ương rời Yên Bái để đến Tuyên Quang. Vùng này vốn thuộc xứ Thái nhưng từ thế kỷ thứ XIII đã chấp nhận quyền lực của triều đình Việt Nam dưới thời nhà Trần. Tuyên Quang cũng là nơi có nhiều di tích lịch sử. Đoàn công tác đến và làm việc tại chùa An Vinh, một ngôi chùa đã được khởi dựng từ đầu thế kỷ XVIII dưới thời vua Lê Dụ Tông. Đại đức Thích Thanh Phúc là Phó Trưởng BTS Giáo hội tỉnh cùng chư Tăng Ni tiếp đoàn cũng nêu rõ những khó khăn trong việc đẩy mạnh hoạt động Phật sự ở một địa bàn đa văn hóa, đa sắc tộc này. Tuyên Quang có khá nhiều chùa cổ, có những ngôi như chùa Hương Nghiêm thường gọi là chùa Hang được xây dựng từ giữa thế kỷ XVI, và gần đây Tuyên Quang cũng đã phục dựng một số hoạt động mang tính cách văn hóa; nhưng nói chung, trong điều kiện nhân sự mỏng, địa bàn sơn cước phức tạp, BTS GHPGVN tỉnh Tuyên Quang cũng cần được Trung ương hỗ trợ nhiều. Chia tay với chư tôn đức Tăng Ni và Phật tử Tuyên Quang, đoàn công tác tiếp tục lên đường, theo Quốc lộ 37 để đến Thái Nguyên. Nằm ở phía Đông bắc thủ đô Hà Nội, Thái Nguyên cũng là một địa bàn của người Việt cổ và cũng có người cho rằng đây là quê hương của Lý Nam Đế, nơi ông đã tu học ở một ngôi chùa gọi là chùa Hương Ấp trước khi dấy binh đánh đuổi quân nhà Lương lập nên nước Vạn Xuân. Đoàn đến chùa Phù Lỗ, một ngôi chùa lớn đã được xây dựng từ thời nhà Lý, hiện nay là Trụ sở của BTS Phật giáo tỉnh Thái Nguyên và được Đại đức Thích Đạo Quảng, Chánh Thư ký BTS đón tiếp. Cũng như những địa phương khác, tỉnh



Thái Nguyên cũng có thành phần nhân sự thiếu thốn; BTS tỉnh chỉ phụ trách 20 vị Tăng Ni đang tu hành và làm Phật sự trong khi toàn tỉnh có tới 186 ngôi chùa, nhiều ngôi chùa mang đậm nét kiến trúc truyền thống chùa miền Bắc.

Sáng ngày 6/12, đoàn công tác chia tay với Tăng Ni và Phật tử Thái Nguyên để đi Hòa Bình. Là tỉnh cực Nam của tiểu vùng Tây Bắc, Hòa Bình chỉ cách trung tâm thủ đô Hà Nội 73km. Đây được coi là thủ phủ của người Mường vì ở địa bàn này người Việt không chiếm đa số mà sống xen kẽ chan hòa với người Mường, người Thái, người Dao, người Tày. Đoàn công tác đến tại chùa Hòa Bình Phật Quang tự, một ngôi chùa mới xây dựng trên đồi Ba Vành ở bờ trái hồ thủy điện Hòa Bình, thuộc địa bàn phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình và được Đại đức Thích Đức Nguyên, Trưởng ban Trị sự Phật giáo tỉnh Hòa Bình cùng chư Tăng Ni và Phật tử đón tiếp rất nồng nhiệt. Theo báo cáo của Ban Trị sự Phật giáo tỉnh thì Hòa Bình cũng có một hệ thống chùa chiền và di tích khá phong phú, qua nghiên cứu, biết rằng có những ngôi chùa đã được xây dựng từ thời Lý, nhưng hầu hết đều đã xuống cấp trầm trọng. Hoạt động Phật sự trong tỉnh nói chung còn nhiều hạn chế vì toàn tỉnh chỉ có 5 vị Tăng và chưa có Ni.

Trên đường trở lại thủ đô Hà Nội, đoàn công tác đã đến thăm chùa Bửu, còn gọi là chùa Thiên Bảo, một ngôi chùa cổ ở phường Hai Bà Trưng, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Đoàn được Đại đức Thích Thanh Vũ là Trưởng ban Văn hóa GHPGVN tỉnh Hà Nam đón tiếp và báo cáo về hoạt động văn hóa của Phật giáo tỉnh Hà Nam.

Qua chuyến công tác, Ban Văn hóa Phật giáo Trung ương GHPGVN đã để lại một dấu ấn tin tưởng cho các nơi mà đoàn đã đến thuộc các tỉnh phía Bắc thủ đô Hà Nội. Hy vọng rằng Ban sẽ tiếp tục những hoạt động thiết thực để vực dậy hoạt động Phật sự và phong trào hoằng pháp ở những nơi có nhiều khó khăn trên. ■

Ngũ sắc Huê

PHAN NHƯ

Xanh đỏ tím vàng
Giấy xưa năm sắc Thanh Tiên
Mẹ gói thúng gói ngày gói bánh phoi đông
Sân nhà chia ô nắng nhạt
Ở bên trời đã nghe mùi lúa nếp
Bôn ba chỉ con cũng về thăm
Tết

Đông Tây Nam Bắc
Đi đâu cũng một chân trời
Tìm chi tìm chi... ai biết?
Có khi lêu bêu mưa gió xứ người
Tôi thấy thẳng tôi rớt bóng via hè
Cúi mình đưa tay mà không muốn
Nhặt

Bình xanh chén đồ
Vui đâu cụng đồ leng keng
Ừ thì cho hết nỗi buồn
Nỗi buồn có đâu mà uống hết?
Chỉ có đêm về ngồi nhìn ngó thân-tâm, chao ôi
Mệt

Xuân Hạ Thu Đông
Rồi đã đến lúc xách dép trở về
Chân trần đấtбет
Đầu ngõ đã gọi thăm
Xanh đỏ tím vàng
Hiên nhà đâu rồi giấy hoa ngũ sắc
Mẹ ơi
Không mẹ ai làm bánh in cúng
Phật?

Khúc quê

NGUYỄN NHẢ TIÊN

Em va gàu vào giếng khuya gọi ngàn đêm thức giấc
bếp lửa thức xa xôi rực đỏ một góc trời
ngọn gió thức ngoài đường chấp chùng cung bậc
trừ tịch thức gọi người đủ mặt lúa đôi

Đập vỡ thời gian hoa lửa rơi rơi
mọi ẩn nấp xô bật tường rêu nhú lờn cỏ biếc
bác se se ngập ngừng ngoài sân đợi Tết
nước tràn mái, tràn thùng, em gánh tiếp niềm tin (*)

Giếng ngời ngời gương mặt của đêm
đêm cháy sáng
đêm giữ mình bóng tối
những cát bụi không còn nơi ẩn trốn
hạnh phúc từ ngực người nhuộm thắm cỏ hoa

Cả ngàn nhà, nước từ giếng chia ra
cười nói dội vang vang hồi âm của đất
có một thiên đường đêm ba mươi rất thật
trừ tịch chia đều mọi ngõ trầm hương

Khói bay trong nhà, khói bay hàng hiên
về em nhé
giao thừa đang điểm
có tiếng gàu ai bỏ quên ngoài giếng
chạm vào tôi ngân mãi khúc quê mùa.

Đêm xuân cao nguyên

LÊ HÒA

Đêm cao nguyên tiếng tù và khai hội
Hoa cà phê nở bùng trong hơi ẩm bazan
Mai anh đào nhuộm hồng sườn dốc
Trái thông non say gió ngủ trên cành

Kìa thuyền trắng chờ mùa xuân vượt núi
Về Bồng Lai rải mặt những nương chè
Mây luênh loang tràn về lòng suối
Phía Đa Nhím lúu rúu tiếng hẹn thề

Gái Chu Ru nắm chặt tay trai Mạ
Mắt lung liêng lão đảo tiếng chiêng đồng
Vít càn lên lửa cùng hoa vào nhịp
Đêm cao nguyên xuân thức gọi mặt trời

Thương nắng vào đông

TRÀ KIM LONG

Sáng nay trời nắng mây xanh
Mấy con chim hót trên cành lú lo
Lối vào xóm nhỏ quanh co
Tiếng người hàng xóm chuyện trò râm ran.

Ngồi trong cửa sổ nhìn sang
Vườn cây đọng lá khê khàng gió đưa
Lung linh mấy giọt nước thừa
Dư âm rót lại trận mưa đêm rồi.

Lần tay đếm thử tuổi đời
Mới hay đã thuộc vào thời lão nhiêu
Ngọt ngào cay đắng cũng nhiều
Chưa quên hết được những điều ước mơ.

Hình như nơi cuối phương chờ
Cũng đang nắng trải đường tơ dịu dàng
Tiết trời vừa độ đông sang
Nhìn thương chút nắng muộn màng mới lên.

Ghi âm của gió

LA TRUNG

Xin tròn nhau một nụ cười
Đã từng lấp ló đôi lời thị phi
Dắt lòng qua ngõ trần khi
Con tim bắt nhịp lương tri để dành

Khi tình cuộc với mong manh
Biết em có ủ giắc lạnh trong tim
Lời yêu vọng mấy nẻo tìm
Thấp câu lục bát đợi em có về

Xông tình bay hết lời mê
Còn trong con nhớ ngõ quê một mình
Bấm tay mấy ngón mà kinh
Rõ lòng mới biết thông minh cũng thừa

Thì thôi đá cuội em nờ
Đừng đem lý lẽ ra ngờ gió trắng
Mấy ai giữ được thăng bằng
Mà chưa qua cuộc nhỏ nhằng cõi người

Và tôi vẫn hát bên đời
Câu thơ tự phổ nhạc người tài hoa
Gió ghi âm cuộc đang là...
Mang đi khắp ngõ ta-bà chơi xuân.

Xuân cảm

VĨNH HIỀN

Theo chiều sương lạnh trắng non cao
Phố quận chông chênh vạt nắng chao
Đôi gió xanh đưa chân lạc lối
Chạnh lòng cô lữ giấc xuân nào?

HỘI XUÂN

Dòng xuân chen nở quện hương xuân
Trùng điệp muôn hoa nở sắc tân
Qua phố dập dìu chiều thị tứ
Giọng cười tổ nữ trong vô ngần.

XUÂN MUỘN

Bờ tre động gió tiếng chiều xa
Khói bếp lừng lơ luyến mái nhà
Bìm bịp kêu sương ngoài bãi vắng
Bên thêm xuân muộn lắng lòng ta.

XUÂN HÒA

Bước xuống thêm đêm xuân rộn hương
Cành hoa vừa nở óng chân sương
Lò trầm nghi ngút trong nhà vắng
Châm chậm giao thừa mở cửa vườn.

HỘI NGỘ XUÂN

Cúc trắng quanh thêm rực nắng xuân
Sắc thêu vườn thắm nụ trinh tân
Mười năm ly biệt chùng như ngắn
Hương Tết say tình vui cổ nhân.

Xuân biếc

LÊ NGHỊ

Đi viễn du đã trở về
Mùa xuân vẫn biếc bên hè nhà xưa
Một chòm sao nhỏ lưa thưa
Thêng thang gió thoảng trắng vừa ngọn cau
Kìa em, lòng lục đồi màu
Ta lên thiên cổ tìm câu VÔ TÌNH.



NGƯỜI CÙNG

PHỐ

NGUYỄN TRỌNG HOẠT



Ông tên Phú nhưng nghèo. Nguồn sống của năm người trong gia đình chỉ trông vào tập vé số và chồng báo ông bán mỗi ngày cùng với gánh rau của vợ ông nơi chợ xép. Sáng sáng, người lớn đi làm, lũ trẻ đi học, ông lại nhúc nhích cái chân thương tật đến các hàng ăn, các quán cà-phê chìa tập vé số và chồng báo mới ra. Mỏng khả năng tiếp thị nhưng ông thừa đức kiên trì; đáp lại những cái xua tay, lắc đầu hoặc lời cộc lốc “không”, ông chỉ cười cười nhằm lấy lòng người đối thoại, về cam chịu. Nói chung ông hiền, trừ khi mất cấp.

Nhà ở ngoại ô, vườn rộng nên ông Phú nuôi nhiều gà. Vườn rào kín như mất lưới nhưng thỉnh thoảng vẫn bị mất trộm gà. Cả mấy con chó của ông, cứ to đến tầm mang được bi-đông rượu thì lại bị thằng mất dạy nào đó câu mất. Thế là ông chửi, chửi giữa trời nhưng ác liệt. Nói đại, nếu thi chửi, ông rinh giải cao là cái chắc. Cứ như lời ông, đứa ăn trộm mạt vận nào bị ông tóm được coi như tiêu đời, chí ít cũng thành phế nhân. Nhưng khổ, kẻ trộm đầu chẳng thấy chỉ có bà con cùng phố lãnh đủ. Mỗi khi ông Phú “mở đài” “tăng âm”, bọn trẻ trong phố thích lắm. Chúng háo hức xúm lại trước ngõ nhà ông, tròn mắt, đông tai đón những lời

không thấy cô, sách vở nào dạy. Người lớn thì dồn mắt về phía nhà Đại, có ý chờ anh lên tiếng.

Là tổ trưởng dân phòng, lại chung bờ rào với ông Phú, Đại không thể ngoảnh mặt làm lơ trước cảnh huyền ảo. Nhiều lần ông nghe lời anh. Nhưng hôm ông mất chiếc quần jean vừa sắm cho con mặc Tết, khi Đại lên tiếng can ngăn, ông đập luôn: “Cả cái tổ dân phòng của ông cũng phải xét lại. Tháng tháng tôi nộp quỹ an ninh để các ông bảo vệ dân; bảo vệ mà thế này à?!” Không thể hơn thua với người đã bị “bà hỏa” nhập, Đại im.

Người thứ hai nổi tiếng trong phố là Tiến, giám đốc công ty Tiến Thành. Nhưng sự nổi tiếng của ông giám đốc khiến người ta nể phục chứ không đem lại bức dọc như ông bán báo kia. “Được góp phần đem lại nụ cười cho những cảnh đời khốn khó là niềm hạnh phúc của đời tôi”. Đúng như lời Tiến trên ti-vi, làm việc thiện như là lẽ sống của anh. Giúp trẻ em lang thang cơ nhỡ, ủng hộ đồng bào bị bão lụt, làm nhà tình nghĩa... đài báo nhiều lần giới thiệu về anh với những việc làm đáng trân trọng như thế. Thấy anh trong chương trình quảng cáo trên ti-vi, lũ nhỏ trong phố lại kéo tay người lớn chỉ rồi reo lên: “Chú Tiến kia!”.

Người cùng phố quý Tiến và anh thì chan hòa với mọi người. Duy có ông Phú cùng những trận võ mồm dành cho kẻ trộm của ông làm Tiến khó chịu. “Phạt cho lão trắng mắt ra”, có lần Tiến nói với Đại, “đưa lão lên công an phường, dũa cho tịt mồm đi”. Đại nói như mếu: “Phạt rồi sau đó cứu trợ hay để con lão đói?!” Nếu sắp xếp sự nghèo khó trong phố này, ông Phú sẽ nhận cái số một chẳng ai muốn giành. Nhưng người này cũng kỳ lắm. Sau trận lụt năm rồi, nhiều đoàn cứu trợ đến tận nhà hỏi thăm thiệt hại để giúp đỡ, ông trả lời tình bơ: “Nước chấm mái tôn nhưng di dời kịp nên chẳng mất chi”. Có lần đang vui, Đại nửa đùa nửa thật: “Bỏ bán vé số đi, chú ra bến xe ga tàu, lật cái nón cời lên, thu nhập cao là cái chắc”. Không ngờ ông nổi giận, chỉ thẳng mặt: “Tôi có chết đói đến quạ tha giò rúc cũng không đi ăn xin đâu nghe!”... Con người cục tính ấy có lần đã khóc, khuôn mặt dúm dỏ, trông thương đến thất lòng.

Chẳng là những tiệc vui, bữa nhậu của các nhà trong phố không bao giờ có ông Phú. Ông có nghìn lẻ một lý do để từ chối những lời mời thật bụng. Hôm làm kỵ cơm cho cha, Đại mời, ông vẫn điệp khúc “cảm ơn” rồi “xin lỗi”... Đại bảo vợ để phần một mâm và chờ. Khi ti-vi qua chương trình dự báo thời tiết, ông lò dò về, Đại chạy ra ngõ túm lấy, lôi vào... Ông ăn dè dặt, chỉ thích cầm ly. Khi nghe Đại trách ông về cái sự hay xa rời bà con cùng phố; ông buông dũa, giọng buồn rầu: “Bà con mời ba, chẳng lẽ mình không mời được một?! Nhưng nhà tôi... như chú biết đấy. Đi hay không đi đều dở... thôi đành chọn một.” Ông ứa nước mắt, lệ nhoe trên gò má nhăn nheo, sạm nắng. Đại ngồi lặng, cổ nghẹn lại.

Kinh khủng hơn nhiều những lần chửi của ông Phú là hôm xe công an rầm rầm tiến vào hẻm phố. Ba chiếc thẳng kít trước ngõ nhà Tiến; năm công an vọt xuống, bước vội vào nhà giám đốc công ty Tiến Thành. lát sau, Tiến đi ra với hai tay nắm gọn trong còng số tám. Trẻ con, người lớn đổ ra đường đứng sững, há hốc. Tiến thản nhiên cười, trước khi bước lên xe còn đưa hai tay lên cao, không biết để chào hay tạ tội với bà con. “Chắc chắn công an nhầm”, những tiếng xầm xì ấy vẳng theo ba chiếc xe đang lạnh lùng lao ra đường lớn. Không phải chờ lâu, nỗi nghi hoặc của mọi người được giải tỏa khi hôm sau các báo đồng loạt đưa những phóng sự điều tra về cách làm ăn của giám đốc công ty Tiến Thành. Theo đó, cái tài của giám đốc Tiến không phải trong kinh doanh mà ở thủ đoạn lừa đảo chiếm đoạt tiền của các ngân hàng. Đã vậy, sao anh ta sẵn lòng làm từ thiện đến thế? “Sự từ tâm của Tiến, những lãng hoa bằng nhựa ấy – một bài báo giải thích – chẳng qua là hình thức quảng cáo, mua niềm tin của người khác”. Sau những bàn tán xôn xao, khu phố lắng lại, nhiều người nhìn nhau lắc đầu, tưởng thế mà không phải thế.

Chuyện giám đốc Tiến bị bắt dường như không khiến ông Phú để tâm; có khác chẳng, mấy ngày qua ông bán báo chạy hơn. Chưa tắt nắng chiều, ông đã bán hết báo và vé số, về nhà với vẻ mặt hơn hờ. Mấy hôm rồi, Đại để ý thấy ông ngồi trước cửa nhìn ra đường, vẻ tập trung căng thẳng. Cơm tối xong, ông ra quán cà-phê Quỳnh ở đầu phố uống nước. Ngồi trong quán nhưng ông luôn ngóng ra đường, vẻ dớn dác, như đang nóng lòng chờ ai. Mãi đến hôm trực ở tổ dân phòng, Đại mới biết căn nguyên biểu hiện lạ ấy của người cùng phố.

Lúc đó tầm mười giờ đêm, Đại chuẩn bị đi tuần thì nghe tiếng la thất thanh từ nhà bà Hạnh: “Trộm, bớ bà con, bắt trộm!”. Tiếng ông Phú! Đại lao tới tiếp ứng... Thằng gian ngồi trên xe Dream vẫn nổ máy, chiếc xe đạp nằm chênh ếch giữa đường, ông Phú bị một đứa cưỡi trần, lưng to như tấm phản đè xuống đất. Điện các nhà đồng loạt bật sáng, người đổ ra đường. Thằng trên xe Dream rồ máy, thoát thân. Đứa dưới đất hoảng sợ trước đám người dày đặc, buông đối thủ, phóng vào đường luống. Nhưng không thoát khỏi tay Đại.

Mấy người diu ông Phú ngồi dậy. Ông thở hổn hển, hai tay xây xước, rỉ máu. Con gái bà Hạnh chạy lại dựng xe đạp lên, thẳng thốt:

- Trời ơi, con để xe trên hiên rồi mà... – Cô bé quay qua phía ông Phú – Sao bác thấy bọn hần vậy, bác Hai?

- Mấy chiều rồi, hai thằng này lượn ra lượn vô thám thính, tôi nghi ngay – Ông Phú chậm rãi – Tôi quyết bắt cho được.

Bà Hạnh lật đật chạy vô nhà lấy bông băng và ô-xy già nhưng ông Phú khoát tay: “Khỏi!”. Ông phủi đất trên quần áo rồi nhúc nhích đi về nhà mình, để lại phía sau những ánh nhìn trù mến. ■



Thăm di sản - di tích ở Thanh Hóa và Quảng Bình

Bài và ảnh: HOÀNG HẠ

Nằm trong hệ thống di sản thiên nhiên Phong Nha - Kẻ Bàng, động Thiên Đường được người dân phát hiện vào năm 2005. Hai năm sau đó (2007), Hiệp hội Nghiên cứu hang động Hoàng gia Anh đã sang Quảng Bình và tiến hành khảo cứu hang động. Các nhà khảo cổ hang động Anh thực sự kinh ngạc và sửng sốt trước vẻ đẹp kỳ vĩ của hang động này và đến năm 2010, Hiệp hội Nghiên cứu hang động Vương quốc Anh đã quyết định công nhận động Thiên Đường là một hang động đẹp nhất thế giới.

Có hai đường đi đến động Thiên Đường, đó là Quốc lộ 1A và đường Hồ Chí Minh nhánh Tây Trường Sơn. Tôi đi hướng QL 1A đến Đồng Hới theo đường vào khu vực di sản thiên nhiên Phong Nha - Kẻ Bàng. Động Thiên Đường cách Phong Nha - Kẻ Bàng khoảng 35km và cách nhánh Tây Trường Sơn 5km. Thăm động Thiên Đường, bạn phải dành ra thời gian mất một ngày, nếu buổi sáng khởi hành từ Huế. Vé vào cổng 150.000VNĐ/người. Chúng tôi được xe điện chở vào tận chân núi. Từ đây mất khoảng ba mươi phút để đi theo con đường

vòng vèo lên trên núi, nơi có cửa hang động. Vừa mới đến cửa hang, tôi đã cảm nhận luồng không khí mát lạnh từ dưới hang hắt lên. Với sự đầu tư của tỉnh Quảng Bình, đường đi xuống hang được thiết kế theo lối cầu thang gỗ vững chắc, có đèn chiếu sáng dọc lối đi. Càng đi xuống, cảm nhận không khí mát lạnh càng tăng lên với nhiệt độ từ 18-20 độ C. Và thật đúng với tên gọi Thiên Đường, những thạch nhũ, tượng đá có màu sắc long lanh, kỳ ảo hiện ra tứ phía. Nhiều thạch nhũ có hình thù kì lạ và lấp lánh như có dát kim cương. Xuống đến đáy hang động, nhìn ngược lên trần là cả một bầu trời màu sắc, long lanh và như lạc vào chốn bồng lai. Từ vị trí đáy hang nơi tôi đứng cho đến trần hang nơi cao nhất ngoài 100m, chiều rộng của hang từ 30m-100m và chiều dài của hang được Hiệp hội hang động Anh đánh giá là hang động dài nhất thế giới với 31,4km, nhưng chỉ mới khai thác bước đầu trên 2km.

Như đã nói, trong lòng hang Thiên Đường, suốt từ cổng vào hang cho đến xuống tới đáy hang đều có đèn chiếu sáng nhưng không soi rõ nơi mà ánh sáng không thâm nhập được bóng tối. Vì vậy, nếu bạn mang theo



máy ảnh compact thì chỉ chụp rõ người trong phạm vi 3m mà không thấy rõ phòng đá và thạch nhũ vốn rất đẹp. Nên sử dụng máy ảnh chuyên nghiệp DSLR có đèn flash trợ lực thì mới có thể cho ra những tấm ảnh chân thật. Trong lòng động cũng có đội ngũ chụp ảnh lưu động lấy liền, họ có những kỹ thuật chụp bằng máy chuyên nghiệp cho ra những tấm ảnh khá đẹp, mỗi tấm ảnh nhận tại cổng vào động là 25.000 VNĐ.

Chiều xuống nhanh, tôi rời động Thiên Đường quay về nghỉ tại Nga Sơn (Thanh Hóa) để sáng hôm sau thăm hang Từ Thúc và đền thờ Mai An Tiêm, những di tích nổi tiếng của đất Thanh Hóa.

Hang Từ Thúc thuộc huyện Nga Sơn. Giống như Bình Định có rượu Bầu Đá, Bình Chánh có rượu Gò Đen, Trà Vinh có rượu Xuân Thạnh..., loại rượu nếp Nga Sơn nồng độ từ 45-50 độ, uống vào tới đầu nghe nóng tới đó. Trước khi vào hang Từ Thúc, chúng tôi thuê mỗi người một đôi dép nhựa, một đèn pin vì trong hang rất tối, trơn trượt và nhiều nước. Trước cổng vào hang có một tấm bia chữ Hán bằng đá cẩm thạch, đi thêm chút nữa có bàn thờ Từ Thúc. Càng vào sâu, có những đoạn phải chui lòn qua các nhũ đá và lội qua những trũng nước sâu đến đầu gối. Hang có nhiều thạch nhũ đẹp và những tảng đá hình thù kì dị. Tôi cảm giác hang động thật âm u và lạnh lẽo, có lẽ do ít người ghé thăm. Đá ướt, trơn trượt và không khí ẩm ướt khiến chúng tôi không thể ở lâu trong hang. Theo truyền thuyết, Từ Thúc là vị quan thanh liêm, gặt và cưới nàng Giáng Hương con của Thiên Đình. Sau một thời gian sống nơi bồng lai tiên cảnh, Từ Thúc trở lại trần thế. Một ngày ở cõi tiên bằng trăm năm ở hạ giới, Từ Thúc về thế gian thấy cảnh vật đã thay đổi nên bỏ đi biệt tích. Cho nên người ta gọi hang Từ Thúc là động Bích Đào, nơi Từ Thúc gặp gỡ Giáng Hương.

Sau khi gửi ít quà cho ông từ giữ hang động, chúng tôi rời khu di tích để đến đền thờ Mai An Tiêm, cũng thuộc huyện Nga Sơn (xã Nga Phú), cách hang Từ Thúc khoảng 4km. Đền thờ Mai An Tiêm nằm tựa vào chân núi, có kiến trúc giản dị theo kiểu đền, đình Bắc Bộ. Đền có gian chính thờ Mai An Tiêm, đây là nhân vật lịch sử, sản sinh ra trái dưa hấu và cũng là quan lại thời Hùng Vương thứ 6. Do bị ghen ghét, ông đã bị vua đày ra đảo hoang. Tại đây Mai An Tiêm đã ăn một phần của một loại trái mà quạ đã ăn để rơi rớt. Thấy quả ăn ngon ngọt, giải khát nên Mai An Tiêm đã lấy hạt gieo trồng và quả dưa hấu đã xuất hiện cho đến ngày nay.

Đền thờ Mai An Tiêm nằm trên một khoảng đất rộng, phong cảnh núi và cây khá đẹp nhưng vắng vẻ. Lúc tôi đến thì thấy những người giữ đền đang đếm tiền từ thùng phước sương, toàn là tiền lẻ mệnh giá 500đ, 1.000đ, 2.000đ nhưng rất ít. Điều này cho thấy khách đến thăm không nhiều, còn những người tại địa phương thì đa số là nông dân nghèo. Đền Mai An Tiêm dù đã được công nhận là di tích văn hóa cấp tỉnh nhưng không nằm trong các tour du lịch và không nằm trên trục đường chính mà ở vị trí khá hẻo lánh; nên cũng như hang Từ Thúc, ít người đến tham quan. Tuy vậy, hằng năm cơ quan địa phương và nhân dân đều tổ chức Lễ hội Mai An Tiêm từ ngày 12 đến ngày 15/3 âm lịch.

Từ mặt tiền đền, tôi nhìn ra phía cổng tứ trụ truyền thống, chợt bồi hồi liên tưởng đến các bậc tiền nhân và thật may mắn đến với thế hệ chúng tôi là còn được đặt chân đến những điểm di tích này, nơi những bậc cha ông một thời đã tạo ra những truyền thuyết như những bức chân dung lịch sử soi rọi từ đời này sang đời khác. Đó là dấu tích một thời nói lên tính khai phá của thời kỳ các vua Hùng dựng nước Văn Lang trên dải đất Thăng Long xưa. ■



Ảnh: Giang Phong

"Miền đất lạ"

qua nghệ thuật nhiếp ảnh

TRỊNH CHU

80 bức ảnh về những thánh tích Phật giáo linh thiêng, những đỉnh núi quanh năm tuyết phủ, những miền thảo nguyên xanh rờn, những ngôi làng hẻo lánh cùng những ngôi đền cổ kính và cả những tập quán văn hóa đậm chất huyền bí của những cư dân sống dưới chân dãy núi Hy-mã-lạp hùng vĩ... vừa được hai nghệ sĩ nhiếp ảnh Nguyễn Văn Thương và Giang Phong giới thiệu tại Hội quán Cà-phê Ngộ, số 54/11 Bế Văn Đàn, phường B'Lao, TP. Bảo Lộc. Triển lãm ảnh mang tên "Miền đất lạ".

Nhà nhiếp ảnh Giang Phong, nguyên phóng viên Báo Giác Ngộ, cho biết: "Sau khi đoạt giải cuộc thi ảnh Cùng Samsung Galaxy Camera kết nối văn hóa - khám phá thế giới, chúng tôi đến Tây Tạng bằng tàu hỏa, hành trình dài gần 2.000 cây số, phải băng qua nhiều thảo nguyên có độ cao vài nghìn mét, rất nguy hiểm. Nhưng bù lại, chúng tôi được chiêm ngưỡng nhiều phong cảnh tuyệt đẹp. Đó quả là bản hòa tấu tuyệt vời giữa công sức con người và thiên nhiên kỳ vĩ".

"Miền đất lạ" là những câu chuyện được hai nhà nhiếp ảnh Nguyễn Văn Thương và Giang Phong viết bằng hình ảnh về các địa danh trên đất nước Ấn Độ, Nepal, Bhutan và Tây Tạng. Nếu Nguyễn Văn Thương chú tâm ghi lại những khoảnh khắc đẹp trong sinh hoạt đời thường của cư dân bản địa, thì Giang Phong lại thiên về góc nhìn đậm chất tâm linh nơi xứ sở yên bình, sơ khai và thuần khiết. Qua những bức ảnh ghi lại của hai tác giả, người xem thấy rõ dấu ấn Phật giáo đậm đặc trên khắp đất nước Bhutan, từ phục trang, tín ngưỡng, kiến trúc đến sinh hoạt đều điển hình chất Tây Tạng thần bí.

Nhà nhiếp ảnh Hoàng Thạch Vân đến từ TP.HCM cho rằng: "Các bức ảnh mang đến một cảm xúc mới về vùng đất cũng như con người và những nét văn hóa độc đáo của cư dân vùng cao, nơi có dãy Hy Mã Lạp Sơn ngự trị. Nepal, Bhutan và Tây Tạng là cái nôi của nền Phật giáo thế giới, một vùng đất đa sắc tộc, đa tôn giáo. Đối với nhiều người Việt, miền đất này còn rất lạ, vì ít có điều kiện tham quan. Và lại, nếu muốn tham quan cũng không phải dễ, vì đất nước Bhutan rất hạn chế số

khách du lịch. Về kỹ thuật nhiếp ảnh, các bức ảnh đều có góc nhìn mới, cảm xúc mạnh. Tuy nói đến miền đất lạ, nhưng hai tác giả đã cố gắng dung công để có cái nhìn gắn kết giữa văn hóa Việt và văn hóa nước bạn. Mỗi một bức ảnh là một tác phẩm nghệ thuật được chăm chút khá công phu, kỹ lưỡng và chọn lọc".

Nữ nghệ sĩ nhiếp ảnh Đào Hoa Nữ, Ủy viên Ban Chấp hành Hội Nghệ sĩ Nhiếp ảnh Việt Nam, chia sẻ: "Mặc dù chưa xem hết tất cả những bức ảnh được trưng bày tại đây, nhưng tôi đã có cảm giác bị ngợp thở. Không gian, khung cảnh và các bức ảnh đều rất đẹp". Ông Lê Xuân Thắng, Phó Chủ tịch Hội Nghệ sĩ Nhiếp ảnh Việt Nam, thì cho rằng: "Những năm qua, các nhiếp ảnh gia ở Bảo Lộc đã chinh phục được nhiều giải thưởng quốc tế, chứng tỏ nghệ thuật nhiếp ảnh của Bảo Lộc đã vượt ra khỏi tầm khu vực". Đại đức Thích Đồng Đức góp ý thêm: "Hai tác giả đã có sự trải nghiệm về những nơi lưu dấu Đức Phật, như: Nơi Đức Phật hạ sinh ở Lâm-tỳ-ni, nơi Đức Phật thành đạo dưới cây bồ-đề, nơi ngài chuyển pháp luân ở vườn Nai, nơi ngài nhập Niết-bàn tại Câu-thi-na. Bốn địa danh ấy gọi là Tứ động tâm, nơi mà những người con Phật ai cũng ao ước một lần trong đời được đặt chân đến. Tùy theo cung bậc cảm nhận của mỗi người sẽ hình thành nơi tâm linh mà hướng về để chiêm bái và dâng lễ. Hy vọng triển lãm sẽ thổi một làn gió mới vào nền văn học nghệ thuật và tâm linh của tỉnh Lâm Đồng nói chung và của TP.Bảo Lộc nói riêng".

Bên cạnh những bức ảnh được giới thiệu tại triển lãm, còn có bộ sưu tập hơn 100 chiếc máy ảnh xưa, đủ dòng thương hiệu của thành viên Câu lạc bộ UNESCO Sưu tầm cổ vật Lâm Đồng - Đoàn Tám.

"Miền đất lạ" qua nghệ thuật nhiếp ảnh của Giang Phong và Nguyễn Văn Thương quả là những vùng đất lạ, những vùng đất không dễ đến và càng không dễ trở lại. Có lẽ chính điều này đã tạo nên sự kỳ bí muôn đời và càng thôi thúc sự khám phá về miền đất lạ, nơi mà con sông Hằng hàng triệu năm nay vẫn cất giấu bao điều bí ẩn, chở che, bao bọc những câu chuyện kỳ bí về một thế giới biệt lập của thần linh cùng những người dân sùng tín và những ngôi đền kỳ lạ chìm sâu trong dãy núi Hy-mã-lạp. ■

Xuân thì

bài tình ca của mùa xuân vô sinh bất diệt

NGUYỄN GIANG

Hàng năm, theo tiết trời rộn rã vào xuân, biết bao nhạc khúc ca ngợi mùa xuân vang lên trên khắp tinh cầu; và trong tâm thức rộn ràng của đất trời, của lòng người, thì với tôi, bài *Xuân thì* của Phạm Duy là cung bậc lưu lại, vang vọng mãi từ độ biết yêu cái đẹp, biết rung động trước vẻ thiện chân và mỹ cảm chứa trong lời ca của bài hát ấy.

Bài hát được viết theo nhịp $\frac{3}{4}$ trên điệu nhạc luân vũ diu dặt rất Tây phương, nhưng hòa vào lời hát thì nghe ra lại thuần nét Á Đông mà cụ thể hơn là hoàn toàn Việt Nam.

Tình xuân chớm nở đêm qua

Khi mùa chinh chiến đã lui ra ngoài đời.

Mở đầu, tác giả đã vẽ nên một mùa xuân trong tâm thức của con người trước tiết xuân của đất trời. Khi vọng niệm, khi những tình chấp đã qua đi, đã vắng bật, thì mùa xuân đã khơi dậy trong bản tâm nhất như của con người – một mùa xuân miên viễn, yêu thương bất tận.

Ngày xuân con én đưa thoi

Có người nhớ tới những lời yêu mến nhau.

Nói rộng hơn, khi không còn tình chấp, con người đạt đến một tâm xuân nguyên vẹn không còn phân biệt đối đãi. Những khái niệm thiện ác cũng vắng bật để rồi từ đó mọi âm thanh của cuộc sống đều trở nên trọn vẹn dạt dào với lòng người.

Xa xa có tiếng kinh cầu

Chiều trên dương thế mang sầu mênh mông

Người đi giữa độ xuân nồng

Nhìn nhau bờ ngõ rưng rưng lòng nhớ thương.

Và rồi từ đó, tâm từ bi vẹn nguyên hiển lộ; đủ để yêu người năm trước khiến cho ta giận hờn. Chỉ có ở trạng thái vô ngã mới yêu được người đã làm cho ta hờn giận. Và trong tâm xuân đó, con người trải lòng thương đến cái xấu, cái ác đã bị đẩy lùi trước cái thiện, cái mỹ của bản thể cuộc đời nguyên vẹn.

Và thương cây súng cô đơn

Hoa đào đã nở trên vết mòn bao chiến xa.

Hoa đào – cái đẹp, cái thiện chân – đã thắng vết mòn của sự phân tranh, của lòng sân hận, của mọi đổ kỵ tỵ hiềm.



Đến đây, tâm thức bỗng ngỡ ngàng trước sự diệu kỳ của mùa xuân khai ngộ, nên người bỗng như tự hỏi lòng mình.

Đường đi êm quá! - Có phải giấc mơ đã thành ý thơ.

Nhưng không! Hiện thực đã trả lời bằng những êm đềm của đời sống, của hình ảnh trẻ thơ bú mớm, của tình thương bình dị. Phải chăng đây là hình ảnh mà các thiên sư hay nhắc tới – Anh nhi hạnh, hạnh trẻ thơ hồn nhiên – là nẻo xuân trường cửu của con người đã trót nhọc nhằn với những vọng niệm mang mang.

Trời không mưa gió. Mẹ bế con thơ, con bú say sưa.

Người vẫn còn tự hỏi, mơ chẳng? Không! Đây là sự thật, sự thật đã là xuân. Tâm đã vào xuân, nên xuân đã về khắp chốn... *non Đông... Tây rừng.* Và xuân đã về trên khắp nước Nam với hình ảnh *đàn chim trắng như bông.* Xuân đã về trên những tình trần hiện thực *tay ngà gái trinh.*

Một đóa hoa xuân bừng khai ngộ với người, với vạn vật; và yêu thương đã mở ngõ với mùa xuân miên viễn ấy, mùa xuân của từ bi, của hỷ xả. Nên mới đón nhận tất cả. “Một là tất cả, Tất cả là một”.

Người ôm nhân loại trong mình

Cười tuôn nước mắt cho xuân tình dấy men.

Tác giả đã đi vào mùa xuân miên viễn ấy cũng đã tròn một năm. Nhưng tác phẩm của ông – bài *Xuân thì* bất tận – đã ở lại với mùa xuân và thể nhập vào mùa xuân ấy; trọn vẹn và thuần khiết.

Một lần nữa, xin “chắp tay hoa” để chào đón những giai điệu của mùa xuân, một mùa xuân miên viễn, với lòng cung kính yêu thương. ■



Những nén nhang không tắt

NGUYỄN ĐÔNG NHẬT

Bóng tối của một ngày mùa đông Trung Bộ phủ xuống nhanh. Đoạn đường đất hẹp dẫn đến ngôi mộ cụ Trần Quý Cáp không nhìn rõ được: chân tôi đã hai lần thọc xuống bùn. Gió mạnh, bó nhang phải thấp nhiều lần mới bén. Chúng tôi đứng yên lặng; trong tiếng côn trùng thắc thỏm nghe như có nỗi quan hoài khó tả. Người đã đưa tôi đến đây – người bạn gặp lại sau nhiều năm xa – thực ra cũng không còn sinh sống tại Quảng Nam, nhưng mỗi khi có dịp về lại quê nhà, đều đến những nơi yên nghỉ của các danh nhân chí sĩ đất Quảng, lặng lẽ thắp nén nhang tưởng nhớ. Buổi chiều gần cuối năm này, bạn đã đưa tôi đến viếng mộ các cụ Hoàng Diệu, Phan Thành Tài, Nguyễn Duy Hiệu. Mộ cụ Phan Thành Tài nằm trong xóm nhà dân, gần bến xe Vĩnh Điện ngày xưa, được xây dựng đài hoành, có tường rào biệt lập và có người thường xuyên chăm sóc. Nơi yên nghỉ của cụ Hoàng Diệu trang nghiêm, nhìn ra cánh đồng xanh sung sức, hai bên là mộ của phu nhân ngài. Còn phía trước chỗ nằm của cụ Hoàng Diệu là khoảng sông đầy gió, khoáng đãng. Chính quyền và nhân dân Quảng Nam đã làm những việc cần làm một cách xứng đáng để ghi nhớ công đức tiền nhân.

Mộ của đồng tác giả bài phú Danh sơn lương ngọc, bài phú từng làm nao động cả trường thi Bình Định hồi đầu thế kỷ thứ XX, cũng bẽ thế, từ xa đã nhìn thấy do cao vượt hẳn lên. Chỉ tiếc là đường vào lại quá hẹp, chỉ là một lối mòn len lỏi giữa nhiều ngôi mộ khác. Theo lời người bạn, trước đây gần mười năm, chưa có cảnh “chen chúc” như hiện nay.. Ngôi mộ cụ Trần không có tường rào nên

thiếu nét trang nghiêm cần có cho nơi yên nghỉ của một bậc chí sĩ yêu nước có nhiều công lao trong cuộc Duy Tân lớn vào đầu thế kỷ trước. Trộm nghĩ, điều này vẫn có thể khắc phục, nếu chính quyền địa phương và thân nhân của những ngôi mộ nằm quanh mộ cụ Trần thỏa thuận, di dời mộ theo một sự sắp xếp hợp lý, đài hoành.

Bóng tối đã hoàn toàn trùm xuống khu vực nghĩa trang. Những nén nhang sắp cháy hết lập lòe trong gió lạnh. Tôi chợt thấy mình thật tệ hại khi nhận ra bản thân đã quá vô tư đến mức vô tâm, trong khi nhiều năm qua vẫn cứ ngỡ, mình cũng là người có chút lòng tưởng nhớ đến những bậc tiền nhân: đây là lần đầu tiên tôi đến đứng trước nơi an nghỉ của các ngài. Nơi đây, lúc này, tôi hiểu rằng, cái chết không lấy đi tất cả. Đó chỉ là sự mất đi của một dạng tồn tại để chuyển sang một hình thức sống khác. Và với những con người đã làm xong những việc cần làm trong cuộc đời của họ, không kể là những nhân vật tên tuổi hay chỉ là những người bình thường, tất cả vẫn sẽ còn được lưu giữ trong ký ức của Thời Gian. Đó là Thời-Gian-Không-Mất. Thời gian sẽ lại chiếu thêm ánh sáng vào những gì con người đã làm khi họ còn sống trên đời này. . .

Những cây nhang đã tắt. Tôi cầm tay người bạn. Bàn tay không ấm nhưng vẫn nghe những nhịp máu thấm trôi bên dưới. Bàn tay chúng tôi rồi sẽ rời xa, nhưng phút mong manh này là mãi mãi. Và những cây nhang đã cháy hết kia sẽ lại còn được thắp lên từ tâm tưởng của những thế hệ kế tiếp. Bởi vì, trong cái giá rét của mùa đông đang nứt ra mầm sống của mùa xuân mới theo qui luật tự nhiên của đất trời. ■

Lời cảm ơn cuộc sống

Bà chị của em có một quán hàng bán nước ở khu vực gần Bến xe An Sương thuộc quận 12, TP.HCM. Khách hàng của chị ấy phần lớn là những người buôn chuyến nhỏ hoặc người bán hàng rong. Những ngày rảnh rỗi, em thường đến phụ với chị bán hàng. Nhiều người, nhất là những người bán hàng rong bằng xe đạp, thường ghé vào mua nước sâm do chính chị em nấu rồi đóng sẵn vào vỏ chai nhựa dẻo đựng nước khoáng để mang đi đường. Ở đây, em chứng kiến nhiều cảnh rất cảm động. Có một điều em nhận xét thấy là hầu như người nào cũng sử dụng điện thoại di động. Em đã từng nói chuyện với nhiều chị là khách hàng của chị em. Các chị thường dùng những chiếc điện thoại di động rẻ tiền, chỉ đủ để liên lạc với gia đình; hầu hết họ dùng phương thức trả tiền trước và thường thì trong tài khoản của họ chỉ lưu không quá hai chục ngàn đồng; vì họ chẳng có nhu cầu gì nhiều hơn việc liên lạc trong trường hợp thật cần thiết. Có lần, một chị vừa dùng xe lại trước quán là đã vội vàng gọi điện thoại cho con trai ở nhà, dặn cháu bé tắt đèn bếp mà khi vội đi chị đã quên tắt. Một lần khác, một chị đang trò chuyện gì với bà chị em, cũng vội vàng gọi điện thoại báo con gái nhắc nồi cá kho trên bếp ra ngay kéo khét. Có hôm trời đã chạng vạng, một chị nhận được điện thoại của con hỏi thăm sao chưa về; chị ấy vội trấn an đứa con đang chờ ở nhà. Em cũng hay theo dõi những tiến bộ về điện thoại di động. Em cũng thấy những chiếc điện thoại đắt tiền với quá nhiều tính năng hiện đại mà nhiều khi người sở hữu chúng chẳng bao giờ cần đến những chức năng ấy thì đúng là một món hàng xa xỉ. Nhưng quả thật, sử dụng điện thoại di động như trường hợp của những chị bán hàng rong mà em vẫn tiếp xúc thì điện thoại di động quả là một phương tiện tuyệt vời, giúp con người biết thông tin của nhau trong những lúc thật cần thiết mà nếu không có thì thật vô cùng bất tiện. Xin cảm ơn những người đã góp phần cải thiện các thứ tiện nghi của cuộc sống, trong đó có việc phát minh ra chiếc điện thoại di động.

Trần Thị Phương Chi, quận 12, TP.HCM

Chiều thứ Bảy vừa qua tôi có một chút việc phải đi qua đường Hòa Bình, quận Tân Phú. Con đường trước Công viên Đầm Sen đang được sửa chữa nên ngổn ngang gạch đá và những mảng bê-tông cũ của mặt đường đã được nạy lên. Cả một ngày chạy tới chạy lui trong thành phố, vào lúc chạng vạng ấy, tôi cảm thấy có hơi choáng váng; tay lái xe không vững. Đang đi chậm chậm, xe tôi lạc vào một đám bê-tông và chiếc xe tôi đang lái suýt đâm thẳng vào một người công nhân đang dọn dẹp dụng cụ vào cuối ngày làm việc; vì không kiểm soát được, tôi loạng choạng ngã xuống. Ngay lúc ấy, anh công nhân cũng còn trẻ sau khi đã tránh được tôi, vội quay phắt lại giữ lấy tay lái xe của tôi rồi kéo lên. May quá, tôi không ngã, chứ nếu ngã thì có lẽ đầu tôi thế nào cũng đập vào đồng bê-tông. Chẳng những anh công nhân không bực mình mà còn đùa với tôi, “Chú có xin chưa?” nhưng ngay sau đó, có lẽ thấy tôi không thuộc hàng “bơm nhậu”, anh ấy nói lời xin lỗi và giúp tôi nhặt lại chiếc cặp đã rơi xuống đất. Hơi què què vì câu hỏi “xin chưa” của anh ấy, tôi lẳng lặng bỏ đi. Trên đường nghĩ lại, tôi mới thấy mình thật vô duyên! Chỉ vì một câu nói đùa mà mình giận người ta, trong khi người ta chẳng hề bực tức gì khi mình suýt đâm vào họ. Viết lại điều này, tôi tự trách về hành vi của mình và cũng là để cảm ơn anh công nhân trẻ đã đối xử tốt với tôi hôm ấy.

Nguyễn Đức Phương, quận Thủ Đức, TP.HCM



Bữa sáng giúp ổn định đường huyết và giảm cân

Bác sĩ ĐỖ THỊ NGÀ
Chuyên gia Tư vấn Dinh dưỡng NutiFood
Nguyên Trưởng Phòng khám TTDD Trẻ em TPHCM

Nhiều người vẫn chưa quan tâm đúng mức đến bữa sáng. Sáng ra có gì ăn nấy, ăn qua loa đại khái rồi đi làm đến khoảng giữa buổi thì bị đói cồn cào đến hoa cả mắt, là hiện tượng hạ đường huyết và sẽ tìm ăn những món chứa nhiều đường, nhiều béo, nên dễ làm tăng cân béo phì, là nguyên nhân dẫn đến bệnh tiểu đường.



Tầm quan trọng của bữa sáng

Bữa sáng là bữa ăn quan trọng nhất trong ngày vì nó cung cấp năng lượng chính cho cơ thể hoạt động. Những người ăn sáng đều và đầy đủ có mức cholesterol thấp hơn so với người ít ăn sáng, giảm nguy cơ béo phì và các

dấu hiệu sớm của bệnh tiểu đường. Ăn sáng đầy đủ sẽ không bị đói, không làm hạ đường huyết trong khi lao động và học tập, giúp não tiếp thu bài vở tốt. Tuy nhiên, cần chọn món ăn sáng đủ năng lượng, ít béo, duy trì đường huyết ổn định.

Tại sao người không ăn sáng đầy đủ dễ bị hạ đường huyết trong quá trình lao động và học tập?

Sau một đêm ngủ dậy, cơ thể đã tiêu hao hết nguồn thức ăn của buổi tối hôm trước, bụng đang trống rỗng, dịch vị ở dạ dày đang sẵn sàng tiếp nhận thức ăn. Nếu không ăn sáng mà tiếp tục làm việc thì sẽ tiêu hóa rất nhiều năng lượng được sản sinh từ glucose dự trữ trong máu, dẫn đến thiếu hụt lượng đường trong máu, gây nên tình trạng hạ đường huyết như: chóng mặt, hoa mắt, vã mồ hôi, bất tỉnh, ảnh hưởng đến trí não, mất ý thức trong thời gian ngắn. Vì vậy, bữa sáng là bữa ăn tiếp



tục cung cấp lượng đường máu giúp đường huyết ổn định, tăng cường năng lực hoàn thành tốt công việc.

Chọn thức ăn nào vào bữa sáng để phòng tránh tiểu đường và hạ đường huyết?

Nên chọn thức ăn giàu đạm, ít tinh bột, ít đường, ít béo, ăn với nhiều rau lá, rau trái, các loại giá đậu để góp phần phòng tránh tiểu đường và hạ đường huyết. Các món gợi ý: trứng luộc ăn với salad cùng nhiều hành tây trộn giấm, kèm 1-2 củ khoai tây luộc; mực hấp với bông cải xanh và nhiều củ hành tây, ăn với 1 chén miến nấu với tép tươi; riêu cua với nhiều rau giá, ít bún tươi; bún gạo hoặc nui nấu với tôm khô hoặc thịt nạc, kèm tàu hũ non và nhiều rau giá; hoặc đơn giản là một ly ngũ cốc dinh dưỡng... Chú ý, ăn vừa đủ no, sau khi ăn nên uống khoảng 200ml sữa tách béo, giàu đạm, giàu calci sẽ giúp cơ thể nhận đầy đủ chất dinh dưỡng và luôn ổn định đường huyết, giảm nguy cơ tiểu đường.

Vì sao bữa ăn sáng góp phần giảm cân?

Bữa sáng, khi chọn những thức ăn toàn nạc giàu đạm, ít béo, giàu chất xơ sẽ kéo dài cảm giác no và giảm cảm giác thèm ăn, nên bạn sẽ không có nhu cầu ăn vặt và không ăn nhiều trong những bữa ăn sau đó. Như vậy, cơ thể sẽ tự điều chỉnh năng lượng bằng cách sử dụng bớt lượng mỡ dư thừa để tạo năng lượng cho cơ thể hoạt động góp phần làm giảm mỡ, giảm cân hiệu quả.

(Nguồn: Sài Gòn Giải Phóng thứ Bảy số 1183)





CHUNG TAY HÙN PHƯỚC XÂY TƯỢNG ĐÀI

Như đã đưa tin số báo 187 ngày 15-10-2013, ngôi Viên Giác Thiền Tự ở ngọn đồi thiêng Giang Điền, Đồng Nai; trong giai đoạn II đại trùng tu có một công trình mang ý nghĩa tâm linh và tôn quý là Tượng đài Quan Thế Âm Bồ-tát cao 19m bằng đá hoa cương nguyên khối, lễ đài với chiều rộng 37m, chiều dài 12m. Trong đó con số 19 tượng trưng cho ngày vía của Quan Thế Âm Bồ-tát, con số 37 tượng trưng cho 37 phẩm trợ đạo, con số 12 tượng trưng cho 12 lời nguyện Quan Thế Âm Bồ-tát và $37+12=49$ tượng trưng cho 49 năm thuyết pháp của Đức Từ Phụ Thích Ca Mâu Ni.

Công trình tôn quý này đang được xúc tiến, quý Phật tử gần xa tùy duyên phát tâm góp phần công đức giúp cho Phật sự xây dựng Tượng đài sớm được viên thành.

■ Liên hệ: SĐT 061 268 6837 – 061 221 8956 – 090 395 2066 (Sa-môn Thích Giác Hiếu)

Website: www.viengiacthientu.com.vn - Email: chuandevuong@yahoo.com

Facebook: [chuandevuong](https://www.facebook.com/chuandevuong) – [vgtt.thichgiachieu](https://www.facebook.com/vgtt.thichgiachieu)

LỚP HƯỚNG DẪN

Tâm Thư Pháp

Thư pháp theo phong cách **Thiền Phật Giáo**

○ **Khai giảng: ngày 1 và 15 mỗi tháng**

○ **Tại chùa ĐẠI HẠNH:**

107/4 Ngô Đức Kế, P.12, Q.Bình Thạnh, TP.HCM

○ **Thời gian học:** Từ 8 giờ đến 10 giờ sáng thứ Hai hoặc Chủ nhật hàng tuần

○ **Học phí:** 200.000đ/1 học viên/1 tháng

○ **Nhận tổ chức triển lãm Tâm thư pháp cho các đơn vị có nhu cầu (miễn phí)**

○ **Liên hệ:** Tại địa chỉ trên hoặc điện thoại **0909 660 825** (gặp Thầy Chính Trung)

BẢO LONG

CHUỖI GỖ

Chuyên: Sản Xuất & Phân Phối
CHUỖI GỖ CÁC LOẠI

47/14 - Đường 12 - Kp4 - P. Tam Bình - Q. Thủ Đức
ĐD: 090 88 77 912

Tác phẩm Cầu Long - đá mã não VN - cao 3.5m, nặng 5 tấn

Tác phẩm Lưỡng Long - đá mã não VN - dài 2m, nặng 5 tấn

Sản phẩm đá quý của COASTAL GEMS được bán tại:
Showroom COASTAL GEMS: 86 Nguyễn Hồng Đào P.11, Q. Tân Bình. Tel: 0938849886 - 01228986668
Chuyên: trang trí, tượng Phật, Tủ thờ
COASTAL GEMS - GEMSTONE FOR HOME DECORATION
Website: www.coastalgems.com.vn

COASTAL GEMS
THE GIFTS FOR THE SOULS

CỬA HÀNG VĂN HOÁ PHẨM PHẬT GIÁO

NHƯ ĐỨC

Pháp phục - Pháp khí

Kinh - Sách - Ấn phẩm Phật Giáo

Tranh Tượng Phật

530 Điện Biên Phủ, P.11, Q.10, TP.HCM (Ngã 3 Điện Biên Phủ - Bàn Cờ)

ĐT: 08.22419056 - 08.22419057

Email: nguyenkimhien1958@yahoo.com



Nhà hàng chay HOA KHAI

Khung cảnh thoáng mát, lịch sự, sang trọng

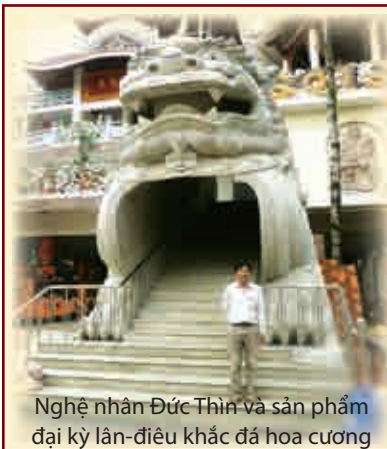
Phục vụ điểm tâm, cà phê, nước giải khát...

Nhiều món chay thuần khiết từ cao cấp đến bình dân

Nhận đặt tiệc chay: cưới hỏi, sinh nhật, họp mặt liên hoan

Số 124-126 Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP.HCM

ĐT: (08) 36 021 025 – Email: veg.hoakhai@gmail.com



Nghệ nhân Đức Thìn và sản phẩm đại kỳ lân-điều khắc đá hoa cương

XUỒNG ĐIỀU KHẮC ĐÁ MỸ NGHỆ MỸ HẢO

Chuyên điêu khắc đá:

- **Tượng Phật giáo:** Các tôn tượng Phật Thích Ca, Phật Di Lặc, Phật Dược Sư, Quán Thế Âm Bồ-tát, 18 vị La Hán, Đạt Ma Tổ sư và phù điêu Phật giáo...
- **Trang trí sân vườn:** Tiểu cảnh, bàn ghế, đèn vườn, đài phun nước...
- **Sân phẩm khác:** Tượng Phúc Lộc Thọ, tượng Châm, tượng thú, tượng chân dung...

Vui lòng liên hệ: Nghệ nhân Nguyễn Đức Thìn,

225, tổ 6, ấp Thiên Bình, xã Tam Phước, Long Thành, Đồng Nai.

ĐT: 098.9212189 – Email: dieukhacdamyhao@gmail.com

Website: www.tuongdamyhao.com



QUÁN CHAY - DHARMA FOODS

Email: quanchay@phapuyen.com

- 1 17/4 Nguyễn Huy Tưởng, P.6 Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT. (08) 35 035 579 - 0933 878 956
- 2 72/1B Lâm Văn Bền, Tân Thuận Tây, Q.7, TP.HCM
ĐT. (08) 36 026 650 - 0919 190 177

DHARMA GARDEN

website: www.phapuyen.com – email: lienhe@phapuyen.com



NHÀ SÁCH - DHARMA BOOKS

Email: nhasach@phapuyen.com

17/2 Nguyễn Huy Tưởng, P.6 Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT. (08) 36 026 818 - 0916 943 877

phát hành: kinh sách, tạp chí, tranh tượng, trà cụ, quả lưu niệm, pháp phục Tăng Ni, cư sĩ...

ăn phẩm: trình bày & thiết kế, liên kết xuất bản, ăn tổng y phục: nhận may pháp phục và đồng phục



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ



Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn

3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0917171948 - 0938734035

"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"



Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - ĐB: 0989 183 398

□ Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu paraffin, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tím đèn...

□ Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước

Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM

Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506

Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn

Website: www.quangnghecandle.com

CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PHÚ KIM

Chuyên thiết kế sản xuất cung cấp si và lễ:

- Móc khóa, quả lưu niệm
- Quả tượng Phật giáo các loại.

ĐT: 094 696 7466
(08) 3880 9766

Email: saigonphukim@gmail.com - Website: www.sgpk360.com
Showroom: 378/8 Thoại Ngọc Hầu, P. Phú Thạnh, Q. Tân Phú, TP.HCM



Diệu Tượng Am là một hệ thống chuyên cung cấp các tác phẩm nghệ thuật Phật giáo vừa khai trương thêm một cửa hàng tại số 382B Nam Kỳ Khởi Nghĩa, quận 3, TP.HCM.

Cửa hàng có diện tích 300m² gồm 1 trệt và 1 lầu được thiết kế rất mỹ thuật, sang trọng với nhiều tác phẩm nghệ thuật Phật giáo có xuất xứ từ Đài Loan và Trung Quốc được trưng bày thật trang trọng như:

- Tượng Hán Bạch Ngọc vẽ
- Tượng gỗ trơn và gỗ vẽ cao cấp
- Tượng sứ
- Ngọc lưu ly
- Tượng đồng nghệ thuật

- Chuông, mõ và các pháp khí đồng cao cấp
- Tranh đá quý
- Ấm tử sa, trà bộ và trà cụ nghệ thuật

❖ **Thời gian mở cửa:** Từ 8h sáng đến 9h30 tối các ngày trong tuần.

Thiên đường du lịch của Việt Nam!



Lựa chọn số một cho kỳ nghỉ 5-sao của gia đình bạn!

Chỉ mất vài phút đi từ thành phố Nha Trang - một trong những địa điểm du lịch hàng đầu Việt Nam, bạn sẽ đắm mình giữa thiên nhiên miền nhiệt đới và bờ biển hoang sơ của đảo Hòn Tre thơ mộng. Với vẻ đẹp tự nhiên, khung cảnh nên thơ và đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, bạn sẽ có được những trải nghiệm thư giãn chưa từng có. Hãy đến với Vinpearl Resort Nha Trang và tận hưởng kỳ nghỉ đẳng cấp cùng gia đình bạn.

VINPEARL RESORT NHA TRANG

Đảo Hòn Tre, Nha Trang, Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại: +84 58 3598 188 - Fax: +84 58 3598 199

info@vinpearlresort-nhatrang.com - www.vinpearlresort-nhatrang.com


Vinpearl Resort
NHA TRANG

Đón đọc

VĂN HÓA

P HẬT GIÁO

Số đặc biệt: 193 + 194
(Xuân Giáp Ngọ)

Phát hành ngày 15 - 1 - 2014

CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH:

HÀ NỘI

Nhà hàng cơm chay – trà đạo
Bồ Đề Tâm
89B Nguyễn Khuyến, Quận Đống Đa
68 Phạm Huy Thông, Quận Ba Đình
Hà Nội
ĐT: 0929398189 - 0912882255

Cửa hàng sách Hồng Vân
74 Quán Sứ, Hà Nội
ĐT: 0913 017 920

Cửa hàng Chân Tịnh 1
Chuyên viên Phòng Tổng hợp
Trường Đại học Kiến trúc
Km 10, đường Nguyễn Trãi,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0904 990 666

Cửa hàng Chân Tịnh 2
A38 TT8 khu đô thị Văn Quán,
Hà Đông - Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0938 071 188

QUẢNG BÌNH

Cô Nguyễn Phước
Phòng phát hành Hoa Ưu Đàm
226 Trần Hưng Đạo, TP. Đồng Hới - QB
ĐT: 0917 703 325

THỪA THIÊN-HUẾ

Anh Trần Văn Tỷ
Tuệ Tĩnh đường Hải Đức
182 Phan Bội Châu, TP. Huế
ĐT: 0905 168 411

ĐÀ NẴNG

Chị Thủy, 200 Tô Hiến Thành,
Q. Sơn Trà - TP. Đà Nẵng
ĐT: 0905 278 527

Thượng tọa Thích Từ Nghiêm,
chùa Phổ Đà
340 Phan Chu Trinh, TP. Đà Nẵng
ĐT: 0914 018 093

Phòng Kinh sách chùa Pháp Lâm
(Thành hội Phật giáo Đà Nẵng)
500 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng
ĐT: 05113873128

Cửa hàng Thanh Nhã
124 Lê Đình Dương, TP. Đà Nẵng
ĐT: 05113565021
(Chị Ty)

QUẢNG NGÃI

Phòng phát hành
Văn hóa phẩm Phật giáo
334 Trần Hưng Đạo, TP. Quảng Ngãi
ĐT: 055 2221 819 - 0905 427 211
(chị Linh)

BÌNH ĐỊNH

Chị Hoàng
Phòng phát hành Hiến Nam
3 Trần Thị Kỳ, TP. Quy Nhơn
ĐT: 0935 272 261

Anh Hùng

Thư quán chùa Long Khánh
141 Trần Cao Vân, TP. Quy Nhơn
ĐT: 0987 219 374

KHÁNH HÒA

Chị Hương,
Thư quán Hy Mã Lạp Sơn, chùa Long Sơn
số 20 đường 23 tháng 10,
TP. Nha Trang
ĐT: 058 2241 868 - 0168 2552 374

NINH THUẬN

Sư cô Mỹ Đức, Ban Văn hóa Ninh Thuận,
chùa Diệu Nghiêm, số 54 đường 21 tháng 8,
Phan Rang, Ninh Thuận. ĐT: 068 3820 806

DAKLAK

Thầy Thích Nguyên Huân,
chùa Sắc tứ Khải Đoan, 117 Phan Bội Châu,
TP. Buôn Ma Thuột
ĐT: 0500 3853837 - 0913 434 138

LÂM ĐỒNG

Thầy Thích Minh Tuệ
90B/32 Vạn Hạnh P.8, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3552 922

Phòng phát hành chùa Phước Huệ
697 Trần Phú, TP. Bảo Lộc
ĐT: 0169 8287 177
(Cô Hương)

BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Cô Vân, chùa Từ Quang
102 Hạ Long, P.1, TP. Vũng Tàu
Bà Rịa-Vũng Tàu
ĐT: 064 3856 415

Tịnh Thất Long Thiên
Núi Dinh, xã Hội Bài, huyện Tân Thành,
Bà Rịa Vũng Tàu
LH: Sư cô Liên Đức. ĐT: 0643 941 099

SÓC TRĂNG

Đại đức Thích Trung Hữu
22 Ngô Gia Tự, Sóc Trăng
ĐT: 0907 465 073

CẦN THƠ

Chị Tâm, Phòng phát hành
128 Nguyễn An Ninh, Q. Ninh Kiều,
ĐT: 0939282636

Thầy Thích Minh Thông,
chùa Phật Học, 11 Đại lộ Hòa Bình,
TP. Cần Thơ
ĐT: 0918800707 - 07103827685

TIỀN GIANG

Ni sư Tịnh Nghiêm, chùa Tịnh Nghiêm
145 ấp Mỹ An, xã Mỹ Song,
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.874.469 - 0913.601.656

Đại lý Mây Hồng, 57 Lý Thường Kiệt
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.877.054

VĨNH LONG

Nhà sách Khánh Tường
135B đường 2 tháng 9, P.1
thị xã Vĩnh Long
ĐT: 070. 834 653 - 070. 834 654
(Chú Tư Nờ)

TP. HỒ CHÍ MINH

Tại tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q. 3
ĐT: 38.484.335

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 19.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG